

Nhã Ca

Tình ca
cho
HỮU
đỗ nhất



tình ca cho Huế
đồ nát

nhà ca

tình ca cho Huế đồ nát

nhã ca

bìa: *internet*

trình bày: *MuonPhuong*

nguồn: *Tieulun*

Copyright © 1969 by Nhã Ca

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

**tình ca cho Huế
đổ nát**

NHÃ CÀ

1.

Thư Gửi Tuổi Thơ Ấu Của Huế

Mi Ki thân mến,

Tôi phải nói với Ki về thành phố đó. Chúng ta đã sinh ra, đã sống ở đó, ít nhất là một phần của tuổi thơ ấu. Tuổi thơ ấu của Ki đã cho tôi thật đầy đủ. Những ngày ở bãi biển Thuận An, đi lang thang ngoài biển, bắt cào cào, đào trộm khoai, chơi cút bắt, hay thơ thẩn một mình ngoài đồng rộng chạy đuổi theo những bông cỏ lăn theo gió. Tắm ở phá Tam Giang, giữa trưa nắng, cát nóng bỏng như lửa. Ki đã chạy nhảy, chân giẫm từ đám cỏ khô này qua đám cỏ khô khác để tới rừng dương, nhìn một cái hồ nhỏ đầy cá mặt trắng. Cá mặt trắng, những mặt trắng nhỏ, trắng muốt của tuổi thơ chúng ta tung tăng trên mặt hồ, bên những cành dương rủ bóng, kênh kieu một cách đáng yêu với bờ đê, với bãi biển kêu gọi, rủ rê suốt ngày tháng.

Rời bỏ Thuận An, Ki bé nhỏ, quê mùa của tôi bước chân lên thành phố. Bỡ ngỡ và rụt rè, bị bắt nạt, nước mắt, đó là đặc điểm của Ki thời đó. Bị bắt nạt là đáng lắm, bởi Ki chỉ biết có bãi cát trắng phau, với những đợt sóng liếm vào bờ suốt ngày không biết chán. Ki chỉ biết có những con đường làng cát bắn rụng đầy hột keo khô, lẫn với vỏ nghêu, vỏ sò vỡ. Bị ném vào một thành phố đầy trẻ con tinh ranh, Ki làm sao chống đỡ nổi. Tội nghiệp Ki của tôi hồi tám chín tuổi với một phố Huế xa lạ, giục giã sự tò mò. Ki vẫn giữ khuôn mặt đen dịu, đôi mắt vàng chói nắng biển, mái tóc cắt ngắn kiểu con trai, mặc quần sọt với áo sơ mi bởi vì ba chúng ta muốn có một đứa con gái ngộ nghĩnh hơn là xinh đẹp. Ki bắt đầu đi học, Ki có bạn mới, Ki quên bãi biển Thuận An, quên làng quê buồn hiu nhưng thơ mộng đến nỗi có những đêm mơ thấy bầu cá mặt trăng bơi lội tung tăng trên mặt hồ đượ ánh sáng xanh mát, hoặc những cánh dương dài như những cánh tay khằng khiu vẫy vẫy, Ki đã khóc trong giấc ngủ. Hoặc đôi khi đang ngồi trong lớp học, Ki bỗng nghe thấy một âm thanh gì rì rào quen thuộc, Ki nôn nao cả người và chột nhór ra âm thanh đó giống tiếng sóng biển mà Ki đã nghe hoài huỷ hồi ở quê mẹ. Chúng ta thực tức cười phải không Ki, hồi đó chúng ta cứ tưởng Huế với Thuận An là hai miền xa cách như bây giờ Sài Gòn với Hà Nội vậy. Vừa biết Huế, gia đình ta ở An Cựu, cạnh nghèo đường xay. Chúng ta có thể chạy lông bông, nhưng không còn được thông thả như hồi ở nhà quê nữa vì chúng ta phải canh chừng những chiếc xe nhà binh với những ông Tây to lớn, mặt luôn luôn đỏ

kề như say rượu. Chúng ta thấy phía này có ruộng, phía kia có bờ sông, có cầu đúc nổi sang bên chợ. Ki có còn nhớ cây bông búp cao mọc ở cạnh chân cầu đó chớ. Cây búp mà chúng ta thường ao ước nhặt những búp khô rụng, thổi phồng lên như đã từng thổi chiếc bong bóng lợn của dượng Tin cho hồi còn ở Thuận An. Thêm một hai tuổi gì đó, chúng ta rời An Cựu, được gửi học nơi nhà một ông giáo nhà ở tít dưới Mù U, Ki đã trốn học, đã khóc và bị ăn roi đến quần đít vì bướng. Ki đi học làng hoàng. Mùa nắng Ki mặc áo hoa, đi guốc. Mùa mưa, Ki còn nhớ không, chúng ta mang cái toi bằng lá, tròng từ đầu xuống cổ, có sợi dây thừng nhỏ rút trước cổ, buộc chặt cho gió khỏi bay. Ngôi trường tiểu học ở thật xa tít giữa bãi hoang có nhiều đất sét. Xung quanh lại có nhiều mồ mả nữa. Những đứa trẻ tinh quái thường dọa có nhiều mả Tàu Ô lắm, rồi chúng ta được nghe nhiều chuyện kinh hoàng về giặc Tàu Ô. Nhà chúng ta ở nơi một con đường rất dốc. Dốc cao đến nỗi người lớn nói đứng trên đầu dốc có thể nhìn thấy cột cờ Phú Văn Lâu. Nhưng Ki nghễnh cổ, nhón chân, cũng chỉ nhìn thấy những đợt phượng mùa hè đầy bóng đỏ rực, mùa đông lũng lảng những quả dài sắc cong như lưỡi mác. Phía trên đầu dốc kia là Đàn Nam Giao, nghe nói đường đi xa lắm, chân của Ki thì quá ngắn. Cho tới khi tôi đi được chiếc xe đạp, ngang qua con đường đất vòng quanh Đàn Nam Giao, tôi cười mãi về sự tưởng tượng của Ki hồi còn nhỏ, và nhớ Ki như một phần hồn, phần thơ ngây của mình đã mất vĩnh viễn.

Ki còn nhớ không, trước mặt nhà chúng ta là ngôi nhà cô bạn nhỏ tên Chín. Trước sân nhà Chín có vài cây nhãn, dưới gốc cây bọn con nít thường chơi trò buôn bán với vỏ hến, lá cây hoặc những sa thạch vò nát đẹp phơi nắng. Bọn nhỏ còn đánh thẻ, đánh thẻ nẻ đau, đôi khi bầm tím cả đôi chân. Tụi nhỏ còn đánh ô làng bằng hạt cây thầu đâu, cây thầu đâu mà khi lớn lên tôi biết nó còn được gọi thêm hai ba tên là sầu đâu hay sầu đông cũng được. Trong căn nhà của Chín, Ki thường hay thắc mắc về một ông cụ già mà người lớn gọi là ông Huyện. Ông thường đội khăn đóng, mặc áo dài đen, mỗi lần sang Chín chơi trông thấy ông Ki thường núp sau bể cạn. Người ta nói thời trước ông Huyện oai lắm, ông làm quan, dân đi ngang qua nhà phải cúi đầu không thì bị lôi vô đánh đòn. Ki không những cúi đầu mà còn trốn biệt sau chiếc bể cạn, Ki sợ đánh đòn lắm. Nhưng ông Huyện hiền lành lắm, ông lôi Ki ra chỗ núp cười bảo vô nhà chơi với Chín. Ông nhìn tụi nhỏ nghịch đất cát, ông ngồi ngắm mấy chậu cây. Ki vô nhà thấy có treo tấm ảnh của ông lớn lắm, ông ngồi trên chiếc ghế chạm trổ có lính hầu đứng quạt nữa. Một tấm gỗ láng bóng nổi lên ba chữ nho to tướng như bằng vàng, giữa nhà có sập gụ. Ki lấy làm ngạc nhiên vì nhiều nhà có những thứ lạ mắt như thế. Huế cũng quyền rũ Ki lắm chứ, những ngày đi học, ghé vô sân chùa lượm me rụng, đào rụng, hay tha thần dọc đường hái trái ngũ sắc chín đen, trái mằm ruốc chín vàng, ăn ngọt đỡ khát nước. Dần dà Ki quen với Huế, thân với Huế hẳn hoi, Ki thường ngẩn ngơ ngắm những chị lớn tóc xoã dài, áo trắng đội nón lá, đi thướt tha

yếu điệu. Trông họ đẹp và rườm rà quá. Rồi chính Ki, Ki cũng bỗng theo họ từ lúc nào. Nhưng khổ thay càng ngày Ki càng thấy trong cái thân thể Ki đang trú ngụ bỗng xa rời Ki mãi. Cho tới lúc cái thân thể đó rũ bỏ chiếc áo ngắn để thay bằng chiếc áo dài lụa đầu tiên, mái tóc ngắn được nuôi dài và biết che bằng nón lá. Nó đã hắt hủi ánh nắng mặt trời vàng tươi Ki mang từ biển, tay chân nó đã chệch bỏ những cơn gió mùa hè ngây ngất, mắt nó, mũi nó đã rời xa mùi hoa khế, mùi me chua, lạnh lùng với bông hoa ngũ sắc, thì Ki hoàn toàn bị bỏ rơi rồi. Tôi mất luôn Ki, mất mà không biết Ki đã bỏ tôi đi từ lúc nào, chỉ biết có một lúc giật mình thấy có đứa bé trong hồn mình bỏ đi biệt tích, bỏ đi một cách lặng lẽ, không để lại một dấu vết gì nữa.

Ki thân mến,

Gợi lại để Ki biết là tôi vẫn còn nhớ tới Ki, không phải là nhớ nữa, mà là một kỷ niệm, một khát khao để tôi tìm về trong bất cứ năm tháng nào, nếu có dịp. Nhưng bây giờ nhìn về, có nhớ nhưng thăm thiết bao nhiêu thì sự thăm thiết đó cũng chỉ nhắc nhở tôi khoảng cách lớn dần ra mãi. Tôi càng nhắc càng chứng tỏ tôi càng bỏ xa Ki biệt mù. Nhưng hôm nay tôi phải nhắc lại với Ki để nói về một thành phố. Vì chỉ có Ki mới đủ thẩm quyền để bắt tôi phải than thở, phải đau đớn, phải khóc lóc. Và tôi muốn cho Ki biết tôi đã đi đứng, ăn nói, thương yêu thù ghét thành phố của tuổi thơ đó như thế nào. không nói thì Ki cũng có thể biết, bởi vì trong những năm sống ở Huế, làm một cô gái Huế xoã tóc, đội nón, đi guốc

trắng, thỉnh thoảng trên đường về một mình, bên cạnh bụi hoa ngũ sắc tôi còn trông thấy hình ảnh Ki, tóc cắt ngắn, quần sọt, áo sơ mi, đôi mắt mang màu nắng của biển vừa đứng ở đó, đứng ở đó rồi biến đi rất nhanh làm tôi bàng hoàng như mình đánh mất một thứ, một thứ thiêng liêng ghê lắm thương yêu ghê lắm, tiếc ghê lắm mà không thể nào trở về với nó được. Không thể trở về vì hai người đang cố tình trốn chạy nhau. Còn nhiều dịp nữa, trong những lần nhìn những cô bé con chơi buôn bán, đánh thẻ, đánh ô làng, nghịch đất, tôi thấy trong tâm hồn tôi lộ ra một nhánh hồn bé nhỏ muốn với tới, một cô bé nào đó ngoảnh mặt nhìn tôi với nụ cười nửa mỉa mai nửa khinh bỉ. Ki đó phải không?

Nhưng tôi cũng phải quên Ki đi ngay. Quên Ki để đạp xe đạp qua cầu Tràng Tiền với bè bạn. Quên Ki để làm những cuộc đi chơi xa hơn, thích hơn. Tôi biết nhiều về Huế quá. Tôi đi hết những lăng tẩm. Tôi biết chuyện vì sao ông Huyện có bức ảnh chụp với lính quạt hầu lại có nụ cười hiền lành dễ thương đến thế. Tôi còn biết cả lịch sử huy hoàng của Huế khi đặt chân đến Đại Nội nữa. Chiếc ngai bằng vàng, những chậu cây bằng vàng trái ngọc, những Đàn Nam Giao tế trời tế đất. Tôi nghe tiếng chuông Linh Mục với một tâm hồn dào dạt mơ mộng chớ không như Ki hồi trước, chỉ ru giấc ngủ hoặc để đánh thức thời giờ đòi quà buổi sớm mai. Tôi còn biết thưởng thức bao vị chua cay của Huế, đi ăn bánh bèo, bún bò, bánh khoái. Tôi tập thú đi chơi một mình, mơ mộng một mình. Những ngày mưa tầm tã, bầu trời

thảm đạm, một mình một áo mưa đi lang thang, gió đánh rất cả da mặt, mặt nước sông Hương mù mịt nước. Chân đạp trên bao lá khô. Tất cả như mù mịt hết. Dòng sông, nhịp cầu, trường học, những ngôi nhà che kín trong khu vườn rộng, tất cả nhòe nhoẹt trong mưa hết. Tôi cười lại Ki, tôi làm gì có những phút thoát trần như thế.

Tôi cũng phải nhắc tới tình yêu trong thành phố đó cho Ki nghe nữa. Những hoàng tử áo xanh, những công chúa áo vàng ngày thứ Hai đầu tuần. Những lá thư tình viết thả rơi. Những cái liếc mắt sau vành nón... Một mối tình như một cơn giông bão từ phương nào ồ ạt đến. Thơ mộng, lãng mạn, đau đớn sung sướng, nước mắt, thôi thì đủ cả. Có lúc nào Ki đứng đằng sau tôi, trước mặt tôi nhìn tôi lúc đó không? Tôi có đáng được sung sướng đau khổ như thế không? Và Ki ơi, Ki có biết được ngày tôi bỏ Huế?

Lúc lên máy bay, chuyến đi đầu tiên để bỏ thêm một phần hồn thân yêu của mình nữa. Có cô gái che vành nón liếc ánh mắt tiễn đưa. Nhưng tôi đã bay rồi. Tôi bay để làm một chuyến đi cách xa Ki thêm mãi, và cách xa cô gái kia mãi mãi.

Từ đó tôi ít khi nghĩ tới thành phố đó lắm. Tôi lăn vào đời, tôi để ra những tuổi thơ, tôi nhìn những tuổi thơ đó lớn lên, tôi nuôi tuổi thơ con cái, nhìn tuổi thơ đó như nhìn Ki hồi nhỏ. Nhưng Huế thì như một cái bóng thật mờ lấp ló đằng sau cuộc đời mình, đôi lúc cho lại tôi vài phút êm đềm, nhưng cũng hiếm hoi lắm.

Tôi không còn thì giờ để nhớ tới đàn cá mặt trắng trong chiếc hồ nhỏ lẻ loi giữa rừng dương. Tôi quên khuấy mất những hột keo khô rơi lấm tấm đầy trên con đường làng cát bấn. Tôi quên ánh nắng mặt trời trên bãi cát hung vàng mái tóc Ki. Có nhiều lúc nhìn nụ cười con thơ, nhìn chúng tò mò coi một chú gián bò trong góc nhà, tôi nghe tiếng ai hỏi trong đầu: Nhớ tôi không? Nhớ bầu đom đóm nơi đường rày không? Nhớ cây khế nơi nhà ông xếp ga không? Nhớ đàn cá mặt trắng không? Ki ơi, tệ quá, nào tôi còn nhớ gì nổi.

Ki tha thứ cho tôi nhé. Đừng giận bởi vì đã có lúc tôi nhớ ra Ki rõ lắm, nhớ như mình nhớ mình thì làm sao không rõ ràng được. Đó là lần tôi về Huế để gặp mặt lần cuối ba của tôi. Quên, ba của Ki và tôi chứ. Lúc khóc lóc đã mệt, vật vã đã rừ hết tay chân, tôi bất chợt nhìn ra kẽ hở của song cửa. Một bụi cây Ki ơi. Từ một bụi cây dẫn tôi ra một đường phố, một đường phố dẫn ra một trường học, một khu vườn. Chúng rủ tôi đi xa nữa, một bãi biển, một mặt hồ đầy cá mặt trắng, một khu vườn sầm uất của Trấn Hải Đài ở Thuận An nữa. Tôi nhìn thấy Ki đi trên bờ thành lũy. Tôi nhìn thấy Ki ngã từ trên nhánh ổi xuống và ba chạy tới vội vã bế Ki lên. Tôi còn thấy chiếc sân rộng trong khu Trấn Hải Đài ngày ba ngồi thắt cho Ki hai chiếc gióng mây và chuốt cho Ki cái đòn gánh tre để Ki giả đồ đi gánh nước. Nhiều nơi nữa, trong sân ở một ngôi nhà ở An Cựu, ba bế Ki ngồi lên lòng và hai chân ba rung rung. Cả chiếc xe đạp cũ kỹ mà ba thường đặt cái gối bông nhỏ đằng

sau bót ba ga, bắt Ki ngồi ôm lưng thật chặt để ba thả xe chạy xuống con dốc Nam Giao đi sang phố mua cho con búp bê nhỏ. Nhưng hình ảnh đó cũng chớp nhanh lắm để trả tôi với bụi cây trước mắt. Những lá xanh đang thắm màu dần nhưng còn bám vài tia nắng yếu ớt của ngày cuối năm. Huế mình như thế đó, cuối năm bao giờ mặt trời cũng muốn lười biếng, cũng không nhéo đến rơi nước mắt. Ki đang đứng đằng sau lưng tôi, đang đứng trong hồn tôi để giúp tôi trào thêm những giọt lệ.

Ba bỏ đi rồi, mất biệt rồi, đứt luôn cả sợi dây tơ đang mỏng dần giữa tôi và Ki. Vậy là hết.

Phải, đã hết thực rồi, Ki ạ. Bây giờ tôi đứng trước Huế, nhìn Huế với một con mắt khác, một tâm hồn khác. Mấy ngày liền tôi đã thấy sợi dây tơ mềm cột chặt tôi với Huế đã đứt lìa hẳn. Nhưng lạ lùng thay, đôi lúc tôi vẫn còn thấy Ki che mặt, giận dỗi, khóc lóc, rên rĩ vật vã ở trong tôi. Có phải tiếng khóc cuối cùng của tôi thương tiếc người cha, hay tiếng khóc của Ki đau đớn vĩnh biệt, một phần hồn tách lìa một thân xác để đi biên biệt mãi.

Tôi giờ tay chào Ki và từ giã luôn nhé.

Không Ki ơi, tôi đã làm ghê lắm. Làm lớn lắm. Đúng tôi vẫn còn nhìn thấy Ki, đúng Ki là một phần hồn thủy chung duy nhất còn ở lại trong tôi, với tôi trong những giờ phút mà chính tôi cũng không còn sự sáng suốt để dẫn dắt mình nữa. Tôi đã chạy loạn cùng khắp, và chính trong những giờ phút tôi

mê muội nhất thì tôi lại nghe tiếng kêu của Ki. Con đường này, chiếc cầu này, khu vực này. Tôi chạy tới, chạy lui và tiếng kêu dẫn đường cho tôi tìm thấy lối sống.

Đúng là Ki thật rồi. Nhìn thấy Ki tất tả trong đám trẻ con chạy loạn, nhìn thấy Ki bên những cánh tay khúc chân thịt non còn bê vết máu. Nhìn thấy một phần thân thể Ki nơi chiếc miệng rở đầy giải của con chó đang quắp đuôi chạy trong đám bụi mù, trong ánh lửa đạn. Tôi nhìn ra Ki tức là đã nhìn ra Huế. Trong bao năm tôi tưởng như tôi đã chôn vùi hình ảnh Ki cùng xứ Huế với những ngày thơ, với lăng tẩm đền đài đằng sau đời sống mới ở một xứ khác. Tôi lầm phải không Ki. Trong một tháng chạy loạn, có lần tôi đã tưởng Huế của chúng ta đã hết, đã tan nát, đã bị vùi chôn. Đã hết khi tôi bưng kín mắt, nằm ép trong góc tối của khu nhà trong cung An Định. Khi tôi chạy băng qua cầu An Cựu mà không nhìn thấy cây bông búp. Nhưng không, tôi vẫn thấy trên những đồng gạch to lớn chưa từng thấy của thành phố, hình ảnh của Ki ngày nào bé bỏng non thơ đi lang thang trên đó. Hình ảnh của Ki trôi trên những đợt mây xám, len lén trong ánh sáng hăm hiu của bầu trời lất phất mưa để đi thăm những đổ vỡ, những mảnh tường xâm mình với bao thứ bom đạn.

Tôi còn nhìn thấy Ki nhiều lần nữa. Chẳng hạn như một hôm sau mười mấy ngày nằm trong hầm tối, vừa chui lên miệng hầm, không khí mát lạnh làm tôi tỉnh người. Và những bóng lá xanh mướt ve vãn trước mắt tôi, một bụi cây, một nhánh cỏ mà

làm cho người ta yêu đời biết bao nhiêu. Trí tưởng tượng của tôi như đang ngập hết cả vùng trời, tôi nhìn thấy Ki tung tăng trong ánh nắng vàng của dĩ vãng, ánh nắng đó còn bám lại trên mái ngói của trường Đồng Khánh, của những bức tường đã và đang sụp đổ. Tôi thấy Ki đứng tần ngần bên cạnh ông Tám thợ may, ông già râu dài đến rốn ngày xưa cho Ki cạy đường, bây giờ nằm chết cong queo bên đường mười mấy ngày chưa được chôn cất. Ki cũng còn đứng bên những ngôi mộ của một số bạn bè cũ đã lớn lên, Ki đang đứng cùng tuổi thơ của họ xung quanh ngôi mộ đắp vôi vàng, cùng với bầu trời mưa phùn nhỏ những giọt lệ không đủ làm ướt áo.

Mi Ki thân mến,

Ki thấy không, chúng ta thật đã có quá nhiều chuyện để nói với nhau về Huế. Nhưng chưa hết đâu Ki, tôi còn một chuyện nữa phải nhắc lại với Ki. Chuyện con heo khổng lồ trong tuổi thơ của mình ấy mà. Ki còn nhớ chứ? Thật chuyện của mình rằng mà lộn xộn quá đi, nhưng tôi chắc là Ki sẽ phải reo vui, khi tôi còn nhớ và nhắc tới con heo khổng lồ ấy. Đã có một dạo, trong những lần tha thẩn với Huế, chúng ta đã không thể nào không dừng lại trước một căn nhà lá nghèo nàn trên Lích Đới, giữa con đường đi nghèo lên Tây Thiên. Ki đã nhớ ra rồi phải không? Con heo của ông già lười biếng ấy mà. Chúng ta đã cùng nhau đặt tên cho ông cụ là “ông già lười biếng”, vì chả bao giờ thấy cụ mần ăn chi hết... Buồn cười quá Ki nhỉ. Lúc nào mình ghé lại cũng thấy ông cụ ngồi bên cái ấm nước chè lá với mấy cái ly nhựa.

Hình như suốt ngày ông cụ chỉ cố gắng nấu được nồi nước chè lá thật ngon để mời những người khách đến thăm con heo kỳ dị ấy. Tội nghiệp Ki biết bao, dạo ấy, Ki nhỏ chút, khi đứng trước cái chuồng heo to lớn chiếm hết nửa căn nhà. Còn heo thì thôi, nó to như một con bò, nằm chình ình hết hai phần ba cái chuồng, lông to cứng tủa ra như rễ tre, những túi thịt vĩ đại xệ xuống, khiến chúng ta đã cố tìm mà không thấy hai mắt nó ở đâu. Con heo cũng đã quá già, không còn đủ sức đứng dậy, suốt ngày cứ nằm rệp trên đồng rác rưởi dơ dáy của chính nó.

Người ta tới thăm con heo khổng lồ này cũng đông lắm, và cứ mỗi lần có khách ông già lười biếng này lại khoe khoang:

“Con heo ni tui đợi tới khi mô hòa bình mới làm thịt ăn mừng!”

Ông già nói xong lại nhướn đôi mắt hấp hèm lên nhìn trời. Con heo khổng lồ của ông già vì rứa, còn được gọi bằng “con heo hòa bình” nữa. Hồi đó, cái tên này đã làm Ki ngạc nhiên. Tại sao lại phải đợi hoà bình. Mà hòa bình là cái gì thế nhỉ? Huế hiền lành của chúng ta có ai đánh đấm gì đâu mà phải đợi hòa bình?

Ki ơi, đến bây giờ thì chắc Ki đã hiểu tại sao ông già lười biếng của chúng ta lại chờ đợi rồi chứ? Nhưng dù Ki có hiểu hay không, chúng ta đã chẳng thể biết nổi trong những ngày khốn khổ hồi Tết Mậu thân vừa rồi, ông già và con heo hoà bình có còn

không? Mà nếu còn, cũng liệu có đủ sức để mà chờ đợi thêm nữa không?

Những câu hỏi rằng nghe buồn hả Ki. Nhưng Ki cũng đừng trách tôi nhé. Khi tôi ngồi viết những dòng này cho Ki thì Huế của chúng ta còn đang được nói đến nhiều lắm, với những hầm hố chôn những, những xác thịt rửa nát được tìm thấy bỏ vô hàng trăm bao ny lông xếp cao như núi. Tôi ở nơi xa, nghe tin nào Bãi Dâu, nào các lăng tẩm, nào Phú Thứ, những hầm xác tập thể đã được quật lên, rồi những tiếng khóc khổ đau ngày nào lại được dịp oà vỡ lại. Tôi đã không có mặt với Huế trong những ngày tháng này, để cùng tìm kiếm với thành phố những người thân thích đã bị bắn, bị chôn. Ở xa xôi, tôi chỉ còn cách tìm lại với Ki, với tuổi thơ ấu của mình, vì Ki, hình ảnh đã được Huế nuôi dưỡng từ thuở bé thơ, hẳn Ki còn ở mãi với Huế. Hãy tiếp tục khóc với Huế, sống với Huế thay tôi, Ki nhé.

Tội nghiệp Ki quá. Nhưng chưa hết đâu, Ki còn phải thay tôi lắng nghe tiếng cỏ đang cựa mình mọc lên trong đất đai câm nín của Huế, thay tôi góp hết sức sống còn lại của chúng ta vào Huế cho một mùa phục sinh mới Huế của chúng ta, của những người đã chết vùi chết dập và những người còn sống sót, thế nào rồi cũng phải phục sinh, phải thức dậy.

Làm thế nào được, phải không Ki? Sức sống của nhân loại vẫn mãnh liệt lắm. Như tôi đã mạnh mẽ vượt lên khỏi tuổi thơ ấu, bỏ Ki lại chờ vợ với những kỷ niệm của thành phố. Sức sống của Huế cũng vậy,

Ki còn nhớ không? Ngày tôi sắp xa rời Ki, chúng ta đã cùng chụp chung một tấm hình với các bạn. Bức hình ba đứa với Kim Hường, Tâm Tuý, khuôn mặt Ki ở giữa. Người ta nói chụp hình ba đứa xui lắm. Thật rứa Ki ạ. Đã quá lâu rồi, ba đứa trong tấm hình ngày nào không còn dịp gặp nhau lại, nhưng Ki biết sao không, bữa kia, tôi đã vừa nghe người ta báo tin Tâm Tuý không còn nữa.

Theo lời kể lại, hồi Tết Mậu Thân vừa rồi, Tuý sửa soạn về bên chồng. Trước tết, Tuý cắt tóc ngắn, đánh móng tay, rạo rức với bao nhiêu dự định. Sáng mùng Một Tết, Tuý còn mặc áo đẹp, nhớn nhớn mừng năm mới. Nhưng chỉ hôm sau, sáng mùng Hai Tết, Tuý đã bị bắt, rồi bị chôn trong khu vườn ngay khi hoa mai còn đang nở.

Sau này, khi những người thân sống sót trở về đào xác Tuý lên, Ki tưởng tượng được không, dù bị vùi xuống không hòm không chiếu, thể xác Tuý không những vẫn nguyên vẹn, mà mái tóc Tuý, móng chân móng tay của Tuý còn mọc dài hơn ra. Ki ơi, có thể thật rứa không Ki. Mà thật rứa, thì hẳn rằng giải thích, ngoài điều tôi đã nói với Ki: sức sống của con người vốn mãnh liệt lắm.

Phải chăng, khi bị vùi xuống đất giữa lúc còn rạo rức sống, dù tim đã ngừng đập, ngực đã ngừng thở, giữa lòng đất đen lạnh, cô bạn nhỏ của chúng ta, Tâm Tuý, vẫn còn cố gắng trải thêm chút sức sống mà cái chết hối hả không kịp dập tắt, để thể xác còn tiếp tục nở thêm.

Mi Ki thân mến,

Ki thấy đó, như Tâm Tuý, như bao nhiêu người khác, Huế của chúng ta, dù bị vùi dập và tàn phá, vẫn nhất định hồi sinh, nhất định thức dậy, như cỏ nhất định phải mọc trên mặt đất.

Hãy chịu đựng nhé, Huế. Nhưng đừng quên chờ đợi, hy vọng. Giữa những xương trắng vừa được bới đào lên, giữa những đám tang tập thể, giữa đêm tối chưa ngớt kinh hoàng vì những trận đánh lớn quanh quần đe dọa, Ki nghe thấy không, lời hứa phục sinh của Huế vẫn nhất định chưa tắt, Ki tin tôi đi, trong lòng tôi, ngay lúc còn đi giữa máu me đổ nát của Huế vẫn còn giữ được nguyên biết bao kỷ niệm mà ngày nào, đôi chân ngăn ngủi của chúng ta đã từng bước tới.

Dù sao Ki ơi, những buổi chiều gió nổi trên mặt sông Hương gợn sóng bạc, những buổi sáng mùa hạ rục rĩ trong Thành Nội, những ngày mưa mù mịt hàng cây sầu đông sau trường Đồng Khánh, hay những cơn giông thịnh nộ, cũng vẫn còn trở lại.

Tôi xin gửi về Ki, về Huế, tập truyện nhỏ này, như những tình ca được viết riêng cho Huế và quê hương đổ nát.

Mong rằng những tình ca vụn vặt, đầy nước mắt ấy, sẽ góp thêm phần nào vào việc lay gọi Huế thức giấc, để những tình ca khác sẽ tiếp tục, thơ mộng hơn, tươi sáng hơn.

22 | Nhã Ca

Mi Ki ời,

Ki đã làm tôi cảm động quá. Sống mãi giùm tôi
với Huế nhé, Ki nhé.

Sài Gòn, 4.1969

2.

Giọt nắng về trời

Chuyến máy bay đưa tôi trở về Huế đáp xuống phi trường Phú Bài đúng 12 giờ 30. Giờ Ngọ. Giờ này đúng là tuổi của đứa con trai tôi, và cũng là tuổi của người cha thân yêu, lúc này, đang nằm hấp hối trên giường bệnh.

Khi bước xuống sân bay, đứng chờ vợ đón những đám cát bụi do những chiếc quạt máy bay khác quạt tới, tôi cúi xuống nhìn chiếc bóng của mình ngắn ngủi nhú khỏi hai chân bằng một gang ngắn, lúc đó, hình như có một hình ảnh nào đó êm đềm vừa trôi qua trong tôi, lúc tôi kịp nhắm mắt để tránh những hạt cát đang quạt vào mắt mũi. Một lời van xin đã bật ra trong đầu óc.

Tôi mở choàng mắt, những vạt nắng nấp sau những đám mây lam, thật thấp, chiếu xuống những tia vàng úa, buồn nảo. Cầu xin một sự yên lành. Ba ơi, chắc gì còn kịp. Chân tôi bước như muốn riu lại, cuối cùng, tôi cũng qua hết chiếc sân rộng, vào dãy nhà đợi.

Buổi tối hôm trước, tôi đang còn ở thành phố Sài Gòn. Lâu lắm rồi tôi chưa về lại Huế. Nhiều dịp Tết trôi qua, lần nào cũng tự hứa sẽ trở về, nhưng những dịp tự hứa đó cũng bị những lười biếng, buông thả xoá mất hết. Lúc này thì không thể không trở về được. Tắm điện tín đến vào lúc 11 giờ đêm. Lúc đó tôi đang đưa ông Táo.

Tối 23 tháng chạp, không hiểu sao chỉ có lẽ đưa ông Táo, tôi đã diện như đi một dạ hội. Áo dài đỏ chót, tóc tai chải đàng hoàng. Khi tôi mặc chiếc áo đỏ, người giúp việc đã buông một câu: Cúng ông Táo mà chị mặc cái áo đỏ chói. Tôi cười: Biết đâu sẽ hết dịp mặc. Lời nói của tôi linh ứng ngay lúc đó. Chỉ một phút sau, tôi nhận được điện tín từ Huế đánh vào. Về ngay, ba đang hấp hối. Đang hấp hối? Cái gì mà kỳ cục vậy. Lá thư ba tôi viết từ tuần trước còn rành rành nơi ngăn tủ. Con nhớ về ăn Tết, chúng con phải về, ba đã rời bệnh viện. Chúng tôi đã mua vé cho cả gia đình, sẽ về Huế vào ngày mùng Hai. Lâu lắm tôi mới trở lại Huế, và lần này, cả đoàn vợ chồng con cái lần đầu tiên trở về trình diện cái quê hương mà tôi vừa thương yêu vừa thù ghét. Không thể chờ đợi thêm được nữa. Em phải về trước, bằng mọi cách. Chồng tôi nói thế. Và sáng hôm sau, tôi đã theo một chuyến máy bay quân sự để trở về đây. Chiếc áo đỏ còn lung linh trong trí nhớ tôi như một nỗi kinh hoàng. Chiếc áo đỏ này cũng đã được xếp ngăn nắp cất kín.

Tôi theo một xe hơi đi đón người nhà lên thành phố. Không đủ sức chờ đợi chuyến xe đưa hành

khách được nữa. Tôi muốn tức khắc có mặt ở nhà lúc này. May ra còn kịp, nhất định phải kịp. Ba không thể đi một chuyến đi dài mà không nhìn kịp mặt con. Phải thế.

Mấy năm rồi, tôi không trở về, những lá thư ba viết thật dài và những lá thư trả lời ngắn ngủi không đủ để nói gì hết. Lời nói thú tội của tôi đang còn chờ một dịp. Lần này, cầu mong cho con về kịp, và con sẽ nói, nói hết với ba. Không, tôi cũng chả cần phải nói gì, ba tôi cũng đã hiểu hết. Những ngày bỏ Huế dài bằng những lỗi lầm của tôi mà gia đình gánh chịu. Chiếc xe chạy qua những thửa ruộng nhỏ, phía xa là những rặng núi dài, con đường trắng nhưa ngày xưa nay đã cũ và đầy những ổ gà. Cảnh vật không có gì thay đổi hết.

Tôi tựa vào thành xe nghe tiếng tim mình đập rộn rã, tiếng rộn rã của một nỗi mừng cùng một nỗi khắc khoải chờ đợi. Bầu trời xám xịt, những ánh nắng vàng quái đồng tình với tôi về một nỗi quạnh hiu và những đám mây buồn như muốn chảy nước. Tôi lơ mơ hình dung hình ảnh ba tôi với nhiều khuôn mặt, nhưng hình ảnh nào cũng vội biến đi rất nhanh để nhường lại cho một đôi mắt đã hết tinh thần đang cố bám những làn hơi chờ đợi.

Xe qua một vài xóm nhỏ tới một thửa ruộng, cảnh vật không có gì đổi thay nhưng tôi không còn nhớ gì hết. Khi xe qua một con cầu, tôi mới thảng thốt rồi rít xin dừng lại. An Cựu ở phía đằng sau lưng mất rồi. Tôi gọi chiếc xích lô và đi ngược trở lại. Tôi

ôm mớ hành lý lên lòng, hành lý chả có gì cho một chuyến đi xa, tất cả được gói gọn bỏ trong cái túi nhỏ. Tối hôm trước, khi hay tin, tôi đã cầm tấm điện tín, ngồi trong màn mà khóc. Tất cả cái gói nhỏ này do chồng tôi xếp cho. Em cứ về, mừng Hai anh sẽ ra và đến sau. Anh sẽ cố gắng thu xếp công việc, đổi vé sớm hơn.

Cho tới lúc này, tôi vẫn không tin tưởng gì về sự có thể đổi vé được. Xe đi qua một đồn lính đến một ngã ba, rồi chạy thẳng xuống theo con lộ số 1. Tôi đưa tay ra dấu, xe chạy vào một con ngõ được chặn lại bằng một cánh cửa sắt khép hờ. Tôi nhảy lên từ trên xích lô xuống chạy một mạch từ ngõ qua khoảng sân và đứng sững lại giữa nhà. Nhiều tiếng gọi tên tôi cùng bật ra một lúc. Đứa em gái của tôi chạy ra sân, người phu xe đang tần ngần đợi ở đó.

Cả nhà đang ngồi quanh mâm cơm, nhưng chả ai ăn được miếng nào, tôi ngửi, thấy mùi canh cải cúc quen thuộc, vì một làn hơi mỏng bay lên từ tô canh, bên những chén cơm để nguội ngắt. Mẹ tôi đứng dậy trước tiên, hai tay bà đưa ra đằng trước. Nổi mừng vừa chiếu một tia sáng nhỏ ở đôi mắt đã che khuất bởi làn lệ mỏng: Con ơi, ba con đợi con về kia, ba con nằm ở trong phòng kia. Nhiều tiếng khóc nổi lên. Cái túi nhỏ nơi tay tôi bỗng rơi xuống đất. Tôi khoát tấm màn nhỏ thay cánh cửa ngăn phòng, bước vào. Chân tôi cơ hồ muốn lướt trên mặt đất.

Tất cả những hình ảnh tôi tưởng tượng về ba tôi đã hoàn toàn sai lệch. Ba tôi bây giờ chỉ còn như

bộ xương người. Khuôn mặt choắt lại, hai gò má nhô cao, hai mắt nửa khép nửa mở. Cả khuôn mặt đó cùng mớ tóc chưa kịp bạc hết, chải lật đằng sau được đặt trên chiếc gối cao. Nếu không còn nghe được tiếng thở nhẹ, đôi khi khò khè, tôi không thể tin ba tôi còn đang ở giữa lưng chừng sự sống và sự chết. Sự có mặt của tôi càng làm cho gia đình tôi mỗi lòng, xung quanh tôi đầy cả tiếng khóc.

Tôi đứng sững một giây và rồi như một sự vỡ oà không kịp gương, chân tôi khuỵu xuống, mặt tôi đã úp gọn vào bàn tay cứng ngắt của ba tôi. Ba ơi, con đã trở về nhưng cả ba cả con, không ai còn kịp nghe nhau nói nữa. Tôi tưởng khi gục xuống bàn tay của ba tôi, tôi sẽ khóc ghê gớm lắm, và ít nhất tiếng khóc đó cũng giúp tôi vui bớt được nỗi buồn khổ đau đớn trong lòng. Như đêm qua tôi cũng đã khóc, như khi ngồi trên máy bay, tôi cũng đã khóc, và sau đó tôi tỉnh táo lại.

Lần này có chi sự đau đớn của tôi không trào ra bằng mắt. Không, ba tôi còn sống, ba tôi còn nằm kia, da thịt còn nóng. Ai kêu giùm tôi một bác sĩ, ai gọi giùm tôi một chiếc xe đi. Làm cách nào để cứu ba tôi sống lại chứ. Tại sao mẹ tôi, chú tôi chỉ biết cuống quít chờ đợi ba tôi chết và khóc lóc thế kia. Tôi đứng bật dậy. Má ơi, ba chưa chết, kêu giùm con bác sĩ đi chú ơi. Tiếng khóc của người đàn ông không làm ai mỗi lòng như vậy mà chú tôi đang khóc như một đứa bé.

Tôi giậm chân, tôi quay quắt. Tôi đứng bật dậy.

Làm ơn gọi bác sĩ giùm tôi, ba tôi đang chống chọi kì. Nhưng không ai trả lời tôi hết, những tiếng khóc thút thít làm đầu óc tôi như muốn nổi điên lên. Cái chết nào có dễ dàng đến như thế. Con ơi, con đừng có la lối nữa, không kịp nữa đâu, bác sĩ chạy rồi. Bác sĩ chạy rồi, bao nhiêu sự hung hăng của tôi nhờ lời nói của chú tôi đập nát hết. Lúc này tôi nhìn rõ ba tôi hơn. Lưỡi ông đã trệt, hai mắt đã lạc hết tinh thần. Ba tôi đang mặc một cái áo ka ki nhà binh, nơi tay còn đeo đồng hồ và phía trên đầu có đặt cái radio nhỏ.

Chú tôi nói: Chiều qua, ba còn đưa tay vịn máy ra, lại đeo được đồng hồ. Đến nửa đêm hai tay mới tê liệt hẳn. Ba có nói gì nữa không? Má tôi vừa khóc vừa trả lời: Ba gọi tên con, tên anh con, rồi im luôn cho tới giờ. Má tôi nói xong cầm chén sâm, rỏ vào miệng ba tôi mấy giọt, ba tôi nấc lên, và hai hàm răng đập lại, chứng cứ còn nuốt được. Nhưng tới giọt sâm thứ hai thì miệng ba tôi không còn động đậy gì nữa. Lúc này tôi mới nhớ tới anh tôi, má tôi giải thích cho biết là anh ấy đã đi trình diện nhập ngũ, đã đánh tới mười mấy cái điện tín nhưng chưa thấy về.

“Ông ơi, con nó về đây, con nó về mà ông bỏ nó ông đi sao đành ông ơi”. Tiếng kêu của má tôi như một tiếng xé lòng. Tôi gục mặt vào ngực ba tôi, bao nhiêu sự cố gắng của tôi đã cùng bật ra một lúc bằng tiếng kêu nhỏ: “Ba ơi”. Rồi tôi không khóc, nhưng nước mắt tôi đã chảy giàn giụa. Và khi tôi nhìn vào khuôn mặt ba tôi, thì lạ lùng thay, nơi hai khóe mắt đã dùng tròng của ba tôi, lăn ra hai dòng lệ nhỏ. Ba

đã nhận ra con, ba đã biết con trở về. Ba ơi. Nhưng làm thế nào cho ba đừng chết.

Không còn hy vọng gì nữa hết. Môi ba tôi đã khô dần và nơi trán đã rịn ra những giọt mồ hôi cùng những giọt lệ tiếp tục chảy dài hai khóe mắt.

Tất cả các cánh cửa sổ được mở ra một lúc. Ánh sáng lùa vào lê lết trên khuôn mặt tái ngắt của ba tôi. Nhưng ánh sáng đó, hắt hiu dần vì những đám mây mỗi lúc một đặc. Em gái tôi nói đóng cửa lại, sợ ba tôi nhiễm gió lạnh, nhưng chú tôi nghẹn ngào: Để vậy cho sáng sủa, ba thích sáng sủa để ba nhìn vườn cây của ba trồng.

Nhiều người tới thăm đang đứng ở nhà ngoài, má tôi dẫn vào, họ đứng yên lặng một lát rồi đi ra, ai ai cũng có bộ mặt phiền não. Ngoài vườn, gió chiều đang bắt đầu xao động trên các lá cây, ánh sáng thật mỏng manh yếu ớt, lung linh từng giọt trên lá. Trên tấm chăn trắng đắp trên người ba tôi, phía chéch nơi bụng, một vệt nắng dài đang u buồn đậu trên đó. Tôi ngồi ghé vào một bên giường, lần này, tôi không còn đủ lý do gì để quay quắt được nữa.

Ba tôi nằm đó, đầy sự yên tĩnh, những giọt nước mắt cùng mồ hôi trên trán đã được lau khô và hơi thở ba tôi điều hoà như đang chìm vào giấc ngủ không mộng mị. Vệt nắng cứ chạy lui dần xuống phía chân ba tôi và hao mòn mãi cho tới lúc chỉ còn một giọt nhỏ.

Tôi đưa tay sờ ngực ba tôi, cầm chặt bàn tay ba tôi, áp má vào bàn tay còn bọc toàn gân xanh và da nhẵn cổ kéo lại chút hơi hám quen thuộc. Mới ngày nào ba tôi ra vào, mới chiều nào ba tôi cúi trông những luống hoa, những buổi tối học thi ba tôi thức đợi thức giục tôi đi ngủ.

Mới ngày nào ba tôi còn bàng hoàng đau đớn khi đưa con gái bú rưng bình cãi lời lặn tìm một hạnh phúc. Mới ngày nào những lá thư trách móc, rồi những lá thư dịu dần và chỉ chút những dòng chữ bao dung, thương mến. Ba ơi, con định trở về một ngày còn kịp để khóc với ba, ôm lấy chân ba để nghe chính ba nói lời tha thứ. Tôi ngồi im lặng, nghe chính tôi đang có muôn lời thổn thức nhưng ba, ba đã không còn thắc mắc gì, ba sống bình yên một cuộc đời tầm thường trong bốn phận, ba chết cũng bình yên như thế.

Lúc này, cả gia đình tôi, không ai còn muốn rời căn phòng nhỏ bé này một phút nào nữa. Cô em gái tôi đã nhảy thót lên giường, ôm lấy một cánh tay ba tôi. Mẹ tôi vừa khóc vừa gục mặt vào ngực ba tôi, chú tôi thì hết đưa tay sờ ngực lại đưa tay sờ trán, mấy đứa em chú bác lẫng xăng hết thở dài lại ôm mặt nức nở. Tôi bị dồn xuống phía cuối giường. Tôi cũng đáng được dự phần đau khổ chung này như mọi người lắm chứ. Tôi đưa tay cầm lấy bàn chân ba tôi.

Nhưng bàn tay tôi vừa cầm lấy bàn chân khô gầy của ông, tôi vội thả ra sững sờ, bàn chân ông

lạnh dần và rất nhanh lên phía trên thân thể. Tôi nhảy phóc lên giường, mặc cho mọi người khuyên can kéo xuống. Tôi đủ sức mạnh để gạt hết mọi người ra ngoài. Ba ơi, ba làm sao thế. Ba ơi, ba đừng chết. Không mà, không, không, vạn lần không, ba ơi. Không được đâu. Ba đừng chết nữa. Đó ba tôi vừa thở hắt ra một cái khoan khoái. Tôi vừa cười vừa khóc: Ba đừng chết nghe ba.

A, ba sống rồi, ba tỉnh rồi. Tôi kêu lên, nước mắt tôi chảy xuống cả ngực áo, cả mặt mũi ba tôi. Đó, ba tôi mở mắt lớn dần lớn dần. Và ba tôi bắt đầu nhìn khuôn mặt từng người. Nhiều tiếng kêu, nhiều tiếng khóc quá, tôi cũng đã kêu khóc như mọi người. Đôi mắt ba tôi, đôi mắt của người chết sống lại, linh lợi tươi vui và vô vàn thăm thẳm. Đôi mắt dừng lại nơi khuôn mặt tôi. Tôi kêu một tiếng lớn như dùng hết sức mình: Ba, ba ơi.

Ba tôi đã nghe rồi. Tôi nhìn thấy miệng ba tôi cử động. Đôi mắt của ba tôi, trời ơi, hình như gió đang run nhẹ những ngọn lá ngoài vườn, giọt nắng từ cuối giường cũng vừa giọt lên, nhảy nhót cùng với tia mắt mừng vui, và tất cả sự lung linh bày tỏ tốt cùng nỗi mừng rỡ đó chiếu ngời những sinh lực. Ba tôi sống lại rồi. Ba, ba. Nhưng giọt nắng bỗng chìm đi, rồi hai cánh tay ba tôi, hai cánh tay đã chết từ đầu hôm bỗng từ từ giơ lên, cố gắng, cố gắng một chút nữa. Một cánh tay chụp lấy vai tôi, còn một tay kia, chạm nhẹ vào khuỷu tay tôi rồi lưng chừng ở đó. Không một tiếng nấc nhỏ, đôi tròng mắt ba tôi đứng sững. Thôi rồi, chú tôi đang làm gì vậy, mẹ tôi đang

làm gì vậy? Bàn tay bà đưa lên vuốt mắt ba tôi, hai con mắt vừa long lanh báo tin mừng vui kia đã khép lại, bình yên trong giấc ngủ muôn đời. Hai cánh tay ba tôi cũng được chú tôi gỡ xuống, vuốt nhẹ ngay ngắn. Thế là hết. Tôi đưa tay lên ngực ba tôi, nơi ngực ba tôi còn nóng hổi.

Ba tôi vừa mới đưa tay lên ôm tôi, vậy mà ba ơi, ba ngủ sao tài tình đến như vậy? Thôi con mắt ba thật rồi, ba nằm đó mà con biết con mất ba. Nhưng ba, ba còn kịp gập mặt con, rồi con còn kịp chứng kiến giây phút giữa sự sống chết, và ba ơi, ba kịp nhìn ra khuôn mặt đứa con hư. Trong sự đau đớn đến lịm người, tôi còn đủ chỗ để sung sướng một cách ngu xuẩn.

Ai cũng được dịp khóc thả cửa. Vệt nắng trên người ba tôi cũng đã tắt tự bao giờ.

Giọt nắng đã về trời, ba ơi, linh hồn ba đang nương theo giọt nắng.

Không, tôi phải bật khóc, phải lẫn lộn như mọi người kia. Tiếng khóc nào làm đầu tôi tê nhức đến như thế? Giọt nắng nào làm tôi gửi hồn bay bổng mơ màng? Tấm vải đỏ phủ lên khuôn mặt của ba tôi, và giữa bao nhiêu tiếng động đó, mùi trầm hương đã xông lên thơm ngát. Một chén cơm, một quả trứng, một bát nhang. Ba tôi đó ư? Sức sống vừa cựa quậy trong người ba tôi, nơi hơi thở mong manh của ba tôi, biến mất từ lúc nào thật tài tình. Ba tôi đã chết, chết thực rồi, tôi còn mơ mộng làm chi nữa. Hãy

gắng một chút nữa đi, những tiếng binh binh đang gõ nhẹ trong đầu óc. Gắng hơn một chút nữa đi, tôi đang lo buồn hay đang trống rỗng vì bụng đói. Thôi đừng khó chịu vì những tiếng kêu la nữa. Hãy đắm tay xuống bàn, đắm mạnh vào tường, đắm cho dội ngược cho biết đau đớn.

Ba mày chết đó kia. Mày có thương xót gì không? Đã thấy thương xót gì chưa? Oà khóc ra chứ? Tôi đứng dựa vào tường, thẳng thốt nhìn những người khác khóc, tôi muốn được tham dự hay muốn được cười khan một tiếng. Phật ời, Chúa ời, lúc này sao ông cũng dừng dưng vậy. Cho con được bình tĩnh, cho con được dựa vào chút tỉnh táo của ông với.

Một cánh cửa sổ đã được gió khép lại tự bao giờ. Ngoài vườn, những lá cây đã rũ xuống, những vệt nắng mỏng manh cũng biến mất. Giữa chiếc sân rộng cây mai nở hoa sớm vàng rực. Vài tiếng pháo đã nổ lẻ tẻ.

Tôi nhìn đồng hồ: 4 giờ 15 phút. Trừ đi 10 phút khóc là ba tôi chết lúc 4 giờ 5 phút. Đã quá giờ xấu. Chú tôi vừa khóc vừa nói với một người hàng xóm tới thăm.

Chiều 24, tháng Chạp đã mang về một trời đầy mây dày, báo hiệu cho những cơn mưa sầu thảm cuối năm, linh hồn của ba tôi đã nương theo giọt nắng về trời cùng một lúc. Giữa tiếng khóc kể như rì, tôi dờ tấm khăn điều phủ mặt, cúi hôn lên vầng trán lạnh ngắt của ba tôi, và giơ tay lên chùi nhanh giọt lệ

đang muốn nhỏ xuống khuôn mặt đã bất tỉnh từ làn da tới sợi tóc. Ba tôi đã dứt hết mọi phiền lụy.

o O o

Dể tôi nhớ những gì tôi đã làm trong những ngày buồn thảm đó. Tôi đã làm gì? Tôi đã khóc như thế nào, đau đớn rã rời như thế nào? Không biết bao nhiêu chi tiết vụn vặt, bao nhiêu lần rơi lệ, bao nhiêu lần mũi lòng, tất cả đều được tôi đón nhận bằng khối óc trơn lì như một cơn mê bởi sự đồng thiếp. Cơn đồng đã nhập vào cơn mê. Tôi được đưa đẩy bằng những công việc ma chay và tôi sợ nhất là một phút nào đó, cơn đồng thiếp vụt rời ra khỏi tâm thức mình, tôi trở lại những đau đớn bắt đầu cho tới khi được hôn mê trở lại là một khoảng thời gian xa cách đầy kinh khủng.

Huế ơi, tha thứ cho lần trở về này. Đôi mắt của tôi đã trông nhìn thấy Huế, đã che lấp bởi giải khăn tang. Thành phố Huế đối với tôi đã là một sự thao thức kinh khủng, bao nhiêu lần mơ ước được trở về để ba dẫn đi ăn một tô bún bò, để cùng với ba ngồi trên một chuyến đò ngang qua sông Hương, để nhìn mái tóc bạc của ba lất phất bay trong gió, để cùng soi hai mái tóc xuống mặt nước sông Hương và hưởng sự sung sướng tuyệt diệu của niềm im lặng được tha thứ. Ba ơi, ba ơi.

Làm thế nào để có một phút đó nữa, làm thế nào để còn ước mơ được nữa. Ba ơi, làm sao để con được trông thấy ba với một bản đàn cổ nhạc, với chiếc đàn bầu, trông thấy ba cặm cùi bên những khóm hoa, bên chuồng gà, nơi mái hiên, nơi con dốc Nam Giao ba đi xe đạp, xe Honda xuống, ba đi ra đi vô nơi chiếc sân rộng ở sân Công Chánh, ba giảng cho nghe một bài Nam Ai, Nam Bình, ba ngồi cầm cây đàn ghi-ta, đàn một bài tân nhạc. Làm sao còn dám nhìn những con đường ba đã đi xe đạp, xe Honda, nhìn con sông ba vẫn dắt con qua những chuyến đò.

Không, tôi chỉ nhìn thấy Huế như một thứ bội bạc. Tại sao Huế lại đốt pháo, lại ăn mừng, lại vui, lại tĩnh tâm được trước sự đớn đau của tôi. Những người Huế đó họ đang đến đầy sân, chật nhà. Tôi thấy họ cười hỏi đầu đường, họ rầu rĩ khi vào đến sân, họ âm thầm khi đứng trước quan tài. Tôi cầu cứu đám đông luôn luôn chật nhà ban ngày và buồn đến chín người khi ngồi một mình nhìn những ngọn đèn cầy lung linh. Tôi nằm sấp dưới sàn nhà, nhìn cái tim đèn dầu phụng le lói dưới quan tài. Tôi thổn thức gọi ba ơi, gọi ba rồi Huế ơi. Chiếc quan tài màu lam, in những hoa sen trắng. Lúc chết ba tôi mặc bộ quần áo màu vải lam, đội mũ vải lam và khuôn mặt ba tôi, cũng cứng lạnh như chì, ba tôi về với đất thật rồi.

Đám tang ba tôi đưa khỏi nhà vào sáng 28 Tết. Năm cùng tháng tận rồi, phần người sống vẫn phải rình rang. Tôi vướng víu trong bộ quần áo tang và mũ mấn che kín tóc tai, mặt mũi. Tôi đi sát đằng sau

quan tài, một tay nín lấy mép áo quan phải mũi lòng theo những lời kể lể, phải lúc nào cũng nước mắt đầm đề như người ta nói về chữ hiếu, tôi khổ sở bực bội và muốn phát điên trong sự bó mình đó.

Người anh cả đã về kịp, áo thụng, gậy tre, làm mọi cử chỉ như máy theo sự sai bảo của mọi người. Tôi muốn được làm đàn ông như anh, không khóc lóc, không kể lể gì hết. Ba ơi, ba đi cho vui vẻ, ba đi cho bình yên. Khi con lên máy bay người ta nói: Thượng lộ bình yên. Thượng lộ bình yên nghe ba. Khi con đi xa, ai cũng chúc con may mắn, ai cũng nhìn con với ánh mắt trù mến. Con cũng chúc ba: May mắn nghe ba. Đáng lẽ ra đoạn đường đưa ba phải về nơi quê hương của ba. Quê hương của ba ở ngoài Thanh Hoá, con chưa biết gì hết, ba ơi. Ba chết rồi ai đưa con về quê hương của ba.

Thôi thời thế giặc giã, ba nằm ở quê hương của chúng con vậy nghe ba. Đám tang ba, khi lên ngọn núi, đường dốc quá, và nhiều tiếng khóc quá, con mê người đi rồi, một phần vì bị đồng thiếp, một phần vì bị mệt mỏi. Nhưng con cũng còn đủ sức để ước rằng, giá con được đứng ngoài, nhìn người ta đưa đám ba, bàn luận với ba về đám ma, chắc ba vui lòng hơn, phải không ba?

Tôi cố kìm lại những giọng thì thầm lắm nhảm. Đi cho yên, đừng bước mau. Đáy huyết sẽ hiện ra một lát nữa thôi. Đi chậm chậm bố anh em hậu thập, tiền ngang. Dô ta, nghe đây anh em, chậm bước, sang bên trái đi thẳng.

Hồn ma yên chủ thương. Đồ con khỉ, cho thêm dăm ba trăm một ngàn. Tao cấm gọi cái kiêu đó. Tôi giận dữ muốn hét lớn chửi vào mặt tên đầu đám. Má tôi đã ra giá một tiền thưởng. Mấy cái mặt rạng rỡ hẳn lên. Những ngọn nến trắng trên quan tài chập chờn. Tôi nhìn lên chóp núi, những đám mây lam gợi hình ảnh ba tôi, nằm yên lặng trong phòng mắt nhắm, một ngọn nến một bát hương một chén cơm đặt phía trên đầu. Rồi một đám tang khác của ba tôi cử hành ngoài hư vô, những miếng giấy vàng bay bay như từ chân mây rớt xuống.

Lúc đứng lưng chừng ngọn núi Tam Thái, tôi hất mũ mấn lên, nhìn xuống thành phố Huế, tôi không nhìn thấy gì nhiều ngoài những mái ngói cũ kỹ, ẩn hiện trong những ngôi vườn um tùm cây xanh. Nhưng tôi cũng tưởng tượng sau những vườn cây kia con đường thẳng trước trường Quốc Học và Đồng Khánh, trước mặt nó là sông Hương, và qua bên kia sông là Phú Văn Lâu, là cờ vàng ba sọc đỏ thật lớn. Huế ngàn năm không thay đổi. Tôi cũng nhìn thấy xung quanh tôi, những người đưa đám có người mang áo trắng, tóc thề, những cô bạn gái của em tôi, những bà con thân thuộc. Quen thì có quen, nhưng tôi không nhích nổi môi để tỏ cử chỉ chào hỏi, làm quen được.

Những vàng hương được đốt lên, những ánh lửa lặn theo tàn giấy xuống chân núi, vương trên bụi cây, những mồ mả. Mộ ba tôi chôn tít trên cao, nằm riêng rẽ. Ba ơi, ba không thích đám đông, khi ba sống, ba thích được một mình. Chúng con chọn

cho ba một nơi yên tĩnh, ở đây, ba có thể nhìn xuống vườn nhà, nơi những đợt dừa xanh cao nhất vươn lên đó.

Áo quan được đặt xuống huyết, hai đầu đứt đã được bứt rút lên. Xung quanh tôi sao nhiều tiếng khóc thế. Cho ba tôi bình yên. Đừng khóc, đừng khóc.

Nhưng chính tôi vừa kêu lên một tiếng thảm thiết quá chừng, tôi khóc lúc nào vậy? Anh tôi rũ xuống như một người bị rút hết xương sống. Những nắm đất ném lên tới tấp. Những người phu đám nhảy xuống huyết đứng lên quan tài, những tiếng gõ như xé rách tim tôi cùng với tiếng hát nện mồ: Ngày nào nói nói cười cười... Ới khoan, khoan hơi hò khoan... Bây giờ đã trở thành người hư vô... Ngày nào... Khoan hơi hò khoan, hết khoan là đến hụi. Ngày nào gác tía lầu son, bây giờ một đồng xương tàn thảm chưa... Ngày nào ngày nào... Khoan hơi khoan. Ngày nào tiếng khóc trong nôi, ngày nào tiếng nói tiếng cười lớn khôn, ngày nào điện ngọc lầu vàng... Đại khôn cũng nắm xương tàn lúc ni... Ới ông ơi... Khoan hơi hò khoan, ới khoan, ngày nào, ngày nào...

Ngày nào ba ơi. Tôi có là gỗ đá mới không khóc ròng vì những lời bộc trực một cách tàn ác thể lương của đám phu mộ. Xương sống tôi đã gãy, tôi cũng rũ người xuống bên cạnh đồng đất chưa vun. Ba ơi, tôi muốn kêu to cho tiếng lọt xuống mồ đất sâu nhưng tiếng kêu của tôi không bao giờ còn lọt ra khỏi miệng nữa, bởi tôi biết ba tôi đã chết.

Tội nghiệp cho gia đình tôi, khi đã khóc lóc đến cả người ở phần mộ trở về nhà, ai nấy bỗng im lìm như tượng đá. Má tôi nằm nơi chiếc giường mà trước đây ba tôi đã nằm. Bà úp mặt vào tường không còn lệ để khóc. Tôi cũng buồn chán không muốn ra khỏi nhà, việc nhìn lại Huế, sống lại với một vài kỷ niệm của tôi lúc này cũng trở thành vô nghĩa. Nhưng đến ngày 29 Tết, tôi chợt nhớ đến Nga, cô bạn gái đã lâu không gặp. Tôi đi bằng một chuyến xe buýt qua phố Trần Hưng Đạo gặp Nga, không tiện đi long dong với nhau ở phố, chúng tôi đứng ở cửa hàng nói chuyện. Nga không biết gì tới việc ba tôi mất. Mà nói gì kỳ vậy, mấy tuần trước bác còn qua đây biểu Nga chọn len cho bác mà. Tôi nói với Nga như thế còn lâu, nhìn thấy phút trước, phút sau chết lúc này đầy khắp mọi nơi. Nga nói ở đâu chứ Huế thì yên lắm. Nga không tin có gì xảy ra làm thay đổi Huế được, Nga hỏi thăm về đám tang ba tôi và hẹn chiều sẽ sang. Chiều 29 là ngày cuối năm. Buổi chiều Nga sang thật. Khi hai đứa mở cái ví cũ đặt nơi bàn thờ ba tôi, cả hai đều nhìn nhau và cùng ứa nước mắt khi nhìn cái ảnh cũ chụp chung hai đứa còn bé ở ví ba tôi. Chiếc ảnh đã cũ, ngày hai đứa còn đi học.

Tôi cũng thấy ở một ngăn khác, chiếc ảnh của tôi ngày còn bé tóc cúp ngắn, đeo kiềng vàng. Chắc đó là hình ảnh về tôi mà ba tôi quý nhất. Sau đó hai đứa đi bộ ra phía cầu, rồi leo lên một chuyến xe buýt sang phố Trần Hưng Đạo. Huế chỉ có con đường này là phố chính, đi dọc phố Trần Hưng Đạo ngược lên là Phú Văn Lâu rồi đến cầu Bạch Hổ. Tôi cũng chưa

nhìn được Huế gì ngoài một vài con đường xe buýt An Cựu - Đông Ba đi qua và cầu Tràng Tiền, đài phát thanh Huế. Nhưng tôi vẫn nhớ như in từng hình ảnh khác của Huế, dù tôi không nhìn thấy, nhưng hình ảnh vẫn đứng ở vị trí cũ, tôi đã thuộc như in vào đầu. Huế của tuổi thơ ấu và Huế bây giờ chắc chắn không có gì thay đổi hết. Lúc đứng với Nga ở cửa hàng, tôi nhìn thấy những áo trắng, những mái tóc thề. Những thứ đó tôi đã từng thấy ở khắp các vùng tôi đến, nhưng ở đâu tôi cũng thấy hình ảnh đó kịch cỡm, lở bịch. Tôi chỉ thấy đẹp khi những hình ảnh đó xuất hiện tại Huế, trên những dáng dấp của những đôi mắt mang màu mây nước sông Hương và dáng gầy tha thướt. Chợ Đông Ba chiều Ba mươi Tết vẫn đông, năm nay không có ngày 30, người ta lấy ngày 29 Tết làm buổi chợ chiều 30, cảnh tấp nập, cổ kính, trầm tĩnh như mọi năm về trước. Tôi nghĩ sau một vài xáo động, Huế vẫn không bao giờ có thể thay đổi được. Nga kể cho tôi nghe một vài mẩu chuyện về Huế, vài sinh hoạt tuổi trẻ. Tôi hỏi Nga về phần các cô thì sao? Nga nói chả có gì thay đổi đâu, có vài cô đi Sài Gòn mang những mini jupe, mang những quần áo thời trang về, nhưng thấy không ai hưởng ứng thành thử cũng bỏ luôn. Nga nói: Kệ, Huế quê một cục vậy mà hơn. Đố ai làm Huế thay đổi. Cũng như Vân, bây giờ Vân cột chặt với Huế rồi, bác ở chung quê hương với Vân rồi. Nga nói đúng, ba tôi không cách chi trở về quê hương của ông nữa.

Và ba tôi cũng đã tha thứ hết cho tôi khi tay ông

đưa lên muốn ôm lấy tôi: Con đừng nói gì nữa hết, ba đã hiểu con. Trong một lần trước khi làm một bài thơ nói tới Huế, tôi đã kết bằng câu: Cho tôi trở về đứng mê sảng ngó. Bây giờ tôi đang đứng đây, đứng tại Huế, phút mê sảng đã qua. Nhưng tôi đã được mê sảng.

Chiều hôm đó Nga đưa tôi về, khu An Cựu tôi ở giới nghiêm 7 giờ, mặc dù tình hình Huế vẫn rất an ninh. Xuống xe buýt, chúng tôi đi dạo một quãng. Khi chúng tôi chia tay nhau, Nga nói: Hẹn mừng Hai Tết, nhớ nghe.

Nga dặn tôi mừng Hai đừng đi đâu, nó sang và hai đứa đi thăm mộ ba, đi chơi, dạo một vòng thăm lại Huế. Tôi gật đầu bừa, ngày mừng Hai chồng tôi sẽ về cùng với hai đứa con nhỏ nhưng ít nhất cũng 1 giờ trưa mới tới. Buổi sáng, tôi với Nga tha hồ mà đi trước trên những kỷ niệm.

Trời xuống lạnh thật bất ngờ và những tiếng pháo nổ lên tứ phía. Ngang qua nhiều nhà tôi đã ngửi thấy mùi trầm hương, và bên trong những cánh cửa khép hờ đã có bình hoa mai vàng đẹp một cách trang nghiêm đang bình tĩnh đợi chờ đêm giao thừa.

Những tà áo bay ngược chiều hoặc cùng chiều lại phía tôi nhợt nhạt trong gió chiều đầm thắm, làm tà áo trắng của tôi bị chìm ngấm lẫn trong niềm riêng u tịch.

Cái chết của ba tôi làm tôi gần lại với Huế, mà bao năm vì tuổi trẻ tôi đã coi Huế như một chỗ không phải để những người như tôi dung thân và tôi không có cảm tình được. Lúc này tôi nhìn Huế, như một nước nhỏ thanh bình lặng lẽ nào thật xa lạ với cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

o O o

Ngày mồng Hai Tết của Nga và tôi không bao giờ có nữa, ngày mồng hai Tết của chồng con tôi trở về cũng không bao giờ tới. Đêm mồng Một, những tràng pháo đang rộn rã nổ vui mừng chào đón Xuân, bỗng bị những tràng AK50, B40 làm im ngấm. Một ngày hai ngày, một tuần hai tuần rồi một tháng chạy loạn. Tôi trú ẩn ở Dòng Chúa Cứu Thế và cung An Định, sang bên này Tân Lăng, về tuốt Thuỷ Dương trở lên An Cựu, rồi vội vã thoát thân một mình, và tới Sài Gòn rồi, tôi mới tin rằng tôi đã xa được địa ngục Huế.

Địa ngục Huế trong một tháng đã làm thay đổi tất cả điều mà trước đó một ngày tôi quả quyết Huế không bao giờ thay đổi. Tôi trở về một mình lạnh lặn tay chân, đẹp đẻ mặt mũi. Và nửa tháng sau tôi lại theo dõi tin tức ở các báo chí về những thảm cảnh Huế một cách say sưa hồi hộp thương cảm như chính mình đã xa Huế lâu năm chưa biết gì về cảnh tan nát đó.

Trong những ngày chạy loạn ở Huế, tôi khoác chiếc áo măng tô hai mặt vải của ba tôi và thường trực nhớ tới những phút cuối cùng của đời người đó, và tôi đã lợi dụng sự thương nhớ đó để cầu xin sự phù hộ. Khi tôi đã bình yên ở Sài Gòn, bốn ngày sau tôi tìm thăm Phương ở Huế cũng mới trốn thoát vào và hỏi thăm những bạn bè cũ. Tôi được biết một bạn cũ là Tâm Túy đã chết và Nga còn sống.

Phương thấy Nga đang ngồi tìm kiếm gì đó trên đồng gạch vụn của ngôi nhà vừa mới xây mà đã thành ngôi nhà xưa.

Thưa ba,

Con đã thoát chết, chiếc áo mưa của ba con cũng đã mang theo vào tới Sài Gòn, nơi ba ao ước được vào thăm cho biết mà chưa vào được.

Con còn rất mừng và sung sướng cho ba được chết trong lúc thành phố còn nguyên lành. Và mặc dù quanh ngôi mộ ba những hoa lan đã bị tàn phá cày xới, nhưng con tin rằng không bao lâu cỏ cũng sẽ mọc, cây sẽ trở hoa lấp hết dấu vết cũ rồi con cũng sẽ được trở về nữa.

Và Nga thân mến.

Phương có nói cho mình biết rằng, Phương có trông thấy Nga đang ngồi tìm kiếm gì đó trên đồng gạch vụn của ngôi nhà cũ ở phố Trần Hưng đạo. Nga

oi, mình cũng hình dung ra được hình ảnh ấy và những bức tường còn lại lổ chỗ những vết đạn, cùng những giọt nắng khô trên những giọt lệ nhỏ. Dù sao cũng mừng là Nga còn sống.

3.

Người Lính Bắc Và Cây Mai Vàng

Sáng ngày thứ mười mấy rồi, không ai nhớ nổi, tỉnh dậy là Tâm bò ra miệng hầm liền. Tâm phải bò ngang trên mình nhiều người mới ló đầu ra khỏi miệng hầm được. Bên ngoài trời đã sáng, nhưng trong nhà ánh sáng lơ mờ vì nhiều cửa sổ đã đóng kín mít. Ngọn đèn dầu vắn nhỏ đặt trong góc hầm như sắp hết dầu, màu vàng ửng đỏ một cách kỳ cục. Có một bàn tay của người nào nằm đó vẩy lên, ngọn đèn tắt ngấm. Trong hầm tối um, Tâm nghe tiếng bà chị cắn nhả:

“Không chịu ngủ ra ngoài mần chi mà bò lên mình người ta rứa”.

Có lẽ đêm qua chị ngủ không được, nằm thao thức, lo sợ quá rồi bây giờ cáu kỉnh. Tâm làm thinh. Mấy ngày hôm nay Tâm đã làm thinh nhiều lần. Nhiều lần Tâm muốn cất tiếng hét, Tâm nghĩ lại kịp: đừng để cáu kỉnh, đừng để khổ thêm nữa.

Tâm lắng tai nghe, sao hoàn toàn yên tĩnh thế này. Đêm qua tiếng súng lớn nhỏ bắn suốt đêm, mọi người nằm sát nhau trong hầm, bịt tai, co quắp cả người lại vì những tiếng nổ lớn dội người. Tiếng súng tắt từ lúc nào trong giấc ngủ mệt mỏi về sáng Tâm không biết nữa. Giọng ông anh nói thì thầm:

“Đứa mô ở miệng hầm đó, ra ngoài coi thử, rằng súng đạn êm rơ rồi”.

Giọng anh tỉnh không. Tâm tưởng tượng ra được khuôn mặt anh lúc đó. Mới mấy ngày mà mắt anh sâu hút, môi tái, mặt xanh và tay chân gầy tọt như que củi. Anh ôm chặt mấy đứa con, không rời chúng nửa bước. Hình như mạng sống của anh phải dính liền với mấy đứa trẻ nhỏ. Tiếng bà Xếp run run:

“Ni, đứa mô nơi miệng hầm đó. Ra coi thử, rằng êm ru bà rù rúa”.

Nhưng chị dâu Tâm thận trọng:

“Đừng, đừng mở cửa. Họ ở ngoài vườn đó. Họ bắn chết chừ”.

“Để con ra cho”.

Tiếng con Thầm nói, rồi có tiếng rột rẹt. Chắc nó ngồi dậy.

Tâm quay đầu lại giơ tay ra hiệu. Tâm chột nhỏ lúc đó trong hầm tối thui, Tâm lên tiếng:

“Đừng, đừng. Để tao ra cho”.

Tâm bò ra khỏi miệng hầm. Người anh nói nhỏ theo, cẩn thận nghe. Tâm phải khó khăn lắm mới đứng thẳng người trên miệng hầm được. Cả một đêm nằm bẹp một chiều, tay chân cơ hồ như rã rời, tê cứng. Căn nhà vắng lặng một cách ghê rợn. Tâm đi từng bước ngắn, cẩn thận, lúc nào cũng cẩn thận, chực chờ để chạy lui trở lại, chui tọt vào miệng hầm. Tâm đi lẩn ra tới cửa, áp tai vào cánh cửa để nghe ngóng. Bên ngoài cũng yên tĩnh đe dọa, bồn chồn, thứ yên tĩnh làm bóp thóp tim người ta. Không, không có gì hết. Chắc cũng không có ai ở ngoài vườn nữa. Chắc đêm qua họ rút lui cả rồi. Tâm nhớ tới khuôn mặt trẻ măng của anh bộ đội chính quy Bắc Việt. Chiều qua, anh còn đứng gác trước cổng, tay cầm súng AK, bên cạnh xác một anh đồng đội nằm chết co quắp chưa được mang đi. Con Thầm, con Bông sợ quá không dám lộ mặt ra khỏi miệng hầm, sợ phải khiêng xác người. Không biết bây giờ anh còn gác ở đó không? Tâm mở nhẹ cánh cửa, đứng thập thò đầu nhìn ra sân.

Cây mai vàng trông đến tả tơi, tội nghiệp, nó bị trúng một quả mọt chệ, mấy cành trĩu bông bị gãy, xác mai vàng rụng tràn dưới gốc đã úa màu. Nhưng trời ơi, trong bầu trời lam chì như sấm róm trăm ngàn giọt lệ, trong sự tiêu điều tê tái của cỏ cây, sao những búp xanh vẫn còn may mắn đâm chồi, những nụ chồi mơn mớn mọc mạnh mẽ tự nhiên hết sức. Nhưng Tâm, Tâm không còn chút hy vọng nào. Người Tâm cứng chắc vì đã thường trực sợ hãi, tuyệt vọng cùng cực. Có tiếng chân người bước ra khỏi miệng

hầm, Tâm quay lại. Hầm phía bên trái của một gia đình khác tản cư tới đây cũng đã dậy hết và vừa chui hết ra khỏi hầm. Mấy khuôn mặt lấm lét nhìn Tâm. Tâm đưa tay ra dấu bảo họ đừng khua động. Họ ngồi bệt trên nền nhà, Tâm mở lớn cửa, đi thẳng ra sân.

Ngoài đường không có một bóng người. Đêm qua cả nhà bàn với nhau nếu sáng ra nhìn thấy có người đi trên đường thì tản cư theo họ ngay. Không biết đi lên phía Tây Thiên hay đi xuống cầu. Tình hình hoàn toàn mù tịt, từ nhà này còn không liên lạc được với nhà bên cạnh, nói chi tới tin tức xa gần nào khác. Có cái máy radio thì bị họ lấy từ hôm đầu rồi. “Chúng tôi cần có ra-dô để nghe đài giải phóng, đợi đón ngày bác Hồ đi máy bay vô Sài Gòn, thế nào Bác cũng ghé Huế”. Tâm nhớ lại câu đầu tiên nghe đạo đức vào hôm mồng Hai của họ: “Ba hôm nữa là hòa bình. Đã lấy xong Sài Gòn rồi. Bác Hồ cũng sắp vô”. Họ nói một cách chắc chắn. Nhưng tới hôm nay là ngày thứ mười rồi. Mỗi ngày đạn bắn càng rát, mọt chê câu càng nhiều, và phía họ, Tâm thấy khiêng người bị thương đi ngang qua nhà vô kể.

Tâm đi tới bên lu nước mưa đặt dưới gốc cây xoài, nhướn cổ nhìn ra ngõ. Tâm vừa ngóc đầu lên thì cắc, một tiếng đạn bay trong veo như xuyên qua tim phổi một cách êm ái. Tâm giật mình, tính ngả người ra phía sau. Rồi một tiếng hô lớn:

“Đứng lại”.

Tâm đứng lại cũng không vững nữa, tay Tâm

bám chặt vào miệng lu nước. Mắt Tâm hoa lên vì sợ. Anh lính Bắc Việt đã đứng trước mặt Tâm, và hạ súng xuống:

“Chị mà tôi tưởng ai. Sao ra vườn chi sớm vậy?”

Tâm lấp bắp mãi mà không nói thêm được câu nào. Hắn nhìn Tâm trân trân, rồi miệng hơi mỉm cười:

“Vào nhà đi. Tụi Mỹ nguy sắp pháo kích. Chúng nó sắp đánh tới dưới cầu rồi”.

Tâm nhìn ra cổng. Ngay trước cổng nhà, hai ba người bị thương hay chết không biết nữa, thấy nằm ngay đơ. Tâm lùi một bước:

“Trời ơi”.

Tâm đưa tay lên che mặt. Hắn nhìn Tâm vẻ hơi ngạc nhiên, rồi vác súng lên vai, trở ra cổng.

Tâm đứng nhìn theo hắn một lúc, rồi nghĩ tới những tiếng đạn mọt chê nổ bất chừng. Tâm đi vội vào nhà. Mọi người đã ra khỏi hầm và đang ngồi trên nền nhà. Mấy đứa trẻ tay cầm bánh tét ăn ngon lành. Tâm mỉm lòng cho mấy đứa cháu quá, mặt mày đứa nào cũng hốc hác, xanh xám lại vì sợ, vì nằm dưới hầm đất ẩm thấp.

Thấy Tâm trở vào, ông anh hỏi:

“Răng, có người ngoài đường không?”

Cả nhà đã bàn nếu thấy có người đi ngoài đường là theo họ tản cư ngay. Mấy hôm nay đạn một chệ câu lên rất nhiều, chỉ có buổi sáng là hơi ngớt. Chị dâu Tâm chán nản:

“Thôi, đi mô cũng rứa thôi. Đi cũng chết, ở cũng chết”.

Người anh gắt:

“Chết răng được. Có số mạng cả chó”.

Chị dâu Tâm lặng im. Nhưng nước mắt chị đã rưng rưng. Anh Tâm thương chị lắm. Phải gắt gỏng với chị như thế là chuyện bất đắc dĩ.

Bà Xếp mà mấy ngày nay được các cán bộ Việt cộng gọi là Mẹ Giải phóng đã đứng lên cắt đặt cho mọi người công việc:

“Thôi, lo cơm nước đi. Con Tâm ra ngoài không được. Để tao ra tao hỏi dò xem.

Một lát, những nhà bên cạnh đã có tiếng nói. Tâm đứng trước hiên nhìn ra đường. Mấy anh Việt cộng vác súng đi ngờ ngờ ngoài đường. Bà Xếp đã ra hỏi chuyện anh lính Việt cộng gác ngoài cổng. Tội nghiệp bà. Hôm mồng Hai, họ tràn vào nhà, họ gọi bà là Mẹ Giải phóng, bà sợ quá lú lười. Dạ, mẹ giải phóng, tui là mẹ giải phóng... rồi bà ngã lăn quay ra đất. Mấy ngày sau, mỗi lần thấy họ vào nhà định lục soát bắt thanh niên là bà giả vờ cầm đòn bánh tét hay chai dầu Nhị Thiên Đường ra nín nín kéo kéo họ

lại. Nì anh ơi, ăn miếng bánh tét. Ngon lắm. Xúc chút dầu. Mạ giải phóng mời mà. Đi, xúc chút dầu cho ắm.

Bà cứ cuống quít lên, vậy mà mấy anh thanh niên nhờ đó đã đủ thì giờ trốn dần được hết. Thỉnh thoảng trong nhà quen miệng gọi bà là mạ giải phóng thì bà xua tay, lắc đầu: “Đừng, đừng, ai mà ưa làm thứ mạ ác ôn đó”.

Nấu xong nồi cơm, ăn vội mỗi người một chén thì đạn mọt ché đã câu tới. Mọi người hốt hoảng chui vào hầm. Tâm chui vào sau cùng. Nhưng không ai nằm xuống mà ngồi khom người, bàn chuyện. Ông anh nói nhất định phải trốn đi nội ngày hôm nay mới thoát được. Chị dâu Tâm sợ quá nói không ra tiếng. Rồi chị ngồi ôm đứa con nhỏ nhất khóc âm thầm. Tội nghiệp, chị khóc hoài huỷ đến nỗi khi lên khỏi miệng hầm Tâm thấy mắt chị sưng húp. Bà Xếp giọng run run, kể:

“Khi hồi tau ra đường thấy người chết nằm đầy ở ngoài. Nì, tụi nó đào hầm hố cá nhân hết. Trước cửa chùa đó, có cái hầm cá nhân tau thấy có thằng chết nát bầy, cái đầu văng ra ngoài thấy tởm quá.

Tâm ôm mặt:

“Thôi đừng kể nữa, mạ ơi”.

“Tau run quá”.

Bà Xếp nói xong thì run thật. Tâm thấy khối thịt của bà rung rung bên vai. Người bà nóng như cái lò sưởi. Kê vào thịt bà Tâm thấy đỡ lạnh. Bà lại nói:

“Răng tau thấy cái thằng gác trước cửa mình nhất định không chịu đi theo bộ đội của nó. Lốp mới không mà”.

Chị dâu Tâm nói góp:

“Lạ hỉ. Nó bắt các cô đi khiêng đạn, khiêng xác chết mà nó không bắt con Tâm đi”.

Ông anh thắc mắc:

“Ừ, lạ hỉ. Nó làm làm lì lì, rứa mà tui thấy nó nhìn con Tâm với đôi mắt khác hẳn. Thấy con Tâm mắt nó vui lên”.

“Việt cộng mà cũng đa tình hỉ”.

Con Thầm nói theo. Tâm tát nhẹ một cái vào má nó. Nó đưa tay xoa xuýt. Mấy đứa nhỏ mệt mỏi nằm bẹp xuống chiếu. Tiếng mọt chê bên ngoài vẫn rơi đều đều. Một tiếng nổ thật gần. Mọi người ôm chầm lấy nhau. Bà Xếp vừa run run vừa lạy Phật. Tâm ôm chặt đứa cháu. Dù trong cơn lo sợ, câu chuyện về anh lính trẻ Việt cộng vẫn làm Tâm bận tâm.

Buổi chiều hôm đó, khi cả nhà đang ăn cơm dưới hầm thì có tiếng gọi nhỏ: “Mẹ Giải phóng, mẹ Giải phóng!” Bà Xếp lạch bạch chui lên. Một lát sau bà Xếp gọi:

“Con Tâm mô rồi. Lên đây nghe nì”.

Tâm đi lên. Hẩn ngồi trên sập gụ. Tâm đứng trước mặt hẳn:

“Dạ có chuyện chi?”

“Cô à. Tôi định nói với cô chuyện này...”

Bà Xếp đã đi xuống. Hấn nói to như để mọi người trong hầm cùng nghe”.

“Ngày mai ráng thu xếp mà đi tản cư. Đừng ở lại nữa”.

Hấn cho biết có lệnh chuẩn bị để rút lui. Và cũng có lệnh không cho một gia đình nào trốn đi khỏi vùng hết. Tâm hỏi:

“Rứa rãnh anh cho chúng tôi đi”.

Hấn làm thinh không trả lời. Hấn nhìn lơ ra sân. Cây mai vàng ngoài sân ngả nghiêng thật tiêu điều. Tâm nghĩ là hấn cũng như ta, vẫn còn trông thấy những đợt lá xanh, những mầm non đang nhú ra mạnh mẽ. Tâm khó đoán được hấn đang nghĩ gì khi quay lại nhìn mình với ánh mắt vui tươi.

o O o

Một buổi sáng, trong lúc chúng tôi đã tuyệt vọng về gia đình anh chị tôi và con Tâm bị kẹt lại Từ Đàm, má tôi đang ngồi khóc tỉ tê nơi miệng hầm thì nghe tiếng gọi:

“Mạ ơi, mạ ơi”.

Tiếng gọi ở ngoài sân. Rồi tiếng xe đạp ngã cái rầm. Cả nhà chạy ra. Con Tâm mặc áo quần trắng toát, đang cố dựng chiếc xe đạp lên mà không dựng được. Bên cạnh nó, một ông già vừa dựng xong xe, quay lại, kêu:

“À, cả nhà còn đây nè”.

Con Tâm lại vấp xe đạp xuống, chạy ào lại phía mạ tôi. Nó ôm chầm lấy bà.

“Mạ, mạ...”

Hai mẹ con ôm nhau như khóc. Chúng tôi vây chung quanh hỏi han riu rít. Một lát sau mọi người đã trở vào nhà. Tôi đem cho ông già một miếng trầu. Tâm chỉ tay, nói:

“Ông Võ Thành Minh đó chị”.

Nào tôi có biết ông Võ Thành Minh là ai. Tâm nói tiếp:

“Ông Minh là người nhà của cụ Phan đó chị. Làm cách mạng đó. Hồi trước ông thổi sáo phản đối hiệp định Genève đó chị”.

Tôi bồi hồi cả người. Đây là một đồng chí của cụ Phan sao? Tôi nhìn lên, bắt gặp đôi mắt ông đang nhìn tôi dịu dàng. Cái nhìn của ông như phảng phất sắc khí cách mạng năm nào, cuốn hút nhanh chóng cảm tình đặc biệt của người khác. Hai vạt áo dài

của ông buộc chéo phía trước, đầu đội mũ bê rê đỏ. Trong tuổi tác già nua của ông như vẫn còn bùng lên một sự trẻ trung, một sức lực mạnh mẽ. Tâm nói:

“Ông khoẻ lắm chị. Ông rủ em lên lầu Đua-ra coi đánh nhau. Hai ông cháu lẫn trên núi Ngự Bình, chút nữa chết. Ông đi phát gạo, tải thương suốt ngày. Mấy hôm nay hai ông cháu tìm đường về mà bị đuổi lui hoài”.

Tôi hỏi:

“Ông lấy chi mà đi tải thương rứa ông?”

Ông chỉ chiếc xe đạp. Ông nói ông để người nằm dài trên xe, rồi đẩy đi. Đôi khi người ngồi trên yên, gục mặt lên ghi-đông, ông đẩy.

“Việt cộng để yên cho ông đi rứa à?”

Tâm nói chen:

“Răng không. Họ mời ông đi gặp chỉ huy, ông nói cụ Hồ tụi bay mời tao chưa đi hưởng hồ gì tụi bay. Ông đi luôn, tụi nó bắt giữ rồi thả, bắt rồi thả”.

“Ông sợ tụi nó không ông?”

Ông Minh cười. Tôi không làm sao hiểu được ý nghĩa nụ cười đó.

Chúng tôi cố giữ ông lại ăn cơm chiều. Khu vực chúng tôi đã yên ổn. Phía cầu An Cựu, Mỹ đã lên kiểm soát được. Nhưng ông nhất định đi ngay. Má

tôi khẩn khoản nhờ ông đưa gia đình về giùm. Ông hứa sẽ liên lạc và đưa gia đình anh tôi về dưới này. Xong ông dắt xe đạp ra ngõ.

Má tôi ôm chặt lấy Tâm. Hai mẹ con cùng khóc, phần sung sướng được trông thấy nhau, phần lo cho người còn kẹt lại. Tối hôm đó Tâm kể cho tôi nghe câu chuyện trên. Còn phần còn lại, nó như xúc động quá, không kể tiếp được. Tôi hỏi chiếc đồng hồ đeo tay đâu rồi. Nó nói không biết. Tôi hỏi tên bộ đội chính quy Bắc Việt nó có còn không? Nó nói, chắc chết rồi. Con Tâm nói trước khi chết, hắt ra máu cho con Tâm nên trốn ra khỏi vùng này. Nó bị thương khá nặng, và còn cố gắng ngồi cạnh cho con Tâm và ông Minh đi khuất vào đường quẹo, hết khu vực Việt cộng kiểm soát.

Con Tâm nói xong lặng lẽ nằm xuống chiếu. Nó quay mặt vào vách hầm. Tôi lay vai nó. Nó nói: Để em ngủ, mai em kể tiếp cho mà nghe. Rồi nó nói: Về đây yên ổn quá, chắc ngủ được. Có tiếng đại bác bắn đi, và cũng có tiếng bắn tới, nổ thật gần. Ngọn đèn cầy đặt tận trong góc hầm như lung lay, muốn tắt. Tôi nghĩ tới những xác chết chưa chôn ở nhà bên cạnh, những xác chết mở mắt trừng trừng, chờ mà không biết có còn ai về để vuốt mắt. Hôm nay, mười mấy ta rồi, tôi cũng không nhớ nữa.

4.

Truyện Cho Những Tình Nhân

Vừa dừng xe trước cửa ngõ nhà bác, Diễm đã bấm chuông inh ỏi. Chị Bé Tý chạy ra, vừa cười vừa vớ cái giỏ mây: “Vô đây đã Diễm, vô cúng”. Diễm lắc đầu quây quây: “Thôi, để em về, sáng mồng Một em sang mừng tuổi hai bác, các anh các chị. Em về, nhà em hôm ni cũng cúng Ba mươi mà chị”. Chị Bé Tý nhìn chăm chăm vào bàn tay của Diễm đang cầm chặt chiếc ghi-đông xe đạp: “A, con ni khá quá hí, đeo nhẫn rồi ta. Ra giêng cưới há? “ Diễm cúi đầu e thẹn: “Dạ”. “Mời tao đi phụ dâu nghe? “ _ “Dạ, mời chị chứ”. “A, con này đeo nhẫn không sợ tụi nó nói dị chết. Mi đi lấy chồng còn học không?” Diễm buồn buồn: “Không biết nữa chị, ba anh Phan nói em cứ đi học”. “Học con khỉ, ở đó mà học”. Diễm lật cái nó đội lên đầu: “Thôi em về chị, má đợi. Hôm ni ở nhà cũng cúng”.

Diễm xoay ghi đông, cua vòng ra sân rồi leo lên. Diễm sửa lại hai vạt áo dài, vạt sau giắt vào sợi dây thung nơi cái bót ba ga, Diễm ngẩng đầu lên hết cho

hết tóc ra dừng sau, rồi đạp xe, đi thông thả. Diễm phải vất vả lắm mới lách xe qua khỏi được con đường Trần Hưng Đạo dọc theo vườn hoa Nguyễn Hoàng, phía gần cầu là chợ hoa. Diễm nhìn chỉ thấy những cành hoa mai vàng giơ cao lên khỏi đầu người. Diễm đạp xe qua cầu Tràng Tiền, đi rẽ ngã bưu điện, rồi đạp qua vào con đường nhỏ, đến hàng Đoát. Diễm biết chắc thế nào đi trên con đường này, giờ này cũng gặp Phan. Con đường hàng Đoát này vắng nhất và cũng đẹp nhất. Diễm không thể nào quên được những buổi trời chạng vạng. Phan và nàng, hai người hai chiếc xe đạp, đạp song song vừa đi vừa nói chuyện. Diễm cũng không quên được vẻ hốt hoảng vụng về của cả hai đứa khi đang hai ghi-đông xe ra cho xa nhau, một đứa chậm chạp một tí, một đứa đạp nhanh lên, khi có người từ đằng xa đi ngược chiều tới. Và lịch sử mối tình của hai đứa cũng đầy di tích trên con đường ngắn này. Hình như hôm đó Diễm đi xe đạp, cũng trên con đường này, chiếc sên xe bị sút xa. Diễm dựng xe lên loay hoay sửa mãi mà không được. May mà Phan gần đó, và phút làm quen không mấy khó khăn. Nửa giờ sau, Diễm lên xe đi về, trời chiều, những ngọn điện đường đã bật. Phan đạp xe đi hộ tống đằng sau. Khi tới gần nhà Diễm chậm lại một chút, quay mặt lại giấu trong nón: “Cám ơn anh, Diễm vô nhà”. Và Diễm đạp xe rẽ vào ngõ chè tàu. Về sau, nghe Phan nói lại là chàng bắt đầu yêu Diễm ngay buổi tối hôm đó, khi hai vạt áo trắng cùng chiếc xe đạp ghi đông chữ U khuất sau hai dây chè tàu xanh, cắt bằng phẳng.

Ngang qua nhà Phan, Diễm không dám nhìn vào nhưng nàng biết Phan sẽ trông thấy nàng. Một lát Diễm nghe tiếng xe đạp lách cách đằng sau, rồi tới sát bên. Diễm cúi mặt, chiếc nón che kín chỉ chừa hai mớ tóc buông xoã phía trước vai. Nhưng Diễm đợi chờ, hai má nàng nóng bừng.

“Diễm”.

“Dạ”.

“Em đi mô về đó?”

“Em đi sang nhà bác trai đưa trái cây cúng. Má sai em đi”.

“Chừ em đi mô?”

“Em về nhà”.

Câu chuyện thật nhạt nhẽo, nhưng Diễm thấy quá quen thuộc, nàng đoán trước những câu hỏi của Phan. Lần nào cũng chừng đó câu hỏi, rồi hai đứa đưa nhau trên đoạn đường từ hàng Đoát, nghèo qua đường Nguyễn Huệ, đi ngang qua Ty Công chánh rồi về đường Trần Thúc Nhẫn. Nhưng lần này thì không, Phan nói tiếp:

“Anh đưa Diễm tới vườn bông Bến Ngự thôi nghe, lên cầu về tối lắm. Hôm ni anh cúng Ba mươi”.

“Em cũng cúng Ba mươi”.

“Sáng mồng Hai anh sang hí. Mồng Một anh về Truồi, ông nội dưới nó”.

“Dạ”.

Phan nhìn thấy ngón tay của Diễm đang bầu trên ghi đông:

“Diễm”.

“Dạ”.

“Diễm đeo nhẫn à?”

Diễm liếc nhìn Phan rồi háy một cái.

“Đeo dị òm”.

Phan cười, mặt hơi cúi xuống.

“Ừ, mai anh đeo luôn hí”.

“Dị òm, bắt chước người ta chi lạ rứa”.

“Dị chi mà dị”.

“Dị quá, anh đi xê ra, rủi gặp ai...”

Phan vừa bẻ ghi đông quẹo ra vừa nói nhỏ:

“Kệ họ, mình sắp cưới rồi mà...”

Diễm đưa tay trật nón ra đằng sau, nàng nhìn con đường hàng Đoát sắp nhập vào con đường thẳng Nguyễn Huệ:

“Má nói khi mô cưới hẳn hay”.

“Chán mấy bà già”.

“Anh không thấy à, khi mô anh tới má cũng bắt em đi rót nước, sai gọi em lằng xằng. À, hay bữa ni anh lên nhà em ăn cúng Ba mươi”.

“Không được, ông rộp chửi chết. Hôm ni lạy bàn thờ. Dưới chú anh cúng buổi trưa, nhà anh cúng tối”.

“Mệt hỉ”.

“Ừ”.

Bàn tay Phan thả ghi đông, đưa sang chụp tay Diễm. Diễm để yên, nhưng lắc đầu quầy quậy:

“Anh làm rứa té chết. Dị chết”.

Ngón tay Phan đã vuốt trên ngón tay đeo nhẫn của Diễm:

“Em hỉ?”

“Dạ chi anh”.

“Thương anh không?”

“Thương anh hoài. Khi mô cái nhẫn này rời khỏi tay em thì em chết”.

“Chớ không phải em tháo ra, em vất dưới sông Hương hay liệng trên núi Ngự à?”

“Mần chi có”.

“Em hỉ?”

“Chi anh?”

“Nói thiệt nghe”.

“Anh dị òm. Còn có mấy ngày mà lo chi cho mệt”.

“Biết rằng mà noái. Khi sáng anh tới má em noái cho cưới tháng Giêng để anh còn đi Thủ Đức. Còn chưa đầy mười ngày”.

“Em chưa noái chi cho tụi bạn em biết hết. Tụi bạn noái em bí mật quân sự”.

“Đầu năm em với anh đi thăm tụi nó, nói cho tụi nó biết”.

Diễm lắc mạnh cánh tay:

“Anh, tới gần cầu, anh về đi”.

“Em sợ tụi không?”

“Không, khoảng đường ni sáng rồi, qua khỏi cầu, đi lên dốc một tí, có ông cảnh sát gác nơi cầu anh tề”.

“Anh về hỉ”.

“Dạ, anh về”.

Diễm trả lời xong cúi đầu đi thẳng. Hàng chèo tàu đã lấp ló đằng xa nơi cột điện. Khi Diễm rẽ vào nhà, ngọn điện đường cũng vừa bật lên. Má nàng đang gội đầu trước hiên. Diễm dựng xe dưới gốc cây khế. Má nàng ngẩng lên:

“Đưa đồ cúng cho bác chưa, Diễm”.

“Dạ rồi”.

“Con thay áo, đi gọi đầu bồ kết nì. Má có để sẵn phần cho con. Ra vườn hái trái chanh mà gọi cho trơn tóc. À con ơi, con lau lại cho má cái sập gụ nghe. Tối nì rảnh đánh tứ sắc chơi”.

Diễm vừa đi vào nhà đã nghe tiếng mẹ vọng theo:

“Chút xíu nữa con dặn bác Bảy mang xích lô tới bác Thị đón ông nội về. Ra sau hè mà gọi qua cũng được, đừng đi ra ngõ chi cho xa con hỉ”.

Diễm đi vào phòng, thay quần áo rồi nằm duỗi ra giường. Chút nữa hãy đi hái chanh, đi gọi đầu. Diễm nhìn bình bông nhỏ cắm mấy bông tường vi của Phan mang sang cho hồi sáng. Mấy đoá tường vi màu hồng sáng lạng, nhưng lòng Diễm chột vui chột buồn. Nàng nghĩ tới những mùa xuân cũ, những mùa xuân cũ khác hẳn xuân này. Năm nay Diễm không thấy nô nức đón xuân như mọi hôm, mà Diễm thấy mình bắt đầu lớn, bắt đầu thay đổi. Thay đổi cả một đoạn đời cũ. Đi lấy chồng, lấy chồng đối với Diễm như bước vào một đoạn đời dài lắm và đầy xa lạ, bờ ngõ. Ở với một người cho tới già, tới chết, dù đó là người yêu, Diễm cũng thấy trong lòng sôi động bao lo sợ, nghi ngờ. Dĩ vãng của Diễm yên lặng quá, hiện tại, Diễm không một điểm nhỏ phản nản, còn tương lai nữa. Diễm như một đứa bé con đang đứng trước

một ngôi nhà quá lớn và hiểu được rằng không bao giờ mình khám phá hết nổi nó. Diễm nhìn ngón tay đeo nhẫn của mình, nàng đưa lên môi, chà chà cạnh nhẫn lên làn da môi mềm mát. Thôi thế cũng xong, một ước mộng bình thường, cứ thế, ta sẽ sung sướng. Diễm cắn chặt ngón tay đeo nhẫn: Anh Phan, rằng em có sắc mấy cũng không cắt nổi ngón tay đeo nhẫn.

Diễm mở cái rương nhỏ, ngắm nghía chiếc áo phin trắng nõn. Chiếc áo này Diễm sẽ mặc để tiếp Phan vào ngày mùng Hai. Phan sẽ hỏi: “Ai may áo đó”. Diễm sẽ sung sướng mà cho Phan biết là chính nàng đã cắt và may lấy. Em sẽ là một bà nội trợ giỏi.

Chắc chắn mà, không tin thì thôi, Diễm mỉm cười một mình.

Sau đó, Diễm nhớ là mình phải ra vườn hái chanh gội đầu, nhân tiện đó Diễm sẽ gọi luôn bác Bảy. Diễm vừa đi vừa nhảy ra vườn. Chiếc áo trắng vải phin nõn còn lung linh trong trí tưởng tượng của nàng. Hình ảnh Diễm đang ở trong đó cùng áo cánh trắng thêu hoa hồng đỏ trên ngực và mái tóc chảy dài. Nhưng ơ kia, làm gì có cánh hoa hồng đỏ tựa như trái tim thêu trên ngực? Diễm bật cười: Thêu như vậy cũng đẹp, nhưng chiếc áo đó đã không thêu. Màu đỏ không hợp với sở thích của nàng. Nàng coi màu đỏ như sự bất trắc, sự hung bạo. Bởi thế, Diễm thích đi lấy chồng hơn là đi học nghề cô mụ. Tội bạn Diễm đã nạp đơn xin học ngành này gần hết.

Cây chanh đã hiện ra trước mặt Diễm. Diễm chỉ cần nhìn lên, chỉ cần với một cành vít xuống, tha hồ mà nài lựa chọn. Hạnh phúc của nàng cũng giản dị quá, mọi lúc đều như vừa vịn trong tầm tay của nàng. Diễm nghĩ đêm nay, sau khi ngồi chầu rìa coi cả nhà đánh tứ sắc, Diễm sẽ nằm lăn ra nơi cái sập gụ, trước khi ngủ, nàng sẽ ăn hết những cánh hoa tường vi cuối năm của Phan gửi tặng.

o O o

Anh Phan,

Rứa là anh đã kẹt dưới Truồi không lên được rồi. Anh ơi, em cũng đã kiệt lực. Em ngồi viết thư cho anh lúc đang sống trong một căn hầm hết sức chật. Một cái hầm nổi, làm sát góc nhà với mười bốn mạng người. Ngày nào cũng chùng đó tiếng động, chùng đó nổi kinh hoàng. Từ đêm mùng Một rạng ngày mùng Hai, cả nhà bị mắc kẹt không còn tản cư vào đâu được nữa. Em viết thư này cho anh là ngày Mười bốn, và gia đình em đã chịu sống mười ba ngày trong chiếc hầm nhỏ hẹp này. Xung quanh, Thạch bạn em đã trúng đạn chết, xác lấp vùi vãi ngoài vườn. Ngay trong nhà mình, phòng bên cạnh cũng có một gia đình hàng xóm xin làm hầm, mang sang hai người bị thương, đêm nào họ cũng la hét khóc lóc ghê quá. Mấy ngày đầu, mấy anh ngoài nó

còn cho thuốc băng bó, mấy ngày nay họ bỏ liều rồi. Chắc mấy người đó chết quá anh ơi, mà họ chết là thành ma trong nhà mình rồi.

Em có bị bắt đi khiêng đạn và chở người bị thương bằng xe ba bánh lên phía Tây Thiên mấy lần, lần nào đi cũng sợ muốn chết giắc vì những quả bom dưới Phú Bài câu lên. Những người đi với em chết nhiều lắm. Em đi khiêng đạn được năm hôm, khiêng người bị thương được hai hôm thì khiếp quá, ngắt xỉu mấy lần. Em theo mấy người trốn về lại bị nạn kiểm soát. Họ tới tận nhà. Má phải xoa nghệ lên mặt em, vả vào mắt em cho súng húp để xưng bệnh cho họ khỏi bắt đi. Mà em muốn bệnh thật, em bệnh vì lo sợ, vì buồn phiền, vì thương cảm. Má đã rơi nước mắt ròng khi đưa bàn tay tát vào mắt em cho súng vù. Em cũng không cầm được giọt lệ khi nhìn thấy anh Văn trốn trên trần nhà mười mấy hôm, khi ăn khi nhin, sợ tới chết điếng người vì những trái mọt chê rơi đều đều dội tứ tung trên miệt bên Ngự, Từ Đàm.

Mấy hôm nay thì đạn đại bác bắn quá lắm. Em nằm ép mình sát đất, cứ bị dội người lên vì đất đai nhà cửa rung chuyển, ngực em cơ hồ như đã vỡ vụn bên trong nhưng lạ là em không thấy đau đớn và tắt thở. Em vẫn thở được nhưng hơi thở nặng nề, em vẫn nhai được những bát cơm nấu vôi vã, đôi khi chưa kịp ăn đã vất bát cơm, nằm sát xuống mặt hầm, hoặc ôm cứng lấy nhau, và khi dứt tiếng nổ, thấy mắt mình hết nổ đom đóm, ngắt vào da thịt thấy đau, em mới biết rằng mình còn sống. Anh Phan, chắc em

chết không gặp anh. Chắc chết quá anh ơi, súng vẫn bắn như mưa trên đầu những người chờ đợi. Nhưng anh ơi, trong những phút kinh hoàng như thế này, trong những phút nằm chờ một quả bom canh đúng rơi trúng miệng hầm, đôi lúc em vẫn còn đầy tưởng tượng lãng mạn. Em nhớ anh hơn, nao nức hơn, và thấy mỗi tình mình trở nên quan trọng hơn. Em nhớ buổi chiều cuối năm đi với anh trên con đường hàng Đào. Thơ mộng quá, đẹp quá, phải không anh? Và em đã thề thốt gì với anh, anh còn nhớ không? Anh ơi, nếu em chết, anh tìm cho được xác em, nhìn ngón tay em đeo nhẫn nhé. Nhưng em sợ chết quá, em chết đi rồi anh sẽ còn ai để thương, còn ai để cưới làm vợ, mà anh lấy người khác em ghen, em chết không nhắm mắt. Con gái Huế ghen dễ sợ lắm, ghen cay như ớt. Anh ơi, ớt đầy một vườn mà bữa ăn nào em cũng thèm tới rớt nước miếng. Em muốn được ăn trái ớt trước khi chết để thành một con ma ghen kinh khủng, em nói bậy quá rồi. Lại bắt đầu bắn đó anh. Làm sao đưa cơm lên cho anh Văn, làm sao cho anh ấy trốn đi được. Ngọn đèn cầy đặt trong hầm lại sắp hết. Phải tiết kiệm, thôi em tắt. Nằm xuống khoảng tối em sẽ nhớ anh, nhớ anh như điên để rồi có chết đêm nay còn tưởng tượng ra anh, anh nghe. Ngọn đèn lụi quá rồi, chữ em viết không biết đang lên dốc Nam Giao hay xuống dốc bến Ngự.

Anh Phan,

Tai nạn đã xảy ra rồi. Sáng hôm nay chị Tư ra khỏi miệng hầm thật sớm để đưa vắt cơm lên trần nhà cho anh Văn, sợ lát nữa mấy ống vào kiểm soát,

chị vừa ra khỏi miệng hầm thì bị mảnh bom chom. Máu ra nhiều quá. Em phải xé chiếc áo dài mới để băng bó cho chị. Bây giờ chị đang nằm lịm nơi chân em đây này. Còn anh Văn, anh ấy đã chết. Anh Phan, anh Văn không bị bom không bị đạn, anh đói lả và rơi từ trên trần nhà xuống, chết liền tại chỗ. Xác anh Văn đang nằm nơi chiếc sập gụ của ông nội, nhằm chung với ông nội em còn sống. Má đã khóc lóc xin mấy anh ngoài nớ ra vườn chôn tạm anh Văn nhưng họ nói ra ngoài đó máy bay thấy đào đất rồi bắn xuống. Trưa nay mấy ổng họ rút lên phía trên nữa rồi. Má nói có thể trốn được. Nhưng trước khi trốn đi tản cư, phải tìm cách chôn anh Văn đã. Cách tốt nhất là đặt anh Văn trong hầm này, khi về hãy hay. Nhưng lại gặp chuyện phiền phức khác là chị Tư và ông nội. Chị Tư bị thương, khó khiêng đi, ông nội thì nhất định ở nhà. Cả nhà khóc mãi, ông vẫn không đổi ý. Chị nói thà chết ở nhà, và năn nỉ cả nhà nên tìm cách trốn đi.

Anh ơi, gia đình em sao thê thảm thế này. Không, đâu phải chỉ gia đình em. Nhà chú Bảy xích lô đã chết hết, cả một cái hầm sập xuống. Đứa cháu bên đó chạy sang cho hay vậy. Ngoài đường còn những xác người chưa chôn. Chị Thọ cho biết là bây giờ chỉ có hai lối đi, một là xuống cầu bến Ngự, rồi băng về bên kia sông, nghe nói có Mỹ, một là đi ngược lên Tây Thiên. Nhưng lên Tây Thiên thì gặp họ cũng không sống được. Bà Minh, anh Vỹ, anh Cao, bác Hịch đã bị họ bắt theo lên Tây Thiên hết rồi. Nhà mình có anh Văn đã chết. Còn bà già, con nít. Có em thì họ chưa

bắt đi, vì vậy má nói phải trốn. Đêm qua họ đem mấy cậu sinh viên vào xử tại sau vườn nhà. Em nghe thấy tiếng súng bắn, tiếng người hét, họ vào nhà xin chiếu, chiếu hết rồi. Em nghe họ đào sau vườn. Họ lấp đất, rồi họ kéo nhau đi. Đại bác vẫn câu lên đều đều. Má nói đến chiều tối, khi bớt tiếng đại bác, sẽ tìm cách trốn ra khỏi nhà. Ở đây thì thế nào cũng chết. Nhưng ông nội sợ chết đường. Em không chịu ý kiến ông nội. Thà mình cứ đi tìm lối thoát còn hơn ở nhà chịu chết. Phía dưới gốc cầu người ta đi cũng nhiều, chết cũng nhiều, buổi sáng khi khóc anh Văn, em nhìn ra cửa ngõ thấy một bà mẹ đang nhét một đứa nhỏ vào bụi chè tàu trước cổng rồi vừa khóc vừa chạy. Em chưa kịp la thì phải vào hầm vì những tiếng nổ gần quá, con Mẹo có ra coi, hắn nói thằng nhỏ chết rồi, đang bị kiến đỏ bu đầy người, có con chó Mực đang rình rập vào ăn thịt. Lũ chó đói quá, chúng cứ xông vào nhà. Trên sập của ông nội có một đồng gạch thật lớn. Ông lấy ném để canh xác anh Văn. Từ sáng đến giờ, ông nội vừa khóc vừa đọc kinh, đôi khi ông chửi bới lung tung. Có một trái đạn rớt giữa sân, mảnh bay đầy sân nhà mà chỗ ông nằm vẫn yên lành, ông nói đạn sợ ông rồi, ông chỉ sợ bầy chó đói.

Anh ơi! Chắc em chết, gia đình em chết hết. Em khóc ròng đây, em khóc muốn ngất khi nghĩ rằng, khi yên, anh sẽ tới tìm em nơi này, anh sẽ không thấy xác em đâu nữa. Tay em nằm trong bụng con chó này, mặt em ở trong bụng con chó khác. Anh ơi, em tội tình chi mà không được một nắm mồ. Anh Văn, ông nội em... Em thèm cúng giỗ, thèm được người

ta cúng giỗ quá. Bây giờ em mới hiểu tại sao mọi nhà đều cúng chiều Ba mươi, tại sao có trầm hương, có cô hồn, có ác quỷ.

Anh Phan, em vừa nghe cả nhà bàn sáu giờ chiều nay sẽ trốn đi vùng khác, ông nội ở lại, chị Tư ở lại, xác anh Văn đặt trong hầm. Má em với Út, với Tây, với Bằng sẽ trốn đi. Mẹo đi theo. Bác Chắt ở lại canh chừng ông nội và rửa vết thương cho chị Tư. Ông nội, chị Tư sẽ vào hầm nằm chung với anh Văn để khỏi đuổi chó. Em sẽ đặt lá thư này dưới chiếc sập gụ, chiếc sập gụ lát nữa đây sẽ được đem tới kê trước miệng hầm. Nếu em chết, má sẽ chỉ cho anh thấy lá thư này. Em nghĩ là má sẽ sống, cả em cũng phải sống. Chiếc nhẫn mấy ngày nay đã lỏng lẻo, nhưng em vẫn đeo, coi như một thẻ bùa may mắn. Anh ơi, anh đang ở Truồi hay ở đâu. Em lo sợ quá. Chiều tối em sẽ đi, chưa biết là tìm thấy sự sống hay sự chết.

Đến hôm nay đèn cầy hết, thực phẩm chỉ đủ cho hai người ăn trong mười lăm hôm. Cầu mong sẽ yên sớm hơn. Nghe nói Mỹ đã chiếm được Công Chánh, phía hữu ngạn. Anh có về đến đó chưa?

Em đã ăn hết những bông hoa tường vi của anh đêm Ba mươi Tết, thuốc trường sinh, thuốc thương yêu. Anh ơi, em phải sửa soạn để đi, lá thư này xin gửi lại dưới sập gụ...

7ừ trường Kiều Mẫu, Phan đã mấy lần kiểm cách đi lên mạn bến Ngự, nhưng mấy ngày nay, súng nhỏ súng lớn nổ ran về miệt đó. Phan đi lần được tới bờ sông, người Mỹ đuổi Phan trở lui lại, Phan đứng dọc đường đón tất cả mọi người tản cư đi qua, hỏi thăm tin tức, nhưng chàng cũng không nhận được một tin tức nào. Cho tới khi gặp được một người từ bến Ngự chạy về lánh nạn ở Tân Lăng, Phan đến hỏi tin tức, được biết gia đình Diễm một nửa còn mắc kẹt ở lại, một nửa đã trốn theo đường rầy về An Cựu, nhưng tới nửa đường thì Diễm bị một trái bom rơi trúng, cả thân thể Diễm bay kẹt vào một bụi cây. Chỉ nghe chừng đó Phan đã bùm mặt khóc oà, chàng không còn đủ sức hỏi thăm thêm gia đình Diễm nữa. Mười mấy ngày sau, khi bến Ngự đã dẹp xong, Phan là người trước nhất đi dọc theo đường rầy xe hoả về bến Ngự. Dọc đường, Phan đã nhận ra xác Diễm. Diễm chỉ còn lại đầu tóc, gương mặt đã bầm dập, cả người đã sinh thối, nàng kẹt vào giữa bụi cây, và những dòng nước vàng đã chảy xuống. Cánh áo phin trắng của Diễm đã rách nát, nhưng nơi ngực áo, hai chữ P D lồng nhau thêu bằng chỉ trắng vẫn chưa bị mục, và nhờ đó Phan nhìn ra xác Diễm. Diễm mất một cánh tay, và nơi bàn tay còn lại, Phan không nhìn thấy ngón đeo nhẫn đâu hết. Ngón tay đeo nhẫn của Diễm đã bị cắt lìa. Phan tìm cùng khắp không thấy vết tích đốt tay và chiếc nhẫn đó nữa.

Khi đem xác Diễm về táng liệm, mọi người phát giác ngón tay đeo nhẫn của nàng đã nằm gọn trong đám ruột bày nhầy, không ai hiểu tại sao, và chiếc nhẫn cũng không tìm thấy.

Chôn cất Diễm xong, Phan đi tìm mẹ Diễm, bà đang nằm tại một bệnh viện của Mỹ. Phan tìm tới ngôi nhà cũ của Diễm, ông nội nàng đã chết, chị Tư cũng đã chết, xác của Văn, của ông nội, của chị Tư bị chôn chui vào găm nát, người mất tay, người mất chân. Khi dỡ cái sập gụ ra để lộ những xác chết, Phan đã tìm thấy bức thư của Diễm.

Chiếc xe của Diễm vẫn còn nguyên, dựng ở một góc tường chưa bị sập. Phan dắt chiếc xe đạp ra khỏi nhà, chàng dắt đi bộ chớ không ngồi lên đạp.

Căn nhà của Phan chỉ bị thủng mấy lỗ đạn. Những ngày sau đó, bạn bè của Diễm còn sống sót, chiều đi ngang qua con đường hàng Đoát thấy Phan ngồi trên chiếc xe đạp, dắt theo một chiếc xe đạp, và bên ghi đông chiếc xe không người, lủng lẳng cột một chiếc nhẫn vàng. Bạn bè không ai dám hỏi thăm, dám an ủi, vì Phan không bao giờ trả lời, không bao giờ đứng lại nghe ai nhắc tới tên Diễm.

Con đường hàng Đoát đến bây giờ vẫn còn đẹp, và chiều chiều vẫn còn những đôi tình nhân song song đạp xe đi trên đó. Bóng dáng của Diễm cũng như những đồng gạch vụn, những dấu bom đạn đã lùi dần trong trí nhớ bạn bè. Người ta bắt đầu quen dần với cảnh Phan vừa đi vừa dắt thêm một chiếc xe đạp bên cạnh. Không ai còn thì giờ nhắc tới mối tình của họ.

5.

Ngày Nay Năm Ngoái

Nửa khuya, mạ thức giấc rồi đánh thức cả Thục dậy. Mạ quả quyết là nghe có tiếng chân người ở ngoài sân. Nhưng Thục buồn ngủ lắm, đêm trước đón giao thừa rồi thức luôn gần đến sáng. Sáng nay đi chùa, đi thăm bà con rồi trở về nhà lo nấu nước dọn khách. Cứ hết người này đến người khác làm Thục muốn choáng váng rồi. Nhưng mạ không chịu, mạ cứ đập vào vai Thục:

“Thục, dậy, dậy. Có người.

Thục quay mặt vô vách:

“Mạ tưởng tượng rồi.

“Không, tau e như năm ngoái đó a tề. Cũng tối mồng Một, tau cũng nghe tiếng chân trong vườn rồi bắn nhau, đánh nhau.

Thục càu nhàu:

“Mạ tưởng tượng ra đó. Sợ chi mà một năm rồi còn sợ.

“Thục, con lắng tai nghe thử coi.

Nghe mạ quả quyết, Thục cũng chột dạ. Năm ngoái cũng vậy, nửa đêm mạ bảo có tiếng chân ngoài đi trong vườn rồi không ai tin hết. Anh Phước nói chắc mấy con chồn con cáo chi rình ngoài chuồng gà. lát sau là đạn bắn vỡ trời. Rồi chạy loạn suốt một tháng. Khi về lại, căn nhà đầy lỗ đạn, căn nhà bếp sụp hoàn toàn, nhưng lạ, nhà chính vẫn đứng trơ trơ, đầy dấu tích đổ nát mà không đổ xuống. Bên đó vẫn còn bàn thờ ông bà, nhưng bàn thờ ba thì thiết tại căn nhà nhỏ ở thuê này. Từ hôm chạy loạn về, mạ không dám trở về căn nhà cũ nữa, mà thuê căn nhà kế cận. Thục lắng nghe. Quả thực thỉnh thoảng có tiếng xào xạc rồi tiếng lộp độp. Một lát Thục nhận ra tiếng động ngoài sân rồi, Thục nói với mạ:

“Mạ ơi, không phải mô. Mấy quả bàng khô rụng lộp độp đó.

“Thiệt không?”

Mạ hơi nhòm người lên rồi lại nằm xuống. Thục đã hết buồn ngủ, mạ nói đốt giùm tao cây đèn sáp. Thục mò xuống gối kiểm bao diêm và đốt đèn. Ngọn nến sáng lung linh, chiếc bóng của Thục chiếu lên vách thật đồ sộ. Thục thấy mạ đưa tay quạt nước mắt rồi sụt mũi.

“Mạ khóc đó hả? Răng mà khóc hoài, chuyện

như từ đời xưa rồi. Tuy càu nhàu mạ nhưng lòng Thục đã nao nao. Năm ngoái cũng giờ này, ngày này, tiếng súng bắt đầu nổ. Gia đình Thục chạy thoát được vùng kiểm soát của Việt cộng nhưng ba Thục sau đó bị bắt đi. Về sau, Thục với mạ và anh Phước cứ nghe ở đâu có hầm xác là vội vã tới. Đi có mười mấy hầm mới nhìn ra được xác ba. Nằm phoi cả buổi sáng trên cỏ không sao, khi mạ con Thục tới nơi thì xác như rữa ra, rồi chảy nước vàng. Mạ ngất xỉu, rơi xuống đồng nước vàng hôi hám đó. Dem được xác ba về chôn cất tử tế rồi mà mạ như mất hồn. Nhiều đêm mạ tỉnh dậy, đốt ngọn nến ngồi một mình, đôi lúc rủ Thục cùng thức, cùng ngồi luôn. Cứ ngồi ủ rũ, gục mặt lên đầu gối, hai mạ con ít nói chuyện với nhau. Mà hễ nói là mạ khóc. Thục thấy mạ cứ lẳng tai nghe ngóng mãi, an ủi mạ:

“Thôi mạ, gần sáng rồi, mạ ngủ đi một tí.

“Ngủ rằng được mà ngủ con ơi. Năm ngoái ba bị bắt đi rồi chết, biết ngày mô mà cúng mà kỵ. Trời ơi, nhà tui có ai ăn ở thất đức mô mà chết không biết ngày ri trời.”

Thục cũng mũi lòng, nước mắt tuôn trào ra. Từ hơn tháng nay, mạ thắc mắc mãi ngày chết của ba. Mạ tính ba bị bắt ngày mười một, chắc cũng mười mấy hôm sau mới bị giết. Mà không phải ba bị giết, hình như ba bị chôn sống. Cả hầm xác đó không có ai có dầu gì chứng tỏ là bị thương. Thục nhớ lại khi đứng bên hầm xác, nhìn những xác chết nằm rải rác đắp bằng giấy báo, Thục lạnh cả xương sống, và cảm

giác đó vẫn còn ở lý trong xương sống nàng, cứ mỗi lần Thục nhớ lại là xương sống nàng như buốt giá và đầu óc còn choáng váng. Đến bây giờ mỗi lần nhìn thấy những vật nắng vàng trải trên cỏ là Thục liên tưởng đến những vật nắng đã trải trên miệng hầm ở Bãi Dâu.

Có tiếng lục đục ngoài căn nhà ngoài. Chắc anh Phước đã nghe tiếng mẹ khóc. Rồi tiếng dép của anh Phước kéo tới gần cửa buồng. Tiếng anh vọng vào:

“Chi rứa mẹ?”

“Tau nghe có tiếng chân ngoài vườn, chắc ba mi về. Thiệt mà, từ hôm tìm ra xác ba mi, tau nghe tiếng chân đi ngoài sân hoài rứa đó. Chắc ba mi về thăm nhà.

Thục rùng mình. Giọng nói của mẹ tỉnh bơ như chuyện có thực. Anh Phước cầu nhàu:

“Xì. Tưởng chuyện chi”.

Rồi anh trở lại giường bố. Mẹ lại tiếp tục khóc, kể lể:

“Cúng ngày mô đây tui bây ơi”.

Dì Vạn cũng trở mình, dì ngồi lên. Giường bố của dì kê bên cạnh giường mẹ con Thục:

“Chi rứa chị. Lại khóc rồi”.

Rồi dì đập muỗi đôm đớp, vừa cầu nhàu:

“Đã nói phần anh vẫn số có rứa thì thôi. Bộ mình chị có chồng chết hay rằng mà khóc trù trù rứa. Năm ni để chị coi, người ta cúng từ mùng Hai trở đi, cúng đầy cả tháng”.

“Ừ hỉ. Rứa thì sau ngày mùng Một, ngày mô mình cũng cúng, rằng cũng trùng một ngày”.

Dì Vạn gạt đi:

“Chị rằng tào lao quá. Thôi thì sống khôn thác thiêng. Chị cứ chọn một ngày cúng rồi anh về. Rứa có phải không? Phải không thằng Phước? Mi còn thức hay ngủ rồi”.

Anh Phước nói lớn:

“Còn thức chớ dì. Dì nói phải đó”.

Thục đưa cái khăn mùi xoa dấp dưới gối cho mạ:

“Thôi mạ, ngủ đi”.

Nhưng mạ Thục vẫn ngồi. Đầu tóc không bới rũ rượi xuống mặt, xuống cổ. Bà cứ khóc sụt sùi và kể lể:

“Ba tụi bây chết là hết ma. Có đũa mô dám qua bên nhà thắp hương cho ông bà mô. Có chi mà sợ”.

Thục không nhin được nữa. Căn nhà bỏ hoang một năm, mái nhà chỉ dựa hờ vào mấy bức tường loang lổ đạn. Đã không dám ở mà cũng không dám dọn nhà đi. Thục gắt nhỏ:

“Mạ nói rằng lạ rứa. Qua bên đó lỗ sập nhà răng”.

“Cả năm ni có sập mô. Để đó, tao qua tao thấp. Sáng mai dì Vạn đi với tui nghe”.

Dì Vạn dỗ mạ:

“Ừ, thôi ngủ đi. Ai đòi cái nhà đẹp rứa mà bỏ không, cỏ mọc tùm lum. Coi như cái nhà ma”.

Câu nói của dì Vạn làm Thục càng Thục ấy căn nhà huyền bí thêm. Người ta đồn căn nhà đó nhiều ma lắm. Dạo Tết vừa rồi trong vườn chôn nhiều xác chết lắm mà không biết ở đâu. Cứ đào lỗ vùi xuống. Nhiều người nói trẻ con chết người ta đem vào giấu trong vườn, rồi một gia đình đào cái hầm trong đó, hầm sập chết hết. Hôm mới trở về, Thục không vô nhưng anh Phước kể lại tường đầy vết máu và giữa nền nhà còn bầy nhầy những miếng da, miếng thịt, hôi thúi lắm.

Dì Vạn nói tắt đèn cho mạ mi ngủ. Thục thối tắt ngọn đèn. Một lúc mạ cũng nằm xuống bên Tâm, nhưng Thục không thấy gì hết. Thục thấy mình cũng hoà tan trong bóng tối.

Bên ngoài như có cơn mưa nhỏ. Sáng ngày ra chắc cỏ xanh lắm, và mấy cây mai vàng sẽ sạch hơn, tươi hơn. Thục nhắm mắt. Mạ nhắm mắt hay mở mắt rứa mạ? Có mở mắt, mạ cũng chẳng trông thấy gì hết. Có tiếng ghế bố kêu lắc cắc, tiếng quạt diêm rồi mùi khói thuốc. Thục nhìn qua, dì Vạn hút thuốc Cẩm Lệ, đốm lửa khi lớn khi nhỏ và mùi thuốc làm Thục ho sặc sụa.

Sáng hôm sau Thục dậy sớm và đi ra sân. Trời vẫn còn mưa lất phất, hạt nhỏ như bụi. Những hạt bụi trắng bám đầy trên lá cây. Khu vườn bỗng tươi mát hẳn. Thục nhìn qua khu vườn và ngôi nhà cũ. Căn nhà vẫn sừng sững. Nhưng lạ lùng, Thục thấy căn nhà thật um sùm, chả bù với những ngày mùa đông vừa qua, lá cây rụng hết, căn nhà nằm chơ vơ và luôn luôn như sắp sụp xuống. Thục chạy ra góc vườn nhìn sang. Bên sân, mấy cây mai vẫn nở vàng rực và Thục nghe có nhiều tiếng chim hót. Mấy chậu cây của bà mọc đầy cỏ, chỉ có chậu hoa tử muội thì sống dai ghê. Mùa hạ vừa rồi Thục nhìn sang thấy chậu khô queo, đất nứt nẻ, rữa mà chừ cũng xanh um, có hoa trắng nở chi chít từng chùm. Thục đứng dậy mà có thể tưởng tượng ra hương thơm của tử muội ngát mũi.

Thục định bụng sẽ nói với mẹ về làng bán cái vườn cau rồi tu sửa lại ngôi nhà. Dù rằng đi nữa thì cũng là mồ hôi nước mắt cả một đời của ba. Sửa mà không ở cũng được, để làm cái nhà thờ. Thật ra Thục sẽ không dám bước chân ra khỏi nhà, khi nghĩ tới trong vườn còn chôn bao xác người. Dì Vạn đã có lần nói với mẹ là kêu người tới sửa sang, dọn rửa rồi coi đào tìm xác chết, nhưng mẹ nói ba chết rồi, còn chi nữa mà làm lại. Mẹ bỏ bê luôn và mẹ cũng không muốn trở về đó nữa.

Thục thấy có mấy con chim sẻ vừa sà xuống sân, và nhảy chóc chóc đuổi nhau nơi bụi thềm. Thục định lấy một hòn đá ném sang, nhưng nàng sợ hòn đá sẽ làm khuấy động sự yên tĩnh của căn nhà. Thục bỏ đi vào.

Dì Vạn đang tết bánh tét ra từng khoanh đặt lên đĩa.

Thục đói quá định cầm một miếng ăn thì dì nạt:

“Khoan, để cũng ba đã. Đi rót nước mau”.

Thục rót ly nước trà bưng đặt lên bàn thờ ba. Mẹ đang ngồi tằm trầu nơi bàn lớn kê giữa nhà, sát bàn thờ ba. Mắt mẹ đỏ hoe, chắc đêm qua bà khóc nhiều lắm. Thấy Thục, bà nói:

“Sáng ra tau ra sân thấy có bàng mô mô. Tau nói đêm qua ba tụi mi về mà đưa mô cũng cãi tau”.

Dì Vạn cười:

“Chị răng hay nói tào lao. Chết rồi chớ mô nữa mà về. Bộ chị ưa anh thành ma, không siêu thoát được hay răng”.

Dì Vạn bưng đĩa bánh đặt lên bàn thờ. Mẹ Thục lại nói:

“Ông có ở đây mô mà cúng. Ông ở bên nhà nó tề. Để tui đem bánh đem hương qua cúng ông”.

Anh Phước đã thay xong quần áo. Anh nghe mẹ nói liền tán thành:

“Đúng đó. Con đi với mẹ. Mẹ có sợ không?”

Thục thấy mẹ ngần ngại:

“Ừ, cũng dễ sợ”.

Anh Phước cau có:

“Tui đã nói với mạ bữa trước Tết không bẻ mai bán mà. Để nó nở toát hết, uống quá chừng”.

“Ba tụi bây khi sống ông ghét đưa mô bẻ mai lắm. Kệ, để đó cho ba bây”.

Dì Vạn cười. Rồi dì đi tới bên mạ:

“Chị cho miếng trầu. Ít vôi hí. Túi qua ăn miếng trầu nhiều vôi một chút mà phồng cả miệng”.

Anh Phước chọc:

“Dì phồng miệng cho hết noái. Trong nhà dì vô địch nói nhiều”.

“Chớ rằng, bộ khi mô cũng khóc như mạ bây. Tao cũng goá chồng chớ bộ mạ bây goá chồng thôi a rằng”.

“Ôi, chồng dì chết hồi xa lắc xa lơ”.

“Thì chị không nhớ rằng? Hồi đó cũng Việt Minh giết. Sáng ra thấy xác cột chùm hai ba người vất nơi dốc Nam Giao đó. Cũng lâu rồi chớ ít ỏi chi”.

Dì Vạn nói xong giơ tay chùi miệng, quẹt nước trầu loang ra hai bên mép rồi lau vào vạt áo nâu. Mạ Thục vẫn thắc mắc về cái nhà.

“Đêm qua tui nằm nghĩ đi nghĩ lại. Thằng Phước nó nói sửa lại cái nhà thiệt đúng. Phải sửa lại dì hí?”

“Tuỳ chị chứ”.

“Trước tui buồn tui để kệ. Chừ tui thấy bỏ hoang cũng uống”.

Anh Phước chen vào:

“Mạ thiệt. Khi ri khi tê, biết mô mà lần”.

Thục ngồi vắt hai chân lên nhau, đu đưa. Căn nhà thân yêu của Thục mới ngày nào đầy tiếng cười nói mà giờ đã lạnh lẽo. Làm sao Thục quên được những buổi tối, dưới ánh đèn sáng dịu, ba mạ Thục bắt ghế ngồi ngoài sân. Dì Vạn ngồi khâu áo, anh Phước học bài. Còn Thục thì mở cửa sổ đứng mơ mộng nhìn ra ngoài vườn. Những cây cối già nua, lúc nào cũng hết sức thân ái. Còn cả bức tường nơi phòng riêng của Thục nữa, những lần bị đòn Thục đóng cửa nằm khóc và lấy móng tay vạch ngang dọc lên tường. Những vòng tròn những mắt mũi đầu người, bây giờ vết đạn có xuyên qua không? Còn cái ổ kiến lớn nơi cây mít sau vườn nữa. Cây mít gần cửa sổ và thỉnh thoảng có những chú kiến đen chân cao lạc vào phòng của Thục. Thục đặt chú kiến lên một ngọn lá mít vàng, nhìn chú bò quanh quất rồi lát sau tung cả ngọn lá, cả chú kiến ra ngoài vườn, cho chú trở về nhà. Nơi phòng của anh Phước còn có những dòng công thức anh học và ghi chi chít lên tường. Tất cả bây giờ lẫn lộn với những vết đạn, vỏ đạn, với máu người thịt rữa, Thục nhắm mắt lại. Dì

Vạn nói một câu gì đó mà anh Phước cười lớn. Thực bưng tỉnh ngơ ngác:

“Cái gì mà dì cười rứa?”

Dì Vạn không trả lời và tiếp tục cười. Mạ nạt:

“Dì cháu bây sượng lắm đó mà giỡn”.

Thực lẳng lặng bỏ ra sân. Nàng lui lại góc vườn nhìn qua căn nhà cũ. Sáng mồng Hai năm trước, đã có người chết trước cổng nhà, nơi cây nhãn trước ngõ. Rồi chạy loạn, rồi trở về mất luôn cảnh ầm cúng ngày nào.

Cả ngày hôm đó Thực thấy mạ không vui mà cả nhà cũng không ai vui. Bà con đã đến thừa thót. Ai cũng có tang, không muốn đến thăm nhau sợ đem xui xẻo.

Buổi chiều hôm mồng Hai, Thực đứng với anh Phước ở sân, nhìn xéo qua góc vườn. Hai anh em vừa nhìn vừa kể lại những kỷ niệm nơi căn nhà cũ. Mất Thực mờ đi, và qua màn lệ mỏng, Thực thấy khu vườn nhòe đi và rộng mênh mông. Mái ngói rêu mốc nham nhở vết đạn. Rồi Thực thấy như căn nhà vừa rùng mình, chao nghiêng. Thực cầm chặt tay anh, dụi mắt:

“Anh”.

“Chi rứa em?”

“Em thấy căn nhà vừa chao một cái”.

“Anh cũng thấy rứa”.

Nhưng căn nhà vẫn đứng sừng sững. Anh Phước định nói một câu gì đó, anh vừa há miệng thì bỗng một tiếng ầm. Cả căn nhà bỗng sụm xuống êm rơ. Bụi trắng bay cao, bốc lên khỏi những đọt cây rồi tan trong mưa bụi. Dì Vạn chạy ra, rồi mạ chạy ra. Mạ dụi mắt, mạ giơ tay chỉ, nhưng bà cũng không nói được lời nào. Mấy cánh tay cùng chỉ về phía vườn, nơi ngôi nhà bây giờ chỉ còn là đồng gạch vụn.

Rồi bỗng mạ khuyu xuống từ từ. Mắt bà trợn ngược lên như đã tin được chuyện xảy ra trước mắt là có thật. Khu vườn bên căn nhà cũ vẫn xanh um, sạch sẽ. Những đọt cây xanh vươn cao, như muốn che lấp hết đồng gạch ngói. Mạ vẫn mở to mắt, nhìn đăm đăm về phía ngôi nhà đổ, hai chân khuyu xuống thấp dần như sắp đổ theo với căn nhà. Nhưng rồi mạ gượng kịp. Bà đứng dậy, tay vẫn chỉ về bên vườn, giọng nửa khóc nửa cười:

“Nó đổ, nó đổ thiệt rồi”.

Thục đứng yên. Mạ ôm mặt đi vào nhà. Tội nghiệp căn nhà của ba, những rung chuyển của bom đạn làm nó rạn vỡ, và đúng một năm sau, kể từ ngày phát súng đầu tiên thức tỉnh thành phố Huế, ngôi nhà sụp đổ theo. Anh Phước vẫn đứng như chôn chân xuống đất. Thế là hết. Thục dứt mọi tính toán, lo âu về căn nhà.

Khu vườn vẫn xanh um, ôm ấp đầy kỷ niệm của gia đình Thục.

6.

Đêm Cuối Năm Thân

Năm nay cây mai vàng trước sân nhà nở sớm hơn mọi năm, ông nội đã cắt được một cành, đem cắm vào cái bình đồng lớn. Ông còn đoán chắc rằng, thế nào cành mai cũng nở trong mấy ngày Tết, không thể sớm hơn chiều Ba mươi được. Buổi tối Ba mươi, sau khi cúng xong, ông nội đi lui đi tới quanh quất bên nhánh mai, rồi chợt kêu lớn:

“Ê, tụi bay ra coi, tau nói có sai mô. Có mấy bông đã hé cánh rồi, sáng mai mừng Một là nở ráo cho coi.

Chị Khánh kéo tay Trâm biểu đi lại coi cành mai của ông. Quả như ông đã dự tính, một vài bông hoa đã bắt đầu hé cánh, màu vàng non như nắng. Ông nội đi lui đi tới, có vẻ khoái chí với cành mai của ông. Chị Khánh lôi Trâm ra đứng trước hiên:

“Anh Đăng chừ mà chưa tới. Anh nói với chị tui nì sang đánh tứ sắc”.

Trâm giơ tay coi đồng hồ. Nàng phải nghiêng mặt, soi tay lên cao mới thấy được cái kim chỉ giờ nhỏ xíu. Chị Khánh hỏi:

“Mấy giờ mà túi quá rứa hỉ?”

“Mới bảy giờ rưỡi. Đêm Ba mươi mà chị”.

“Thắp hương chưa?”

“Mới cũng xong mà chị. Túi thắp. Rồi thắp suốt đêm giao thừa luôn chị hỉ?”

Chị Khánh nhìn ra ngoài cây mai. Bên gốc mai là mộ em Tý Con. Cây hương sắp tàn còn chấm lửa nhỏ nhoi. Giọng chị trầm hẳn xuống:

“Hương nơi mộ em tàn rồi. Chạng vạng thắp hương là đúng nhứt. Vô lấy hương rồi mình thắp cho Tý Con, thắp cho ba với.

Trâm hơi ngần ngại. Mộ em Tý Con nằm nơi sân, nhưng mộ ba tận góc vườn, đầy bóng cây tối mò. Chị Khánh bỏ Trâm đứng yên, lui vô nhà lấy ra một bó hương. Chị đốt hương rồi thổi cho tắt ngọn lửa bùng lên ở đầu hương. Trâm thấy khuôn mặt chị sáng rực rồi mờ đi. Chị Khánh hỏi:

“Có đi không?”

“Đi chị”.

Trâm bấu chặt lấy tay chị Khánh làm chị đi chậm lại, chị gắt:

“Đi đàng hoàng chớ đi chi lạ rứa. Sợ ma à? Có ba rồi có em Tý Con mà sợ chi. Bà và em Tý Con luôn ở cạnh mình”.

Trâm nép sát vào chị:

“Răng mà năm ngoái thấy toàn người chết, chạy loạn không sợ, chừ tưởng lại em sợ bất chết rứa”.

Chị Khánh không nói gì nữa. Chị chia nửa bó hương thắp lên mộ em Tý Con. Trâm thấy trong bóng tối những cánh mai như đang run lên và trong không khí yên tĩnh, có những tiếng động tích tắc như tiếng đồng hồ hay tiếng gương soi.

Những bông mai đang cựa mình đấy, nếu còn em Tý Con chắc nó sẽ nói thế, em vốn mơ mộng lắm. Chị Khánh chấp tay vái mấy cái, Trâm bắt chước theo. Nàng cảm thấy lạnh ở gáy và không dám ngoảnh lại. Nàng có cảm tưởng như sau lưng có một bóng đen đang đứng nhìn mình.

Chị Khánh quỳ xuống bên mộ và chị yên lặng như thế quá lâu. Trâm đoán chắc chị đang nhớ lại hình ảnh Tý Con những năm về trước. Trâm cũng thế, bao giờ nụ cười ánh mắt vui tươi của Tý Con cũng ám ảnh nàng. Cả khuôn mặt đầy máu của Tý Con, cả câu nói cuối cùng của em đã bao lần làm Trâm bật khóc: “Chắc em chết mất chị ơi. Chị Trâm nói thương em đi, chị Khánh nói thương em đi. Ông nội nói thương cháu đi”. Chỉ có điều nó không nhắc tới Tâm, người con trai mà nó có cảm tình nhất.

Năm ngoái cũng giờ này, Tý Con đứng trước cổng đợi Tâm qua, rồi kéo vào nhà đánh tứ sắc. Có cả anh Đăng nữa. Khi nghe anh Đăng cặp đôi nó với Tâm,

nó vùng vằng: “Chi lạ rứa, anh dị rứa thê”. Thằng Tâm đỏ mặt. Tý Con cũng đỏ mặt nhưng Trâm thấy hai đứa nó liếc nhau. Tý Con mười bảy rồi chớ nhỏ nhít gì.

Vậy mà, chỉ mấy hôm sau thôi. Bây giờ nó nằm trước sân nơi cây mai vàng mà nó thích nhất. Em Tý Con, em Tý Con của chị, Trâm cúi xuống, nắm đất vẫn vô tri, những cây cỏ chị em Khánh nhổ chưa sạch vẫn mọc thừa thớt. Riêng có những cành mai như lay động nhẹ nhàng trong bóng đêm êm đềm quần quít như muốn ướp hai chị em Khánh vào một mùi hương xưa quen thuộc.

Chị Khánh đứng dậy, cầm tay Trâm:

“Mình ra mộ ba, em”.

Trâm đi theo chị. Mắt Trâm đã quen bóng đêm và nàng đã dần dần. Chị Khánh bắt Trâm nhảy qua những luống cây non mới ươm trên những vòng đất. Những cây cối già nua của năm qua, trong dịp tang tóc, đã bị gãy và chết gần hết. Duy còn cây vú sữa già gần nơi chôn ba vẫn không bị một vết đạn, còn sống tới giờ và vẫn xum xuê cành lá.

Buổi chiều, Trâm đã trông thấy ông nội đi ra mộ ba thắp hương một mình. Hình như ông nội đã đứng dưới cây vú sữa lâu lắm. Khi vào mắt ông hoe đỏ, chị Khánh hỏi ông tối nay có cúng giao thừa không, ông không trả lời nhưng chị Khánh cũng cứ sắp sẵn bánh mứt, mua trà thơm như mọi năm. Như mọi năm,

làm gì còn như mọi năm được nữa. Năm nay thiếu mất ba, thiếu em Tý Con rồi. Trâm nhớ lại mỗi năm trước, chiều Ba mươi cúng xong thế nào ba cũng dắt mấy chị em lên đồi Vọng Cảnh thăm mộ mạ. Mộ mạ chôn thật xa, ba nói chôn trên đó cho mạ nhìn thấy cảnh thiên nhiên rộng rãi đẹp đẽ. Mạ mi xưa ưa mơ mộng lắm, các mẹ mà. Vậy mà bây giờ, ba nằm trong khoảng vườn chật hẹp này.

Đem chôn được ba nơi góc vườn chật hẹp này cũng là khó khăn lắm rồi. Trâm nhớ hôm đó đúng hôm mùng Bảy Tết, ba chết trên tay ông nội. Khi đặt ba vào chiếc áo quan để dành cho ông nội, ông nội đã khóc ngất: “Thôi con yên lòng ra đi, ba tặng con cái áo của ba. Ai ngờ con ơi, mắng không khóc tre mà chừ tre khóc mắng...”

Chiếc hòm ba Trâm mua để dành cho ông nội, không ngờ chính ba lại ở trước. Khi chôn ba ở góc vườn, đợi sáng sớm mới ra đào đất, vậy mà máy bay trên trời thấy cuộc xới đã thả bom xuống làm gãy năm bảy cây lớn trong vườn, sạt mất nửa mái ngói. May mà mọi người kịp vớt cuốc vớt xẻng chạy xuống hầm được. Cho tới chiều tối mới chôn được ba xong.

Khổ thân chị em Khánh, trong những ngày loạn lạc mộ ba chỉ có mấy thước mà không ai dám đi ra thắp hương hay thăm hỏi khóc lóc. Trâm bước theo chị, hai bàn chân Trâm quệt vào những bụi cỏ ướt. Trời sáng hôm nay vẫn còn mưa, nhưng cơn mưa rất nhỏ, như chỉ rắc thêm một lớp bụi mờ trên thảm cảnh buồn đau của những ngày đầu xuân năm trước.

Hai chị em đã tới cây vú sữa. Bóng lá chiếm một vùng đen đậm trong sân. Cây diêm của chị Khánh lòi lên, ngôi mộ ba nằm riêng rẽ trên một vùng đất vuông vắn. Ông nội đã nhiều lần muốn dời lên đồi Vọng Cảnh với mạ, nhưng rồi không ai dám động tới ngôi mộ hết. Ông đành khất lại ba năm nữa. Nhưng chị em Khánh vẫn không muốn đem ba đi. Từ sau Tết Mậu Thân, nhà nào cũng có mồ chôn trong nhà, nơi trường học bên đường đi còn có nữa là. Ba nằm đây còn sung sướng biết mấy. Trâm và Khánh thường nghĩ và nói với nhau điều đó. Chị Khánh đưa hộp diêm cho Trâm, nói quẹt lửa lên soi cho chị trông thấy mà thả hương. Cây diêm do chính Trâm quẹt lên, ngọn lửa chói trước mắt, Trâm chẳng nhìn thấy gì hết ngoài tia lửa lung bùng rồi tắt phụt. Sau đó Trâm chỉ thấy nắm hương lập lòe trên ngôi mộ ba, và bóng tối của cây vú sữa xoã xuống đặc quánh. Chị Khánh lại vái và Trâm vái theo. Hình ảnh máu me của ba lại hiện về, Trâm mũi lòng, mắt rung rung. Chắc chị Khánh cũng thế. Trâm nghe tiếng chị sụt mũi.

Có tiếng con vện sủa trong sân. Chị Khánh kéo tay Trâm:

“Anh Đăng qua đó. Vô đánh tứ sắc”.

Giọng chị Khánh có vẻ bất thường. Hai chị em vào sân đã thấy anh Đăng đứng trước hiên, ông nội thay xong mấy cây đèn sáp trên bàn thờ. Bức ảnh của ba, của em Tý còn sáng trưng, khuôn mặt ba nhìn thẳng chị em Trâm. Trâm quay đi chỗ khác. Giọng ông nội không buồn không vui:

“Đánh tứ sắc tụi bây”.

Bộ bài vắt trên sập ngựa. Bỗng nhiên chị Khánh bật khóc lớn. Năm ngoái ba cũng vắt bộ bài trên sập ngựa, và ba cũng chết trên sập này. Tý Con cũng quay quắc trên chiếc sập này. Những vết máu trên sập ngựa đã lau sạch nhưng những vết máu trong đầu chị em Khánh không gột sạch được nữa. Ông nội nhìn chị Khánh, nhìn anh Đăng, nhìn Trâm. Chùng đó người nhưng không khí trong gia đình bỗng đơn lạnh quá chùng. Ông đưa tay áo lên dụi mắt, cố gắng giữ vẻ bình thường:

“Con Trâm đi lấy cái chiếu, trải dưới đất cho mát”.

Nói cho mát mà ông nội kéo cao cái cổ áo dạ. Anh Đăng thu hai tay vào túi.

Anh Đăng cố thật vui vẻ. Anh nói chuyện khôi hài. Nhưng Trâm không thấy vui. “Em Tý Con, em về ngồi trên sập ngựa coi chị đánh tứ sắc đó chứ”. Trâm nhìn xuống mặt gỗ, mặt gỗ bóng nhoáng, chiếu những tia nấn sáng lung linh, Trâm có cảm tưởng như những vết máu lâu ngày đã phai màu đang chao nghiêng, lấp lánh.

Ông nội chia bài, hình như ông muốn nhắc lại một chuyện gì đó nhưng ông giữ kíp. Trâm biết là ông đang nghĩ tới chuyện gì rồi. Đêm nay, trong bao nhiêu căn nhà mới có cũ có của thành phố Huế, bao nhiêu người đã ngồi buồn bã như thế. Giữa đêm Ba

mười, trên bức màn đen tối của đêm cuối năm, bao nhiêu hoả châu, bao nhiêu tiếng súng, bao nhiêu xác chết. Trâm thấy chị Khánh vừa nhắm mắt lại.

Ván bài từ ban đầu có bốn người, rồi ông nội Trâm bỏ cuộc trước. Vậy là tan chiếu. Chị Khánh nói anh Đăng ở lại chơi khuya khuya một chút rồi về. Trâm hỏi ông có cúng giao thừa không để đi nấu nước. Ông nội vẫn không có ý kiến gì hết. Chị Khánh nói:

“Thôi, đừng cúng kiến chi năm mới nữa. Nấu nước cúng ba, cúng mẹ, cúng em Tý Con”.

Hai chị em Trâm soạn bánh mứt. Anh Đăng giúp nhúm bếp dầu hôi. Ông nội có vẻ mệt mỏi nằm dài trên sập ngựa. Hai chị em Trâm với anh Đăng cắn hạt dưa và ăn mứt ở nơi chiếc bàn kê trước bàn thờ. Không có anh Đăng qua chơi rồi không biết chị em Trâm ra rằng nữa. Chắc hai chị em tìm hai chỗ nằm trong bóng tối để khóc quá.

Buổi chiều Trâm đi xe buýt qua chợ Đông Ba. Tết năm nay người ta cũng buôn bán đủ thứ. Chợ hoa cũng có, chợ trái cây, mứt bánh. Người đi sắm cũng đông đúc, nhưng sao Trâm thấy cả thành phố không có vẻ gì chuẩn bị đón xuân hết, mà như đang sửa soạn để cúng âm hồn. Trên mấy chiếc xe xích lô chở đầy những hình nộm, những va ly giấy. Những vành khăn trắng từ đầu năm đến nay vẫn còn quần trên những mái đầu già trẻ một cách chặt chẽ. Mặt người nào cũng âm thầm. Đôi khi Trâm thoáng gặp

những nụ cười nhưng những nụ cười ấy mang đầy ý nghĩa chua chát ngượng ngập. Trâm trở về, nàng đi bộ qua đoạn cầu bằng phẳng nổi nhịp cầu gãy. Năm ngoái, chiều Ba mươi Tết, Trâm đi với Tý Con và vài cô bạn gái khác cũng qua mấy nhịp cầu này. Có đứa đầu Xuân làm đám cưới, có đứa làm đám hỏi, vậy mà nay đứa chết đứa mất tích lâu rồi. Cũng chiều mồng Một Tết, Trâm với Tý Con mặc áo mới đi tung tăng bên ba. Trâm thấy Tấn đạp xe đạp đi bên kia cầu nhìn Trâm với đôi mắt hết sức chăm chăm. Từ lâu, Trâm định ninh thế nào cũng nhận được lá thư tình của Tấn tỏ tình vào đầu xuân. Nhưng mấy ngày đầu xuân Tấn chết. Trâm chạy loạn ngang qua nhà Tấn, thấy xác Tấn nằm giữa sân, mất một cánh tay, người đã trương to như con bò. Nhưng Trâm không còn sức để buồn cho mối tình vừa nhúm đó. Nàng còn bận bịu với nỗi khổ lớn mất ba, mất Tý Con.

Khi đi qua cầu, Trâm cũng nhờ Tấn, và hình ảnh Tấn sinh thú ở ngoài sân làm cho Trâm choáng váng một vài giây, và nàng vội nghĩ tới cái chết của ba, của em. Trâm có cảm tưởng như mình đang khóc khô, không rớt nổi một giọt nước mắt.

Trâm nghĩ tới những ngày đầu xuân sắp tới thành phố sẽ phá vỡ ra từng tảng buồn lớn như những tảng băng bằng lệ. Những ngày đầu xuân sẽ là ngày của những âm hồn tung tăng trở về nhà hít khói hương. Tiếng khóc sẽ bật ra khắp nơi với ngày xuân đầy những giấy vàng, những hình nộm, những hương trầm u uất, mùi tử khí năm vừa qua.

Ông nội đang nằm im lặng ở sập gỗ, bỗng nhòm dậy, gọi anh Đăng:

“Đăng à”.

“Dạ, kêu cháu chi rứa bác?”

Anh Đăng vừa trả lời vừa cắn hột dưa. Ông nội nói:

“Tao nghĩ ngày mồng Năm tháng Năm đã qua, mình cúng âm hồn thất thủ kinh đô mô có bằng Tết mi hỉ”.

“Dạ”.

“Đố Tết vừa rồi nhà mô tránh khỏi có người chết, bà con chết”.

“Năm ni nhà mô cũng cúng”.

Chị Khánh nói. Ông nội lại lặng im. Anh Đăng đứng dậy về. Ông nội không giữ lại, ông chỉ nói:

“Bên mi có cúng giao thừa không?”

“Dạ con không biết chi hết. Mạ con khóc từ túi qua đến chừ, khuyên hoài mà bà cứ khóc tru tru trong nhà, rầu thúi ruột bác ời”.

Chị Khánh đưa mắt nhìn Trâm. Bên anh Đăng bác trai cũng bị chết vì mảnh bom. Bác đi tản cư gánh một gánh gạo, nôi niêu, khi bác chết, gánh hàng vẫn còn đề trên người. Đến ngày gần yên, cả nhà mới tìm thấy bác thì thịt bác đã rửa gần hết.

Trâm thấy mắt chị Khánh long lanh nước như sắp khóc. Anh Đăng nói xong thở dài và đi ra cổng.

Nhưng vừa ra tới hiên anh vội lật đật đi vào. Trâm hỏi:

“Còn quên chi nữa. Muốn mượn bộ tứ sắc về đánh à?”

Anh Đăng đi tới gần chị Khánh nói nhỏ nhưng Trâm vẫn nghe kịp:

“Nì, lạ lắm. Có ai ngồi ngoài mộ con Tý Con”.

Trâm lạnh cả xương sống. Nàng bước tới gần chị Khánh mà chân nhẹ hẫng. Nơi bóng tối ở các góc nhà như cũng đang có bao bộ mặt rình rập, nhe răng, trợn mắt. Chị Khánh đang hốt nấp hột dưa, thả xuống.

“Cái chi, cái chi rứa? Ai?”

“Lạ lắm. Nó ngồi lù lù. Đen thui”.

Ông nội thấy mấy anh em xì xầm, xỏ dép đi tới:

“Cái chi? Cái chi rứa Đăng?”

Chị Khánh nói không ra hơi:

“Ai ngồi lù lù ngoài mộ em Tý Con”.

Trâm kêu:

“Trời ơi, dễ sợ. Chắc là ma”.

Rồi Trâm chui vào đứng lọt giữa chị Khánh và anh Đăng, tay chân run cầm cập. Chắc là ma, hay Tỷ Con hiện về. Hình ảnh ma quỷ bỗng in vào đầu, ám ảnh Trâm làm Trâm hết hoảng. Ông nội cầm cây đèn dầu giữa nhà:

“Mô, tụi bây theo tao”.

Trâm cầm chặt áo chị Khánh, bị chị Khánh rầy ra. Trâm cầm chặt áo anh Đăng và chen vào giữa:

“Đừng bỏ em trong nhà, em sợ quá”.

Anh Đăng ôm vai Trâm dỗ:

“Đừng sợ, đi với anh”.

Ông nội đã đem cây đèn ra hiên. Ông giơ cây đèn tới trước, soi soi ra sân. Quả thật nơi gốc mai có một bóng đen ngồi lù lù. Trâm suýt kêu thét lên rồi ôm chặt lấy anh Đăng. Ông nội đứng lặng yên một lúc rồi thì thầm:

“Người chó không phải ma mô”.

Cái bóng đen không nhúc nhích. Đầu hơi gục xuống và mái tóc hay cái đầu có vẻ thật lớn. Ông nội bước xuống hiên, mấy anh em vẫn đứng trên bậc thềm. Ánh sáng ngọn đèn quét một vệt dài trên lưng bóng đen, sáng một khoảng trắng nhạt.

“Ai ngồi đó. Ai ban đêm ngồi chi đó?”

Bóng đen đứng rột dậy. Trâm kêu một tiếng, ôm

chặt anh Đăng. Chị Khánh cũng lùi lại một bước ôm lấy vai anh Đăng. Ông nội tiến thêm một bước nữa:

“Ai đó? Răng kêu không nói?”

Có lẽ ông nội cũng góm cho nên ông chỉ tiến thêm một bước rồi dừng như chôn chặt chân xuống đất.

“Dạ, cháu đây mà ông”.

“Cháu là ai?”

“Dạ thằng Tâm đó ông”.

Chị Khánh thả hai tay xuống.

“À, thằng Tâm”.

Trâm cũng buông anh Đăng ra. Ông nội đem cây đèn đi ra thêm mấy bước nữa. Ánh sáng giúp Trâm nhận ra mặt thằng Tâm dễ dàng. Trên mộ em Tý Con có nén hương mới đang cháy. Thằng Tâm đi vào hiên. Ông nội soi đường cho mọi người vào rồi đặt cây đèn giữa bàn. Thằng Tâm còn đứng rụt rè. Ông nội hỏi nó, giọng dịu dàng:

“Răng chiều không qua ăn cúng Ba mươi rứa Tâm? Đi mô chừ mới qua?”

“Dạ, cháu ở bên nhà”.

“Răng chừ mới qua?”

“Dạ”.

Anh Đăng lôi Tâm xuống ghế. Mặt nó buồn xo. Nó nhìn lên bộ bài tứ sắc còn vắt trên chiếu, rồi nhìn lên bàn thờ. Bức ảnh Tý Con với đôi mắt ngây thơ, đôi môi tươi tắn như chuẩn bị những bước vào đời thực vững vàng, tin tưởng. Mùi trầm hương bay thoang thoảng quện nỗi buồn nhớ tản mát không gian. Ông nội đi thay hai ngọn nến mới, rồi ông ra hiên. Trâm thấy ông đi tuốt ra mộ Tý Con, và đứng dưới cây mai, bóng ông đôi lúc như chập vào bóng đêm đen chỉ còn hình dáng ông rõ ràng trong trí nhớ của Trâm.

Một lát anh Đăng đứng dậy đi về. Anh dặn nhớ đóng cửa ngõ cho chặt rồi ngủ. Không biết có chuyện gì xảy ra đêm nay không? Trâm nhìn lên bàn thờ, nhìn cành mai nở đúng ngày của ông nội. Chắc cây mai bên mộ em Tý Con, những bông mai đã nở sớm, như cuộc đời em đã sớm ra đi, nhưng còn lại một cành kíp cho người sống tưởng nhớ.

Khi ông nội về thì thằng Tâm đứng dậy nói xin phép về. Ông nội dặn:

“Mai mốt mừng Một mừng Hai qua bên ni nghe cháu”.

Thằng Tâm dạ rồi lủi thủi đi ra cửa. Nó biến mất ra ngoài tối.

Lúc này Trâm mới nghe tiếng chó sủa khắp nơi vọng tới. Đêm Ba mươi này, biết bao oan hồn về sớm để chực chờ.

Những âm thanh rơi trong đêm hay những tiếng xào xạc của các âm hồn, bay tản trong bầu trời đen tối đầy mùi hương, đầy tiếng khóc của những người còn sống. Và hình ảnh Tâm vừa đi vừa ngược lên bầu trời đen mênh mông, để gửi một ánh mắt tới Tý Con làm Trâm cảm động muốn khóc.

Em Tý Con, nếu có linh hồn em sẽ trở về chứ? Em phải về, em Tý Con. Em có về đêm nay nhớ mở hết những cánh hoa mai ra nhé. Trâm rủ chị Khánh đi nằm nghỉ một chút để đón giao thừa. Cúng giao thừa hay cúng oan hồn đầu năm cũng vậy.

Chị Khánh chùi nước mắt. Trâm thổi tắt ngọn đèn. Nàng nằm thẳng, chân tay duỗi dài và bỗng thấy mình nằm giống hệt hồi Tý Con nằm chết.

7.

Tháng Chạp Giỗ Đầu

Năm nay, nhờ có thêm một tháng nhuận, năm dài thêm một chút, thành thử tháng Chạp giỗ đầu ba tôi lại trở thành tháng giỗ đầu cho cả chục ngàn người chết trong biển cổ Mậu Thân ở Huế.

Chúng tôi về tới Huế vào những ngày cuối cùng của tháng Mười một. Năm ngoái khi cúng ông táo xong, buổi tối, tôi nhận được điện tín từ Huế đánh vào báo tin ba tôi đã yếu. Ngày hôm sau, khi tôi về tới thì chỉ còn đủ giờ cho ba tôi nhìn thấy khuôn mặt con gái lần cuối cùng để khép mắt. Rồi sau đó biển cổ xảy ra, chạy loạn, sống sót trở vào Sài Gòn yên lành, tôi không hình dung được Huế đã tan nát như thế.

Những ngày chạy loạn, những chi tiết, những chuyện kể, bao nhiêu đó tôi vẫn chưa hình dung được về tang thương của Huế, thành thử giải khăn xô cho Huế tôi đã viết gần một năm, xóa đi sửa lại mà vẫn chưa hài lòng.

Lần này chúng tôi về Huế với tất cả sự nô nức chờ đợi. Từ gần một năm qua vợ chồng còn cái đã đứng ở sân bay Phú Bài, giữa sân bay cũng đầy bụi cát. Nơi này, năm ngoái tôi về để thắt chiếc khăn tang riêng rồi khi đi, cùng thắt tang chung với thành phố. Nơi này những năm về trước chồng tôi đã đi về, tôi đã căn rằng để lên máy bay, cố tình bỏ Huế, ghét Huế. Và đây là lần đầu tiên, từ ngày bỏ Huế, vợ chồng tôi mới cùng chung một chuyến về, và cảm động thay, trên tay chúng tôi, còn con bông con mang nữa.

Ba tôi khi sống không được may mắn, quả khi chết đã được đền bù. Nếu ông nhắm mắt chỉ lùi lại vài ngày nữa thì chắc gì chúng tôi có đủ thời giờ để chôn cất tử tế, có đủ vải để thắt một giải khăn xô. Đến ngày giỗ cũng vậy, mấy hôm trước, nghe tin khí tượng tôi biết thời tiết ở Huế lạnh ghê lắm, lạnh và mưa dầm. Chúng tôi đã chuẩn bị như những người đi tới xứ tuyết. Nhưng khi đến nơi, trời nắng khô. Thời tiết không khác gì ở Sài Gòn. Từ Phú Bài chúng tôi lên xe ca vào thành phố. Xe chạy qua những cánh đồng láng nước, những làng xóm nghèo nàn rồi vào An Cựu. Những căn nhà đổ nát đã bắt đầu hiện ra, gần tới nghèo, tôi cố tìm căn nhà thờ của gia đình tôi ở An Cựu nhưng tôi không nhận ra nổi. Xe chạy quá, tôi cũng chỉ kịp nhìn lên phía núi Tam Thái mà chưa hình dung ra được nắm mộ nhấp nhô trên sườn núi.

Thành phố đã đầy hơi thở nhọc nhằn đang gượng bò dậy. Xe qua chợ An Cựu, nơi đây ngày trước là mục tiêu của đại bác, của rốc két, nay đã được dựng lại sơ sài bằng những mái tôn còn mới tinh, vừa gọi một mùa đông đầu tiên.

Trên những nền nhà, bên cạnh những đồng gạch khổng lồ, những mái tôn đã được dựng lên, hoặc những mái che sơ sài bằng những miếng vải dầu có dằn bằng bao cát. Những con đường, ngoài những ổ gà cũ kỹ vẫn còn sạch sẽ.

Xe qua Dòng Chúa Cứu Thế, ngôi nhà thờ sừng sững kiên bền vẫn còn thách thức, vậy mà những ngày đầu xuân vừa rồi, chỉ mấy tấm kiếng rơi xuống, vài viên đạn xuyên qua cửa sổ, bao nhiêu người ngã xuống, bao nhiêu máu đã chảy, khiến chúng tôi xô đạp lên nhau, kêu khóc như ri, chạy bất kể chết ra ngoài để tìm sự sống.

Tôi chỉ cho chồng tôi khu Dòng Chúa Cứu Thế này và nói những ngày đầu tiên tôi đã chạy tới đây. Chồng tôi nhìn ngôi nhà kiên cố với vẻ ngạc nhiên:

“Đâu nào, anh thấy hư hại chi đâu đấy”.

Tôi không trả lời, chính tôi, tôi cũng không hiểu tại sao những viên đạn đã lọt vào bên trong những tấm kiếng rơi xuống mỏng manh thế mà có thể cắt xé thịt người. Tôi cũng không thể nào hiểu nổi sự sợ hãi đến tê điếng, chết lịm khi nghe một âm thanh xé vò, ngọt lịm băng qua khoảng không. Cảm giác đó làm sao tôi còn tìm thấy lại một lần nữa trong đời sống?

Xe chạy vòng quanh phía hữu ngạn rồi lên đậu ở sân ga xe lửa. Cũng như mọi nơi khác, đường xe lửa

đã tê liệt rồi. Tôi không nhìn thấy phía sau nhà ga nhưng cũng hình dung được những cỗ lùn đang mọc kín những khoảng đường rầy rĩ sét cũ kỹ và những toa tàu bỏ trống. Ở đây, cũng như Sài Gòn, khoảng sân ga thơ mộng của những lần hẹn hò, chia tay, của những tối đi hóng mát, ăn chè ga, ăn nem chả, bún bò đã trở thành trạm hành lý của Hàng không Việt Nam mất rồi.

Những hàng quán vẫn chưa mở lại, và trước thềm ga hình như tất cả những chiếc xích lô còn được nguyên vẹn sau Tết Mậu Thân đã tập trung hết nơi đây, mời mọc, níu kéo khó chịu.

Chúng tôi đi bộ lên dốc Nam Giao để tới Từ Đàm, hai đứa con tôi vừa nắm tay nhau đi dung dăng dăng trước, vừa chỉ những ngôi nhà đổ nát vừa cười khúc khích, hay reo lớn như trông thấy một vật quá lạ mắt. Chúng tôi nhìn nhau. Từ cầm chặt tay tôi, trong tiếng cười của con thơ, tôi nghe chừng lòng lắng lại, và bỗng muốn ứa lệ.

Trên những đồng gạch vụn còn ngổn ngang giữa những nền nhà bỏ không, những giọt nắng vàng vẫn tung tăng nhảy múa. Lòng tôi cũng lung linh một giọt nắng của ba tôi đã về trời, và bao nhiêu giọt nắng khác đã về trời sau biến cố Mậu Thân. Nhưng cứ hy vọng đi, bao nhiêu giọt nắng khác đang còn nhảy nhót trên những đổ vỡ. Ba ơi, ba ơi. Tôi gọi thầm những tiếng nhỏ, những tiếng nhỏ nuốt gọn

vào lòng tôi như những giọt lệ không cách nào chảy ra được lúc đó.

Chúng tôi đi về ngôi nhà của gần mười năm xa Huế.

o O o

Ngay buổi chiều hôm đó, vợ chồng con cái chúng tôi đã vội vã về An Cựu, nơi căn nhà thờ họ ba tôi đã gây dựng, đã chết ở đó.

Ngôi chùa Từ Đàm đã được quét dọn và đang sửa chữa lại, nhưng khi xe xuống dốc Bến Ngự, những căn nhà đổ nát vẫn còn nguyên vẹn. Tuy gạch ngói đã được dọn bớt, nhưng vẻ tiêu điều thê lương vẫn đeo cứng trên những bức tường đổ loang lổ vết đạn, trên những thân cây trơ trụi cành đang mọc lên những cành mới, nhỏ, không đủ sức vươn lên.

Gia đình tôi đã về hết ở An Cựu để lo việc giỗ đầu. Tôi không gặp má tôi, bà bận việc đi chợ. Ông anh cả, bà chị dâu, cô em gái và mấy đứa cháu chạy ùa ra khi xe xích lô vừa đỗ ở cổng sắt. Mấy đứa cháu nhỏ quần quít hai đứa con tôi, còn chúng tôi thì riu rít trả lời không kịp những câu thăm hỏi.

Vào sân, tôi nhìn quanh khu vườn, dù căn nhà đã được sửa sang lại, và hôm nay dọn dẹp tươm tất, che rạp ở sân, nhưng khu vườn vẫn mang vẻ thê lương khó tả. Cây cối như đã chết khô gần hết, sân

trước, nơi khoảng đất rộng năm xưa trồng toàn cam và ổi nay mọc đầy cỏ, mà thứ cỏ vàng úa. Đứa em gái của tôi phàn nàn:

“Bột khai quang làm chết hết cây cối chị ơi”.

Nó chỉ lên mấy đọt dừa:

“Chị coi mấy cây dừa năm rồi chạy loạn về còn hái được vài trái uống nước, năm ni thì không ra trái được nữa”.

Mấy cây dừa không đủ sức đâm thêm những tàu lá non và những trái dừa non chưa kịp lớn đã khô quắt lại, như những chùm cau héo. Tôi nhìn ra bể cạn trước sân, cây mai vàng Tết Mậu Thân vừa rồi, dù đặc hơi súng đạn tanh máu người vẫn còn nở hết mình và vàng rực cả khoảng bể nước lớn, năm nay chỉ còn lá vàng khô và vài đọt lá non thừa thớt, chưa có một nụ hoa nào.

Cô em gái kéo hai vợ chồng tôi lại một góc vườn, chỉ xuống phía dưới cây cỏ xơ xác hỏi:

“Anh chị có thấy gì lạ không?”

Chúng tôi cùng nhìn xuống. Không có gì lạ. Trên một vùng đất chỉ có cỏ mọc lổm chổm vàng úa. Thấy chúng tôi sững sờ, cô em giải thích:

“Đây này, anh chị thấy, quanh đây chỗ nào cũng có cỏ, chỉ có khoảng này làm cỏ không mọc nổi. Tại hôm tết, ông Ba bên hàng bún bò đầu ngõ bị bắn

chết, người ta chôn dưới đây không hòm không chiếu. Uất khí của ông làm cỏ không mọc được”.

Câu chuyện của cô em làm tôi nắm chặt tay chồng tôi hơn. Quả nhiên, theo ngón tay chỉ của cô em, tôi đã nhận ra một vòng đất vừa bằng cỡ người nằm, trên đó không có ngọn cỏ mọc.

Xế chiều tối, khi ánh nắng ma quái của mùa cuối đông đã tắt lịm trên những lá cây héo mòn tàn tạ vì thuốc khai quang, các thầy ở chùa Từ Đàm về. Toàn là những khuôn mặt của Tết Mậu Thân cũ cả.

Tôi nhớ lại ngày chạy loạn mới về An Cựu được một hôm, buổi sáng hôm sau thấy ngoài đường xôn xao và nghe tiếng thầy về. Tôi chạy ra. Thầy Thiện Siêu, một vị thượng tọa của chùa Từ Đàm, nơi mục tiêu tập trung của đại bác câu ngày câu đêm, đã thoát được khu hiểm nghèo và về tới được. Bây giờ Từ Đàm đang ra sao? Chỉ mấy phút ghé qua nhà rồi đi, tôi chưa nhìn thấy gì hết, bây giờ nhìn lại khuôn mặt thầy trang nghiêm trước bàn thờ Phật, đang cầu siêu cho ba, lòng tôi không khỏi xúc động.

Nơi bàn Phật này ngày trước là nơi đặt quan tài của ba, cầu cho ba siêu thoát.

Tiếng cầu kinh đã đều, nhịp nhàng như ru bao giọt nắng của bao linh hồn đã mất vào không gian. Má tôi bắt đầu khóc, chị dâu tôi khóc, rồi tiếng sụt sịt của mấy đứa cháu năm ngoái không về dự đám tang được. Tôi cũng muốn khóc lắm, muốn sụt sùi lắm,

nhưng ba ơi, con chỉ có thể nặn ra được hai giọt lệ mà không thể thoát ra một tiếng nấc nào. Sự thương nhớ ba đã chìm con trong suốt gần một năm nay, và bây giờ, không lý gì, con còn không biết con đã mất ba vĩnh viễn. Thôi, chỉ cầu mong linh hồn ba bình yên, linh hồn ba, một trong những giọt nắng vừa còn vương vấn ở ngoài vườn kia, bay trước về cõi siêu thoát. Còn lại bao nhiêu giọt nắng của Tết Mậu Thân, bao nhiêu oan hồn vất vưởng đó, Huế sẽ phải làm gì cho họ? Ba tôi đã có ba ngày cúng chay, cầu siêu, tế lễ, nhưng tháng Mười một của năm nhuận sắp hết rồi, ngày mồng Một tháng Chạp sẽ là ngày giỗ đầu của cả chục ngàn người ngã xuống ngày đầu tiên trong biến cố đầu năm Mậu Thân. Phải làm gì cho họ? Huế ơi.

Từ mười một giờ trưa ngày thứ Hai cho tới xế chiều hôm đó, căn nhà thờ họ của gia đình chúng tôi không ngớt người đến thăm và nhớ tưởng người chết.

Buổi trưa khi trở về, ngồi trong mâm cơm chay, nhiều người khách đã hỏi thăm tôi về Sài Gòn trong những ngày đầu xuân. Hỏi thì hỏi để biết rằng sự tang thương không chỉ có Huế gánh chịu, nhưng trong đôi mắt đang tràn đầy bóng tối u buồn, tôi biết họ đang nghĩ gì. Má tôi nhìn thấy nhiều người đến thăm viếng mà lại là đồng sở của ba tôi, bà lại khóc. Nhiều tiếng phân ưu, an ủi, không khí chỉ buồn lúc đầu, rồi tôi lại thấy vài nụ cười nở trên môi họ. Nhưng nụ cười lại tắt ngay khi những câu chuyện về biến cố Mậu Thân được khơi dậy. Chồng tôi đã

mượn được bộ tang phục của đứa em bạn công tác không về giỗ đầu ông bác kịp. Anh đứng khoanh tay nghe chuyện mọi người. Tôi đang buồn cũng không nhin cười được khi có nhiều người gọi chồng tôi là ông nhà báo.

“Ông nhà báo ni, ông ở xa lắm răng biết được bữa Mậu Thân dễ sợ ra răng. Có người chết mà chó nhai hết tay chân, ăn hết mắt. Nơi nhà tôi chứ ở trong vườn còn mấy cái mả mà không biết của ai cũng không dám đào lên chôn chỗ khác, ma hiền không nói chi chớ ma dữ nó phá có mà chết cả nhà”.

Khi chết rồi còn hận thù chẳng? Câu chuyện của người khách làm tôi thắc mắc. Chồng tôi cười hiền lành và tiếp tục nghe chuyện về Tết Mậu Thân. Thì cũng đại để như những chuyện tôi đã nghe, đã biết. Một bà mẹ bế đứa con nhỏ đã chết chạy loạn, cứ sợ người ta chôn con mình, cứ bọc chặt trong áo và vừa đi vừa ru, vừa khóc vừa cười. Một bà già gánh một thúng đựng gạo, một thúng đựng xác cháu, chạy đi tìm chỗ nào ngót bom đạn để chôn, cuối cùng chết dọc đường mặt úp trên chiếc thúng còn xác đứa cháu đã sinh thúi. Một bà mẹ lạc con cứ chạy kiếm những xác trẻ, gặp xác nào cũng lật lên nhìn, kêu khóc, cuối cùng lượm được một khúc chân mà bà tin chắc là chân con mình. Đến khi bị thương gần chết không chôn được chân con, chị ngậm cả bàn chân vào miệng, ngậm cứng mà chết.

Dù những chuyện này tôi đã được nhìn thấy, đã chứng kiến có khi còn nhiều chuyện thâm thảm hơn,

nhưng khi nghe lại tôi không khỏi rung mình nổi gai ốc. Tôi còn chứng kiến cảnh hàng trăm người đàn bà trẻ con, sư có cha có, cầm cò trắng để chạy ủa qua một cây cầu ngắn có bốn năm thước từ vùng Việt Cộng chiếm đóng về, qua tới cầu An Cựu, ở đây đã bị lính Mỹ gác cầu bắn đùa một con chó xuống nước. Mỗi lần con chó lội được gần bờ thì những loạt đạn làm con chó dang ra xa, và đồng bào ở trên bờ la khóc như ri chạy vút cả thúng cả gióng, rớt cả con thơ xuống đường. Lần đó tôi đã cầm chặt hòn đá trong tay, nhưng hòn đá mà ra gì? Cả thân phận đất nước chúng tôi không hơn gì một con chó bị thương đang cố bơi vào bờ, dưới những lần đạn bắn như mưa đó. Hòn đá mà làm được gì?

Hòn đá đã rời khỏi tay tôi, hòn đá to nặng mà nhẹ bắc trong khối tủi nhục. Bên tai tôi, giọng một bà già lạc đi như sắp khóc:

“Mấy bác biết không, tui lượm được chiếc xe ba bánh chở xác ông với thằng con trai. Tui sức già kéo mô có mau, rứa mà cũng kéo được xuống cầu. Mấy thằng Việt cộng nó nói chết rồi mà ra gì, đem đi mần chi. Nó xô cả cái xe và cái xác xuống sông. Tui khóc tui lạy như tế sao mà tui nó cứ tỉnh bơ nói đồng bào phải giúp quân giải phóng Huế, rồi bác Hồ vào ai cũng sung sướng. Tui chạy được qua bên quốc gia thì họ nghi tui theo Việt cộng, đi liên lạc. Tui kể chuyện cho họ nghe Việt cộng xô xác chồng tui con tui xuống sông, họ nói chuyện khó tin. Về sau tui khóc quá họ mới tin rồi cho tui gạo cơm, đem tui về trường Kiểu Mẫu tui mới sống đó chứ”.

“Rửa bữa cúng giỗ đầu chị cúng mô. Một ông già hỏi”.

“Thì bùng cơm, vàng bạc ra cầu mà cúng chứ biết ông tui con tui ở mô chừ”.

“Rửa chừ chị vẫn ở nhà cũ”.

“Thì tui che cái mái. Thằng rể của tui đi lính trong Quảng ra mần cho đó. Nó đón tui đi vô Quảng mà tui không đi. Ở đây bao nhiêu ràng buộc mà đi rằng cho đành. Tui phải cúng giỗ cho ông tui với con tui chớ. Ở cái nhà cũng sợ quá, nghe nói Việt cộng bữa đó chết trong nhà tui nhiều lắm, chôn ngoài mường cũng nhiều. Có đêm tui nằm chột thấy đông lắm, mặc áo quần giải phóng, đeo băng đỏ bằng vàng, cứ kêu đói xin ăn. Tui kệ, nhớ lần nó xô xác chồng con xuống sông, tui không cúng”.

Kể chuyện người chết xong kể chuyện ma. Cứ hết lớp này đến lớp khác, tôi nghe không biết bao nhiêu chuyện. Cho tới chiều, tôi nhìn thấy một cụ già có khuôn mặt hết sức quen. Nhớ ra là ông Lý Biện, người đánh kiềng hôm đưa đám ba tôi. Ông này có bà vợ chết vì một chê mười mấy ngày sau khi Huế xảy ra biến cố. Thấy tôi, ông cười: “Ba cháu rửa mà phước đức sung sướng. Cháu đừng có buồn mà phải mừng. Chết trước được cúng trước, được mồ mả đẹp con cháu đông nhà”. Ông không nói thêm nhưng tôi biết là ông đang nghĩ tới bà vợ. Tôi cũng không dám nói lời an ủi nữa, tôi sợ nụ cười gượng trên môi ông sẽ tắt mất.

“Răng, ở lại vài ba bữa nữa coi cúng giỗ đầu. Tháng Chạp năm ni cả thành phố cúng. Ở lại chia buồn với quê nghe cháu”.

Rồi ông quay sang mọi người đang ngồi đầy bàn:

“Răng, năm ni các ông các bà có nghe chính phủ đoái hoài chi tới Huế không?”

“Không biết. Nhưng chùa sẽ tổ chức một buổi tuần hành lặng lẽ để nhớ tới người đã khuất. Còn nghe nói thành phố sẽ tổ chức một ngày đi tảo mộ, nhổ cỏ, thăm người chết”.

“Rửa cho con vợ tui nó mát mặt. Con vợ tui chết mà nó chết đói chết khát. Trời ơi là trời, đất ơi là đất”.

Buổi chiều hôm trước khi nói chuyện với mấy thầy trên chùa Từ Đàm về, tôi cũng nghe các thầy nói về ngày giỗ đầu của Huế trong biến cố Mậu Thân. Anh tôi nói rằng: Dù sao cũng đỡ. Năm nay là năm nhuận, giỗ đầu sẽ vào tháng chạp, và những ngày đầu năm sẽ đỡ tang thương hơn.

Nhưng tôi lại nghĩ khác. Cái tang chung của thành phố sẽ vô cùng bền bỉ. Nó còn to tát, buồn thảm hơn ngày 23 tháng 5 cúng cô hồn, nó còn ngậm ngùi hơn ngày rằm tháng Bảy cúng chiến sĩ trận vong. Mấy trăm người chết ngày tháng Năm của Huế thất thủ

đã thành một cái tang thương lớn rồi. Cứ mỗi năm, ngày này của Huế đi đâu nghe tiếng chiêng trống, tiếng kinh kệ cầu nguyện. Huống hồ cái biến cố vừa qua gần mười nghìn người đã chết.

Đám giỗ ba tôi linh đình trong ba ngày liền. Trong ba ngày tôi đã được nghe bao nhiêu mẩu chuyện, về biến cố Mậu Thân, bao nhiêu dự định cho người đã chết. Trong một buổi sáng đi ra đường vội vàng tôi đã nhìn thấy những hàng vàng hương. Đó, cả thành phố đang thành một đám giỗ vĩ đại.

Sau mấy ngày bận việc cúng giỗ, khách khứa, sáng ngày thứ ba, sau khi cúng đốt tang năm đầu cho một vài đứa cháu, chúng tôi lên núi Tam Thái thăm mộ ba tôi. Mộ ba tôi chôn trên cao, sườn núi đá ít cỏ mọc nên trông vẫn còn có vẻ mới. Nghĩa địa vẫn lặng lẽ như cũ. Hình như những người chết trong biến cố Mậu Thân không được lên đây là mấy, chỉ vài năm mộ mọc thêm, thưa thớt. Vợ chồng tôi đốt nhang và cúi lạy trước mộ ba tôi. Bảy tám năm khi chúng con cùng trở về thì ba không còn nữa, Huế cũng đã đổi khác. Nhưng chúng con còn trở về, còn đứng trước mộ ba, chắc ba vui.

Chúng tôi đứng trên mộ cao nhìn xuống núi. Cảnh vật ở đây thật thơ mộng. Từ nói với tôi thế. Ba nằm đây chắc ba thích, cảnh ở đây hợp với tâm hồn ba lắm rồi. Tôi nhớ tới cái mũ trắng treo cùng với cây đàn bầu, cây đàn Banjo, cây Mandoline, những vật

bất ly thân của ba tôi thời còn sống. Ba ơi, chắc nằm ở đây ba không có nhiều bạn bè để ngắm trăng, để làm thơ, để dạo đàn. Vài ngày nữa, ngày giỗ đầu của Huế, ba sẽ gặp nhiều người quen lắm. Ba gặp một số bạn bè cùng xóm này, ba sẽ gặp cậu Đội Hoà. Cậu đã coi dàn nhạc Đại Nội, cậu đã bị một mảnh đạn nơi thái dương và chết trong biển cố, những cây đàn của cậu cũng đã cháy chắc sẽ về theo với cậu. Con cũng mong ba gặp được cậu, ba sẽ nghe cậu đàn, sẽ hoà đàn với cậu. Ba vui nghe ba.

Vài ngày nữa ba cũng có thể gặp được em Trọng, em Trọng chết trong biển cố Mậu Thân ở Sài Gòn, em con đi lính mũ đỏ và chết khi về “giải phóng” thủ đô, cạnh khu nhà chúng con ở Sài Gòn đó. Khu nhà chúng con vẫn yên lành, ba ơi, thương em Trọng giùm con với. Ba cũng có thể gặp Tâm Túy, cô bạn nhỏ của con ngày xưa đã có lần ba cho con với nó đi ăn phở đi uống nước ngọt. Nó bị chôn sống ở Gia Hội. Gặp nó ba thương nó như đã thương con ba nhé. Ba đi trước ba được yên, ba không nhìn thấy không chứng kiến đó. Nhưng ba sẽ gặp những người sắp về sau ngày giỗ đầu, rồi ba cũng sẽ biết. Ba cảm ơn hết nghe ba, họ đã đi để cho lịch sử biết tội nhục.

Ngày giỗ đầu sẽ đến, và tháng chạp đã đến, Huế ơi thất trắng khăn xô, đốt đầy vàng hương để nhủ hồn về, những linh hồn lưu lạc từ ngày Tết Mậu Thân chết đói khát, chết mở mắt trong hầm, bên lạch nước, trong gạch vụn, ngoài cầu, trên đường,

chết chôn sống. Một ngày giỗ đầu đầy vàng hương, đầy tiếng khóc đã lắng vẳng tới gần với Huế.

Tôi nhớ những viên đá tím bên mộ mân mê trong lòng bàn tay, chiếc hòm sơn xám của ba tôi chắc đã trở màu. Ngày biến cố Mậu Thân, bao nhiêu người đã lấy hòm xẻ ván ra làm hầm núp bom đạn, để sau đó khi quật bao hầm xác lên không có tắc ván để chôn cất lại. Người sống đã hưởng hết phần của kẻ chết.

Ba ngày giỗ đầu ba tôi đã tàn, nhường cho thành phố chuẩn bị một giỗ đầu lớn hơn.

Buổi tối ngày thứ ba, theo lời mời của anh Vĩnh Phối và anh Thành, hai anh Giám đốc của hai trường Mỹ thuật và Âm nhạc, vợ chồng chúng tôi mượn được chiếc xe Suzuki của ông anh họ, đi sang khu Đại Nội dự buổi tiệc đầy tháng của cháu nhỏ con anh Thành.

Đi ban đêm chúng tôi mới thấy cảnh thê lương tăm tối của Huế. Thành phố hết bảy phần mười chưa có điện. Cửa Đông Ba, cửa Thượng Tứ vẫn còn nguyên vẻ sụp đổ. Chúng tôi phải qua hai ba trạm kiểm soát mới vào được khu vực thành nội.

Đường vắng vẻ tối om, chúng tôi lái xe như mò mẫm theo Hiền, một cậu em họa sĩ trẻ ở Huế. Những hàng cây mù u còn sót lại sau biến cố in những bóng đậm, đầy vẻ rình rập như lúc nào cũng chực phát

ra những tiếng rên khóc của bóng ma. Tôi nép mặt vào lưng chồng, không dám nhìn quanh cảm thấy sau lưng rờn rợn như có tay ai với theo. Cho tới khi nghe tiếng xe dừng lại, tôi mới mở bừng mắt.

Tôi hơi hốt hoảng vì thấy trước mắt mình một ánh nền lung linh, nhưng tôi cũng trầm tĩnh ngay được vì có tiếng chào hỏi reo mừng và vài người bước xuống bậc thềm. Chúng tôi đi vào nhà. Căn phòng rộng kê một dãy bàn trắng với một hàng nền lung linh, cắm trên những miếng ngói vỡ. Trên cửa ra vào tôi đọc hàng chữ đề: Phòng giám đốc. Hai hàng ghế đã đầy người, đông lắm. Tôi đứng nghe anh Thành giới thiệu nhưng không nhớ hết. Câu chuyện bắt đầu vui, hết chuyện thời sự rồi bàn qua văn nghệ.

Những người bạn trẻ ở Huế đang thảo luận với chồng tôi về việc trùng tu xứ Huế. Hai trường Mỹ thuật và Âm nhạc đã được sửa chữa lại, tuy nhiên vẫn chưa có điện. Sinh viên thường học ban đêm, phải học dưới ánh đèn cây và vì lý do giữ gìn an ninh cho thành phố nên việc học hành của các sinh viên rất cực khổ.

Sự trùng tu vật chất là vậy, ít ỏi nhưng cũng có. Trên những nền nhà đổ còn có dăm miếng tôn che tạm. Nhưng còn tinh thần thì sao nhỉ? Có ai nghĩ đến chuyện trùng tu tinh thần cho Huế không, sao bao nhiêu đau thương tang tóc, nghi ngại? Trong lúc

chồng tôi ngồi bàn chuyện trùng tu tinh thần cho xứ Huế với những bạn trẻ ở đây, tôi tới dãy ghế cạnh ngồi nói chuyện với một vài bà vợ trẻ. Chuyện đàn bà có nói gì đi nữa rồi cũng xoay quanh chuyện ma chuyện quỷ. Chị Tuấn cho biết trong khuôn viên hai trường này có rất nhiều mồ chôn Việt cộng.

Chị kể lại những điều gia đình chị đã chịu đựng trong Tết Mậu Thân, chuyện anh Thành, giám đốc trường Âm nhạc đã mất bốn tiếng đồng hồ để bò qua một khoảng sân ngấn. Chuyện một người lính đậu xe dưới gốc cây, gió mát anh ngủ gà ngủ gật thì nghe tiếng gọi nhỏ bên tai: Đem tôi về với các anh với, tôi lạnh lắm. Tỉnh dậy, anh nhìn dưới bánh xe, sát đường có dấu đất lồi lên, anh về gọi lính ở đồn đến đào đất bắt gặp bộ xương người. Chị Thành cười:

“Đó, chị Nhã thấy không, Việt cộng khi chết rồi cũng muốn về hồi chánh đó”.

Giọng cười của chị giúp chúng tôi cười theo, nhưng tiếng cười vẫn không vui, mà ngậm ngùi, gượng gạo.

Câu chuyện về phía đàn ông đã bàn tới ngày giỗ đầu. Đàn bà ngừng chuyện ma và nép vào nhau, như câu chuyện vừa rồi còn làm cho cả bọn lạnh xương sống.

“Tôi sẽ đi dự với họ, nếu có tổ chức gì cho những

người chết trong biển cổ”.

Tôi nghe một người nói, nhưng không nhớ tên.

Vì giờ giới nghiêm ở Huế ấn định 10 giờ, khoảng gần 9 giờ chúng tôi đứng dậy từ giã ra về. Nhà chúng tôi ở tận An Cựu, quá 10 giờ không một ai được qua cầu. Nhưng khi ra khỏi khu trường Mỹ thuật, mấy anh bạn lại rủ chúng tôi đi chơi. Đi chơi ở Huế trong hoàn cảnh này là đi lông bông ngoài đường. Tôi nhớ tới những quán cà phê như cà phê Dung, cà phê Phấn, nhưng không dám hỏi. Chúng tôi vào một ngôi nhà cổ, nơi trọ của anh Mai. Nhà không đủ ghế, chúng tôi đứng dựa vào tường, nghe anh Mai thổi Harmonica và anh Lê Gia Phàm hát, chị Tuấn hát. Từ đọc một bài thơ trong loạt thơ mới nhất. Sau khi từ giã nhau, ra tới sân, trời đen thui đến nỗi Từ mò mẫm mãi mới mở được công tắc xe.

Trời bắt đầu xuống lạnh, trên đường về, ngoại trừ những nhân viên đứng gác ra, chúng tôi ít thấy bóng xe đạp xe Honda như những ngày Huế còn phong độ. Tôi úp mặt vào lưng chồng, nghĩ thương cha thương mẹ, thương thành phố mình đã bỏ đi, thương những con đường đầy kỷ niệm thơ mộng ngày nào đã kéo đầy máu và nước mắt. Chắc còn lâu lắm chúng tôi mới đi lại được trên những con đường đó và cảm thấy ít nhiều yên ổn.

Đêm đó chúng tôi còn ở lại An Cựu. Căn nhà ngay

đầu ngõ vào vườn tôi cũng có mộ chôn. Nhiều nhà ở Huế đều có mộ chôn, mộ còn có người nhận, mộ vô thừa nhận, mộ của kẻ sinh Bắc tử Nam. Nhưng dù sinh ở đâu, vì lý tưởng chủ nghĩa nào, các anh đã nằm xuống với sự khổ đau của Huế, cùng chịu với Huế, trong ngày giỗ đầu tháng Chạp năm nay, các anh cũng sẽ có phần, mồ mả các anh cũng sẽ được thu dọn sạch sẽ. Khi chết phải hết hận thù. Ba ơi, nếu ba có gặp được họ, có thể ba sẽ hỏi được chuyện ngoài Bắc, chuyện Thanh Hoá, nơi ông nội đã sinh ra, đã bỏ đi, nơi mà ba chưa trở về lần nào, và vẫn ao ước khi hoà bình về quê một chuyến.

Suốt đêm tôi không tài nào chợp mắt được. Gần về sáng, tôi nằm thật tỉnh táo và nghe tiếng lao xao và còn có thêm tiếng chân người nữa. Đêm nay, những chân người ngày cũ có còn đi lại trong những ngôi vườn đổ nát không, có còn lướt trên những đồng gạch khổng lồ, có nường kịp bước chân trong gió và lá cành xao xuyến?

Không, đêm nay hoàn toàn yên tĩnh. Ánh nến ngoài bàn thờ ba tôi lung linh. Tôi nằm trên chiếc giường ba tôi đã trút hơi thở cuối cùng. Tôi thao thức, trần trở mong bắt gặp một hơi hướm, dù trong sự tưởng tượng để được cảm thấy gần gũi ba. Nhưng ba xa cách thật rồi, bên tôi chỉ còn hơi hướm đứa con trai nhỏ, đang rúc đầu vào cánh tay tôi ngủ giấc yên lành.

Trong đêm tối gió ngoài vườn dào dạt, tôi bỗng nghe thấy có điềm gì rạo rức, như là cỏ đang cựa mình mọc lên khỏi vầng đất hoang phế sau vườn, nơi ông bà Bún bò bị vùi nông hời tít.

8.

Tháng Giêng Đưa Đám

Suốt cả tháng nay người ta đổ xô lên các miệt lăng tằm. Cảnh tượng này làm nhớ lại những ngày mùa xuân trước. Tháng Giêng nào cũng vậy, người ta thường đi lăng đi núi tảo mộ, thăm mộ và thường ghé vào các lăng tằm để nhớ một thời vua chúa còn vang bóng. Nhưng tháng Giêng năm nay thì khác hẳn, người ta không ghé lăng tằm, cũng không đi từng đoàn như trẩy hội mà đi lẻ tẻ từng tốp ba bốn người. Họ vác cuốc, vác xẻng, có đem theo cả dây thừng, vải bố và khăn bịt mũi nữa.

Trong số những toán người lẻ tẻ đi lên các miệt núi, miệt lăng, có một ông già và một người đàn bà trẻ. Ông già cột khăn trên đầu y như một ông lão tiều đờn xưa. Ông mặc áo gấm xanh, chiếc áo đã cũ sòn nhiều chỗ. Người đàn bà thắt khăn tang trắng, quần thành nhiều vòng trên đầu. Ông lão vác trên vai một cái cuốc, người đàn bà vác một cái xẻng, họ lầm lũi bước trên con đường mòn mà cỏ gai, bụi cây lẫn lút chen ra lề một cách nhớn nhợ.

Trời tháng Giêng vẫn còn lạnh lắm. Vậy mà hai cha con ông lão lại ăn mặc hết sức phong phanh. Những ngọn đồi trọc hừng hờ như không thèm chú ý tới sự có mặt của loài người. Con mưa bụi lất phất và cỏ non xanh mơn mớn hai bên đường ngậm những hạt mưa lóng lánh. Những ngọn đồi khác có cây cối thì thật hết sức tốt tươi. Có lẽ giống sim rừng là mọc dễ dàng nhất. Cây nào cũng xanh, cũng đầy bông tím. Hình như cả mùa hè vừa qua đã vắng bóng đoàn nữ sinh Đồng Khánh đi thăm núi, đi hái sim, nhờ đó những hàng cây con đã chen chúc mọc lên quá nhanh chóng.

Người sống chật chội trong thành phố thì người chết cũng nằm chật trên các sườn núi. Những ngôi mộ cũ có, mới có nằm không hàng lớp, chỗ chùa khoảng cách quá xa, chỗ khít khao gần nhau như những kẻ lảng giềng thân cận. Ông lão nhìn lên nền trời màu lam chì nặng trĩu nước, nói một mình:

“Trời ni còn lạnh lâu lắm. Cha, lạnh chi mà lạnh dữ”.

Chị đàn bà đi theo sau vẫn im lặng. Bà ta lôi trong túi áo ra một miếng cau và một ngọn trầu tằm sẵn bỏ vào miệng nhai tóp tép. Tiếng động làm ông lão quay lại:

“Cho bọ một miếng thuốc rê. Cha, lạnh dữ ư”.

A. Đó là một cặp bố chồng nàng dâu. Chị đàn bà vòng một tay lên vai giữ cán xẻng, một tay lôi trong

túi ra bao thuốc. Chị lấy một chút thuốc vo tròn rồi nhét vào kẽ răng. Xong chị vẫn điếu thuốc, sửa lại cán xẻng cho ngay ngắn. Chị không gọi ông lão. Ông lão như đã đoán chừng ra thời gian bao lâu để vẫn một điếu thuốc, hỏi:

“Xong chưa rứa?”

“Rồi, đây nè”.

Ông lão không quay lại, ông đưa bàn tay ra sau lưng và chị đàn bà đặt điếu thuốc vào lòng bàn tay của ông. Ông dùng hai ngón tay kẹp lại, và hình như vẫn nói một mình:

“Cha, may quá, có bao diêm đây rồi”.

Ông dừng lại, quay lưng về phía ngọn gió và đặt cuốc xuống đất, bật diêm đốt thuốc. Ông phải quẹt tới ba bốn cây diêm điếu thuốc mới cháy. Chị đàn bà vẫn lặng lẽ đi trước một mình. Ông lão vừa hút thuốc vừa bước nhanh hơn. Chị đàn bà lại thụt lùi đằng sau. Bàn tay ông lão chỉ vào một sườn đồi bụi cây rất thưa thớt:

“Bữa trước bọ con mình tìm trong ni rồi hí”.

“Dạ”.

“Chừ mình đi vòng ngửa sau coi thử hí. Cha, răng lạnh quá trời ri nè”.

Ông lão rùng mình, rồi như cố gắng hết sức lực, ông mạnh dạn bước tới. Chị đàn bà chợt nhìn thấy

một toán người đi ngược trở về, trên vai vác cuốc xẻng, chị kêu:

“Bọ”.

“Chi?”

Nhưng ông lão cũng đã nhìn thấy toán người đang đi ngược chiều trở lại. Ông bước chậm lại, hỏi vọng:

“Nì, có khi khôn?”

Một vài cái đầu lắc lắc. Những người khác lặng lẽ đi thẳng. Ông lão quay lại nhìn mặt con dâu. Mặt chị đàn bà xanh mét và hai cặp mắt thâm quầng, tròng mắt đỏ au vì mưa và gió đập:

“Mình đi hay về đây con?”

“Tùy bọ”.

“Tao lạnh quá. Đau trong cái ngực bất chết”.

“Rúra thì về”.

“Rúra con có nghe ở mô kiếm ra hầm khôn?”

Chị đàn bà lắc đầu:

“Khôn. Nhất định là anh con bị dẫn lên ngã ni mà. Bọ nhớ khôn? Hôm đào mấy hầm xác gần Lăng, có xác ông Bốn. Hôm bị bắt, anh Tầm con đi cùng với ông Bốn mà”.

“Ừ, tao còn nhớ khi tao chạy ra, ông Bốn còn nhìn tao nói ông đừng lo, có tui. Không rằng mô, có người ta có mình. Nì, mạ thằng Dâu nì”.

“Dợ...”

“Xác lấp một năm nì rồi, có đào lên chưa chắc đã nhìn ra. Hôm thằng Tâm bị đi, mi có nhớ hẩn mượn quần áo lót răng khôn?”

“Dợ hôm nớ anh con mượn được cái áo nỉ đen dài lượt thướt của bộ cho đó”.

“Khôn, tao hỏi quần áo bên trong a tề”.

“Dợ, áo xanh, cái áo anh thường mượn đó bộ”.

Người đàn bà ngửa mặt nhìn trời, liếm mấy giọt nước mưa rơi trên mặt, đọng lại chảy thành giọt xuống gần mép. Rồi chợt nhớ ra điều gì, chị cầm vạt áo lau mặt:

“Con nhớ rồi bộ. Anh đi đôi dép cao su, đôi dép nhờ ông Nôm ở chợ lấy bánh xe làm đế với dây cao su đen đó bộ. Nó đứt một quai rồi con lấy dây thép con cột lại. Thấy là con nhìn ra liền mà bộ”.

Đến lượt ông già im lặng. Những giọt mưa bụi bám vào trán ông như những giọt mồ hôi rịn và viền quanh đôi mắt hấp hèm của ông như những giọt lệ nhỏ. Chị đàn bà bỗng dừng lại hẩn:

“Mình đi hay về đây bộ?”

“Đi nữa coi”.

Ông già nói xong lại hăng hái bước đi. Chị đàn bà lẽo đẽo theo sau. Trên đường đi họ lại bắt gặp mấy toán người nữa. Một người đi trước quay lại hỏi ông già:

“Bữa ni ôn cũng đi tìm nữa ôn?”

“Ừ. Nghe ai nói chi khôn?”

“Tuần ni chưa có chi hết. Nghe nói có một mộ mô đó mằm chộ thấy ôn dôn về khóc nói đang nằm ngay một mạch nước lạnh lắm. Nằm về phía tây nơi một cái lũng ngày trước có hồ bạch châu, cách ba cây thông mọc cao bằng nhau. Nghe nói mộ đang đi xin chính quyền cho đi tìm xác dôn mộ”.

“Rồi chính quyền nói rằng?”

“Thì nghe nói mộ dưới Phú Thứ đã phát hiện ra có mấy nơi chôn xác chết, rằng cũng có vụ đi quật lên mà”.

“Tui già rồi, tui tình nguyện đi đào”.

Người đàn ông đi trước cười:

“Thì chỗ mộ mà không có ôn. Chỗ mộ có đánh hơi xác chết là có ôn đi đào rồi”.

Ông già cúi đầu nói lẩm bầm một mình. Trời đã xế trưa. Có ánh nắng le lói xuyên qua mấy đám mây

mỏng. Cơn mưa bụi cũng tạnh dần nhưng gió như nhanh hơn và vẫn lạnh buốt. Ông già và người con dâu vẫn lầm lũi bước sau tốp người đi trước. Giây lâu ông hỏi con dâu:

“Còn tràu thuốc chi cho bộ một miếng nữa đi con”.

“Hết rồi bộ. Mời con đem nhiều hơn”.

Ông già lại nhìn trời:

“Cha, hết mưa rồi mà trời còn lạnh dữ”.

Không thấy con dâu góp chuyện nữa, ông lại nói:

“Mày nhớ thằng Tâm có chi đặc biệt khôn nờ...”

“Dạ anh có cái mọt ruồi nơi vai, đen thui, to bằng con ruồi đồng phải không bộ?”

“Ờ, phải. Khi mạ mi để nó ra như đã có cái mọt ruồi rồi đó. Số nó đen thui mà”.

“Lần mô đào xác con cũng tìm coi mấy xác vô thừa nhận có mọt ruồi không, thịt rửa hết con tìm khôn thấy chi hết”.

Đi gần tới trưa vẫn chưa ai tìm ra dấu vết gì. Ông già ngồi bệt xuống bên đường, nói với con dâu:

“Thôi về mi. Mai đi hỏi coi”.

Đoàn người đi trước đã quay về. Họ ra chiều thất vọng. Ông già và cô con dâu tuy nói về nhiều bận cũng còn cố gắng đi. Hai cha con tới một bãi đất hoang cạnh một sườn núi có nhiều bụi cây mọc và nhiều chỗ đất đào lỗ dỏ. Ông già chống cuốc xuống đất, đứng nhìn quanh rồi nói:

“Tao nghi chỗ ni rằng cũng có người. Răng mà họ đào lỗ dỏ rồi bỏ hết”.

“Bọ thiệt kỳ. Người ta tìm không có bỏ đi, mình tìm mần chi nữa”.

“Mi coi có chỗ đất mô khả nghi không?”

“Người đàn bà nhìn quanh, rồi chợt kêu ông già:

“Bọ nì, nơi mô đất lòi ni bữa trước bọ cam đoan có người chết. Chứ ai đào rồi nì, có chi mô. Người ta bỏ dỏ nì”.

Ông già vụt sáng mắt, chạy tới khoảng đất bị đào lỗ dỏ:

“Mô, để tao coi nờ”.

Ông đưa cuốc lên, cuốc lấy cuốc để. Một lúc sau, lớp đất đen như mun hiện ra, hình như lẫn trong đất có chút xương mục, ông lão lùi lại:

“Mộ người ta mi ơi. Đào lầm rồi. Chết cha tao rồi”.

Người đàn bà tới gần, cúi xuống nhìn:

“Chắc lâu đời rồi”.

“Chắc rứa. Đừng đào lên nữa mà tội”.

Ông già vội cùng cô con dâu lấp đất trở lại. Chừng nửa giờ sau, một ngôi mộ mới được đắp lên. Ông già để cuốc đứng trước mộ lâm râm khấn nguyện. Cô con dâu bứt một nhánh hoa sim. Rồi nghĩ sao không biết, cô rùng mình vắt cánh hoa xuống cạnh ngôi mộ mới. Xong cô quay lưng đi trở ra đường cái một cách hối hả. Ông già vác cuốc lật đất đi theo:

“Ê, mạ thằng Dâu, đi mô mà như bị ma đuổi rứa?”

“Về bọ. Về”.

Mưa bụi lại bắt đầu rơi xuống. Bầu trời nặng nề đen kịt những mây. Khoảng đường vắng ngắt. Ngọn núi đứng lạnh lu ngoài hoà nổi bí mật, thê lương từ những cụm cỏ, bụi cây. Những bông sim dại mọc bên vệ đường bỗng nở lớn, y như những con mắt ma, nhìn theo hai cha con ông già đang lật đất đi miết trên con đường đất đỏ quanh co theo sườn núi.

Chị đàn bà bỗng kéo vạt áo lau nước mắt, nức nở:

“Mời con ở nhà, bọ đi một mình”.

Ông già không nói gì nữa. Ông muốn bắt kịp đoàn người đã trở về đi phía trước. Nhưng con đường trước mặt vẫn vắng ngắt.

Hai cha con đã tới những khoảng đồi đầy mộ. Ông già bồng chỉ một khoảng đất nằm cao nhất, còn trống, nói với con dâu:

“Tìm ra thằng Tâm tao đưa nó lên trên nó. Nó nằm một mình cho rộng rãi”.

Chị đàn bà vẫn chưa hết khóc:

“Chắc anh nằm chung chạ không có chiếc chiếu bó thân, lạnh lẽo lắm”.

Ông già lại làm thỉnh. Hai cha con đã đi tới một quán nhỏ bên đường. Quán này ngày trước bán bánh bèo. Sau Tết Mậu Thân, chủ nhà đi mất, quán bỏ không. Giàn su su ở trước sân đã sập và các cây gác giàn đã mọc nấm. Hai cha con kể trước người sau vẫn bước đều. Một lúc sau chị đàn bà hết khóc, chị lau tiếp nước mưa đọng trên mặt, rồi đưa tay vuốt ve cái cán xẻng, nói một mình:

“Cái xẻng ni phải mài lại mới được”.

Ông già lại hỏi:

“Có xác ở Phú Thứ thì mi dám đi khôn?”

Chị đàn bà lắc đầu:

“Khôn, bỏ đi một mình. Con không muốn đi nữa”.

Bóng ông già và người đàn bà khuất dần. Con đường dẫn lên ngã Lăng ngã núi lại vắng teo. Mưa

bụi dày hơn và trong gió như có tiếng rít khế. Mấy bụi cây, mấy cụm hoa sim như thu hình lại, cọ sát vào nhau và những ngôi mộ thì như lại nở lớn, đất nở ra để đón những hạt mưa đang toả xuống. Sau một ngọn đồi, những tiếng đại bác bắn đi. Tiếng nổ sau núi dội lại. Nhưng con đường, cây cối, núi đá, mộ bia vẫn trầm tĩnh lạ lùng. Mỗi năm họ có bao nhiêu người mới đến, và họ còn chờ đợi nữa.

Những ngày mùa Xuân vẫn còn dài để cho cây cối, núi non còn đủ giờ kịp xanh tươi. Và dưới lớp đất uớt, như có điều gì lạ hấp dẫn những hạt mưa bụi nhỏ li ti, chưa rơi xuống tới đất đã bị sức hút làm biến mất, biệt tăm. Chỉ mấy phút sau, hình ảnh ông già và người đàn bà vừa đi qua trên đoạn đường dài đã bị xoá hẳn chỉ còn lại mưa mù và cây núi.

o O o

Sau biến cố Mậu Thân, gia đình Trâm lại trở về căn nhà cũ. Ngôi nhà thật tang thương nhưng cũng còn may mắn hơn nhiều nhà khác đã trở thành những đồng gạch vụn khổng lồ. Cây cối trong vườn khô gãy nhiều lắm. Đạo trước, đứng ngoài cổng, bóng cây cho mất hết căn nhà, nhưng bây giờ thì trông thấy hết cả mái ngói đằng trước lỗ đố. Ngôi nhà bị sập một phần ba, ngói trụi hết và tường thì lỗ chỗ đầy vết đạn. Gia đình Trâm không còn tiền để sửa nữa. Khi trở về, má Trâm vội nhờ mấy người bà con che mái ngói hồng bằng những miếng vải ni lông, mùa nắng, mặt trời chiếu sáng rực cả nhà, mùa mưa, trong nhà cũng đỡ tối tăm.

Sau vụ tàn sát Huế, trong nhà ai cũng có nỗi đau đón riêng. Má thì mất hết sản nghiệp. Chị Bình mất chồng, anh Tấn bị bắt đi. Riêng Trâm, mối tình vừa chớm cũng đã tan nát theo với Huế. Ngay trong ngày đầu tiên, Thân đã theo quân Giải phóng, cầm súng đi nghênh ngang ngoài đường. Và chính hắn đã điểm chỉ, tới tận nhà bắt anh Tồn của Trâm và chồng của chị Bình đi biệt.

Khi vừa mới trở lại căn nhà cũ, nhìn cảnh vật hoang tàn, thành phố đổ nát tiêu điều, Trâm đã tưởng không bao giờ Huế còn sống trở lại được. Nhưng rồi sức sống vươn lên thật nhanh, ở đâu còn hơi thở là còn sự sống. Chợ búa, cầu cống đã được dựng lại, dù không đẹp như xưa. Những ngôi nhà đổ nát được tu bổ dần, những đồng gạch khổng lồ được thanh toán. Và điều mừng nhất là trường Đồng Khánh mở cửa lại. Trâm ngạc nhiên khi thấy mình mặc áo trắng, đội nón bài thơ, đi vào cái cổng trường thân yêu đó. Rồi ngồi ở trong lớp học, Trâm cũng ngạc nhiên khi thấy cô giáo thắt khăn tang, bạn bè và ngay cả Trâm cũng thắt khăn tang. Hôm đầu tiên đi học, thầy trò vừa gặp mặt nhau nước mắt đã chan hoà. Khóc rồi cười, cười chán rồi khóc. Buổi học đầu tiên không ai nhớ là mình học gì, nói gì. Trâm chỉ còn nhớ là khi đi ra khỏi cổng trường, Trâm vấp phải một rễ cây lớn suýt ngã. Trâm bàng hoàng đứng lại, thân cây phượng vĩ đã già, các cành cây cao đã bị bom đạn tiện rụi, xơ xác. Nhưng dưới gốc, nơi chiếc rễ cây lồi lên mặt đất, sát gốc, một chồi phượng non đang đâm lên, xanh tươi, non nẻo làm Trâm vui mừng phát

khóc lên được. Trâm khóc một mình trên đường về, trên những gạch vụn còn bừa bãi ra mặt đường, trên những máu me, dính đầy các bờ tường chưa kịp gọi sạch. Hôm đó về tới nhà, Trâm kể chuyện ở trường cho chị Bình nghe. Chị Bình không có ý kiến gì. Từ ngày anh Bình bị bắt đi với anh Tồn, chị Bình đã trở nên một người câm. Chị chỉ nói khi quá cần thiết.

Chị Bình cũng đã sinh con sau biến cố Mậu Thân. Đứa nhỏ không sống được. Hôm Trâm vô nhà hộ sinh thăm chị Bình, chị nằm một mình. Chị chỉ còn một mình. Trâm thấy chị đưa tay sờ lên tường, mắt lạc đi như đang nghĩ tới một chuyện gì kinh khủng lắm. Những vết máu chẳng hạn.

Từ ngày đó Trâm ít gọi chuyện với chị. Cả má cũng vậy. Ai cũng như có việc riêng của mình. Đôi lúc má cũng nghĩ tới sự tu bổ ngôi nhà lại, hoặc để dành tiền thuê đào xác mấy Việt cộng đang bị chôn sau vườn lên, đem họ đi nơi khác. Má Trâm bàn với ông bác thì ông chỉ nói:

“Phiền phức lắm. Tội nó như người Bắc hết mà thím. Phải không? Người Bắc có lệ ba năm mới cải táng. Thôi, để thủng thẳng rồi hay.

Má Trâm không bàn tới chuyện đó nữa. Căn nhà của Trâm vẫn chưa được sửa sang lại chút nào. Sau khi hồi cư về nhà mấy tháng, nghe tin trên các lăng tẩm, bên trường Gia Hội có đào nhiều hầm chôn xác dân Huế. Lần nào nghe tin chị Bình cũng vội vã đi nhìn xác. Chị dám đứng gần những xác chết, nhìn

tận mắt, lần quần áo đi tìm dấu vết của anh Bình. Nhưng lần nào đi về chị cũng lặng câm, mặt nhợt nhạt như xác chết và bỏ vào buồng nằm khóc một mình. Chị chả khóc thành tiếng bao giờ nhưng khi gặp mặt chị Trâm thấy đôi mắt của chị sưng húp. Má Trâm yếu bóng vía lắm, bà sợ ngất xỉu nên bác Trâm đi thay. Ở đâu có đào xác chết là có mặt bác Trâm và chị Bình. Nhiều lần chị Bình về Trâm muốn hỏi thăm lắm, nhưng chị nhất định hà tiện câu nói. Bác Trâm kể lại:

“Cái con hẩn dạn ghê. Hẩn cứ chen vô, nhào tới lật từng mặt người mà nhìn. Gan như tui mà còn đứng xa cả thước. Ghê lắm cháu ơi, có xác vừa mới đào lên còn nguyên, chút nữa bỗng chảy nước hôi rình. Tao đi một lần như rửa về cả tuần không ăn cơm được.

Trâm không được tận mắt chứng kiến những vụ đào xác, nhưng nghe nói tới nhiều lắm. Trâm cũng có vài người bạn có chị hay anh, hoặc bố tìm thấy được trong những hầm xác tập thể kể lại. Trâm cũng đi đưa đám tang chồng của một người chị của cô bạn gái thân nhất. Anh này làm công chức, bị giết và nhìn được xác nhờ chiếc khăn tay của cô em gái, lúc vội vàng đã bỏ trong túi quần. Một người khác nhìn được nhờ chiếc đồng hồ cũ hay một vài dấu vết mà chỉ người thân thuộc mới biết được.

Sau Tết Mậu Thân, Huế như bị mù mắt, ù tai. Sự tang tóc bao trùm cả thành phố. Ở nhà này đầy tiếng khóc tương trợ, ở nhà kia tiếng khóc lẻ loi. Sau

những ngày đi chạy loạn về, người đàn bà chở xác chồng xác con trên chiếc xe ba gác cũng đã phải chôn xác người chết, huỷ hoại chiếc xe. Nhiều người dở điên dở khùng. Nhiều người mất hết bà con quyến thuộc, mất luôn sản nghiệp và đi ăn mày. Cả thành phố mấy ngày đầu đầy gạch vụn, đầy khăn tang và đầy ăn mày. Không ai nghĩ tới việc trộm cắp, nghề đó bỗng trở nên lỗi thời. Chả ai còn gì đáng để trộm cướp nữa. Vội lại nhà nào cũng đề phòng. Về lại căn nhà cũ mỗi tối má Trâm treo đầy thau, khay lên cửa để gây tiếng động nếu có kẻ đột nhập.

Chị Bình thì bận rộn ngày đêm thờ thần như người mất hồn. Ngay khi người ta phát giác ra vụ đào xác lần thứ nhất, vừa nghe tin chị đã nhảy xuống đất, tóc tai xo tung. Chị chạy ra chạy vào rồi cuối cùng chị bỏ đi đúng một ngày. Buổi tối hôm đó, trở về, mắt chị đầy lệ và vành khăn tang xo tung, đầu tóc rối bù. Mấy ngày tiếp theo đó chị cũng đi, chị đi theo từng đoàn người nhìn xác để rồi thất vọng trở về. Suốt cả tháng trời, sau khi dự lễ chôn cất những đám ma người quen biết trong thành phố, bữa cơm nào chị Bình cũng nôn oẹ như kẻ có bầu. Người chị xanh xao gầy mòn dần. Mùa đông năm vừa rồi, Trâm có cảm tưởng như chị không chịu nổi sự lạnh lẽo giá buốt. Nhưng rồi chị cũng chịu nổi và dần bình phục lại.

Thành phố Huế lại đón thêm một cái Tết nữa. Đón xuân với những cây mai vàng chưa liền dấu gãy đổ, với khăn tang, với vàng hương, giỗ đầu và nước mắt. Tết đến, nhà Trâm đón Tết hết sức quạnh hiu.

Ngày mùng Một, sáng ra cả nhà dậy sớm, cố nhìn nhau, nở nụ cười chào hỏi vui tươi. Nhưng sau nụ cười, chính Trâm là người đã oà khóc trước nhất. Chị Bình quay mặt đi, chắc mắt chị vừa chạm phải ánh mắt khung ảnh thờ người chết nên chị vội vàng giấu mặt sau cánh tay, và bỏ đi nằm. Mỗi người một góc nhà, mỗi giường mỗi chiếc chiếu, mỗi nỗi quạnh hiu riêng. Ở nhà hàng xóm mùi trầm hương bay qua thơm ngát. Trâm nghĩ tới những quả bông xếp đầy giấy vàng giấy tiền để cúng cho người chết.

Nhà Trâm cũng làm giỗ cúng tổ tiên. Chị Bình và má Trâm còn cúng cho anh Bình, anh Tấn. Trâm ra cây mai vàng trước sân, gần bên chiếc bể cạn bị đạn vỡ nứt, chặt được một cành mai nhỏ vào trưng trong nhà. Mấy hôm sau ông bác sang thăm, cười, nói:

“Chà, kiếm mô ra nhánh bông mai đẹp dữ ri”.

Trâm chỉ ra sân:

“Cháu chặt nơi cây mai. Năm ni nó đâm ra được mấy nhánh mới”.

“Cái bể cạn ba chịu a hí. Răng không tô lại”.

Má Trâm làm thình. Ông bác lại nhìn lên bàn thờ:

“Cúng mấy đĩa nó hả?”

Má Trâm gật đầu. Ông bác lại nói:

“Biết tui nó có chết không mà cúng, nhiều khi tui nó bị bắt đi thì rằng”.

Má Trâm căn môi:

“Bắt đi cũng coi như chết rồi chớ chi nữa”.

Ba ngày Tết đã qua, sự xúc động cũng không còn quá đáng như trước, nhưng ông bác lại sang tung tin:

“Mạ con thím đã biết chuyện chi chưa?”

Chị Bình lật đật chạy ra, ngồi vào ghế lẳng tai nghe ngóng. Má Trâm hỏi dồn:

“Chuyện chi? Chuyện chi rứa anh?”

“Nghe nói người ta lại rục rịch đi tìm xác nữa đó”.

“Ừ, lạ nờ. Rứa rằng tui lại nghe người ta nói vài bữa nữa đây có buổi lễ truy điệu người chết mà”.

“Thì ai truy điệu cứ truy điệu, ai tìm xác cứ tìm xác. Ăn Tết xong là người ta nhớ tới người chết chớ”.

Rồi bác Trâm kể:

“Người ta chọn rộ đi tìm xác là tại ri nì. Nghe nói mô bên kia cầu Gia Hội có nhà sập được ba bốn con chuột chi đó mới ra vườn đào đất chôn rồi phát giác ra mấy xác người. Nghe nói mặt mày còn nguyên, nhìn ra được. Có mấy người tới nhìn, nhận ra cha

con chi đó, đem về chôn cất, làm đám rình rang lắm. Thằng Tháu ở bên đó qua kể có mộ đàn bà tìm ra xác chồng mộ, mộ ôm mộ khóc ai can cũng không được. Mộ khóc thảm lắm. Mộ khóc như rì rì: “Anh ơi là anh, tháng Chạp tui vừa mới giỗ đầu cho anh đó mà chứ tháng Giêng thì đưa đám anh. Răng mà ông trời chơi chi trò chơi kỳ cục độc ác rứa trời. Cúng anh trước, cúng đầy một năm rồi mới đưa đám anh, anh ơi”. Thiệt mộ khóc nghe cũng nổi da gà chứ chơi mô. Mà trách ông trời cũng tội cho ông phải không bây? Trách súng trách đạn, trách người ta đánh nhau chớ trách chi ông trời”.

Ông bác Trâm nói nghe tiếng kể nổi gai ốc, không biết ông có nổi không chớ Trâm thì nổi gai ốc đầy mình, tay chân như tê lại. Chị Bình đã lần đi từ lúc nào. Khi đưa ông bác ra cổng, ông chỉ căn lều nhỏ bên kia vườn, nằm bên cạnh ngôi nhà ngói bỏ không, sụp đổ, hỏi:

“Ừa, nhà ai mà nhỏ chút xíu rứa?”

“Dạ, chủ nhà không có. Nghe chừng họ chết mô hết rồi, mà bà con cũng không tới nhận. Có hai cha con ông già bị nhà cháy tới che túp lều ở tạm. Ở cũng gần một năm rồi đó bác.

“Tao thấy cửa ngõ đóng kín rứa?”

“Dạ hai cha con đi suốt ngày. Đi tìm xác”.

“Lại đi tìm xác. Ở thành phố ni riết chắc điên lên quá. Thôi bác về. Bác về nghe”.

“Dạ, mai một bác qua với bọn cháu. Nhà chả có ai buồn quá bác”.

“Ý, chừ tới bữa truy điệu là bác bận ghê lắm. Ở khuôn hội Phật học cũng tổ chức cầu siêu, rồi đi dự lễ ở Phú Văn Lâu. Bữa đó nhiều người lắm, trong Sài Gòn cũng ra nữa.

Trâm hỏi chị Bình bữa nào có dịp đi dự bên Phú Văn Lâu không. Chị Bình lắc đầu. Tới buổi lễ chị ở nhà thật. Nhưng chị hay sang bên nhà hai cha con ông thợ rèn che nhà ở tạm vườn bên cạnh bỏ không. Người con dâu thỉnh thoảng đứng nơi hàng rào gọi chị, hai người đứng nói chuyện một lát. Trâm không hiểu họ nói gì.

Tháng Giêng đưa đám vẫn còn tiếp tục cho tới tháng Hai, tháng Ba. Rồi một tin làm chấn động xứ Huế. Đó là vụ phát giác hàng ngàn xác chết ở Phú Thứ. Ban đầu, một người đàn bà nằm mơ thấy chồng hiện về kêu lạnh lắm, đang nằm ở nơi một bãi cát trống vắng. Người đàn bà này xin phép chính quyền địa phương cho được đi tìm xác chồng. Bà ta tìm hoài nhưng không có kết quả. Rồi một nguồn tin khác tung ra làm mọi người sửng sốt. Một lũ nhỏ chần trâu ở ngoài đồng, chúng thả trâu chạy nhảy đuổi nhau trên một bãi cát. Một đứa thấy một đầu dây điện lòi lên mặt cát bèn cầm lấy đầu dây và lôi lên. Sợi dây lên dần, rồi về sau có vẻ nặng trĩu như bị vướng. Lũ nhỏ hợp nhau lại lôi sợi dây. Cuối cùng, sợi dây điện lên khỏi mặt đất, và ở đầu dây kia buộc lỏng lẻo một khúc xương tay. Lũ nhỏ vội vắt đại sợi

dây cùng khúc xương lại đó và ù té chạy. Lòi đồn đại lan dần, chính quyền địa phương cho người ra dò xét. Những lát cuối đào ngay chỗ đất nơi phát xuất sợi dây điện, và họ tìm ra những thân người đã rục trong cát. Tin truyền đi rất nhanh cả thành phố Huế ào về. Hàng ngày trên con đường dẫn về Phú Thứ không ngớt người đi lại y như dưới đó có hội hè. Chỉ có mấy xác chết đào lên, nằm phơi trên cát, rữa nát ra dưới ánh mặt trời mà cả hàng ngàn người tới nhận diện. Tin này đến tai ông già thợ rèn trước, rồi tới người con dâu. Và buổi tối hôm đó, tới tai chị Bình.

Khu vườn bỏ hoang không ai chăm bón, cỏ mọc đầy. Ngôi nhà gạch đổ nát, gần như sụp hẳn, mùa đông qua mưa gió mọc tràn bám đầy tường, đầy những mái ngói mọp mẹp, có mái nằm gần sát đất. Từ khi Huế yên tĩnh trở lại, thì các cây ăn trái phần bị đạn gãy, phần không ai săn sóc, nay tàn lụi rất nhanh. Lá tự rụng vàng và rụng, nhưng những cành khô không còn đâm lá non nữa, tuy nhiên rễ chúng vẫn bám chặt đất và đứng vững. Chỉ có cỏ lùng, cỏ cú thì càng ngày càng xanh, nhorn như bò từ đầu vườn tới cuối vườn, bò cả vào sân chen vào cả trong thềm nhà vỡ vụn. Khu vườn này bỏ hoang lâu lắm, hơn một năm và nó điêu tàn giống như nhiều ngôi vườn khác.

Nỗi chết chóc, ma quái sẽ đè nặng trong khu vườn, người ta nhìn vào sẽ rùng rợn hơn nữa, ngạt thở hơn nữa nếu không có một túp lều tranh nhỏ

dựng lên trước sân ngôi nhà đổ nát. Đó là căn lều của hai cha con ông thợ rèn. Đạo trước ông ở đầu ngoài chợ, nhưng căn lều của ông bị cháy, khi tản cư về ông bèn che một mái nhỏ trong khu vườn bỏ hoang này để tá túc. Ông bỏ hẳn nghề thợ rèn, vì thật ra có hành nghề đó cũng chả ai thuê ông nữa. Ông sống bằng nghề đi dỡ hầm. Sau Tết, nhiều hầm cát phải phá đi, nhiều khoảng đất đào trong các vườn được đắp lại. Đôi khi ông làm phụ thợ hồ. Và gần đây nhất là ông được người ta thuê đi tìm xác. Ông rất thích công việc này, ông làm một công hai việc, đưa con trai của ông cũng bị Việt cộng bắt đi dạo Tết. Đứa cháu nội nhỏ nhất của ông phải cho chị gánh nước múc ở xóm trên nuôi vì đứa con dâu của ông khô hết sữa, mà chị gánh nước múc vừa chết đứa con, sữa dư bỏ không. Chị này cũng người bà con làng nước. Thời buổi này giúp được nhau thiệt quý hoá còn chi bằng. Vả lại đứa con dâu của ông càng ngày càng khô quắt, bệnh hoạn, chị ta không thích làm công việc gì nữa ngoài việc theo ông già chồng đi đào xác.

Một buổi trưa, hai cha con đi bộ từ sau núi Ngự Bình về tới nhà. Cánh cổng hé mở, chỉ phải đẩy là đi vào. Túp lều tranh nghèo chả có chi đáng giá mà sợ trộm cắp. Người con dâu lách vào sau, tiện tay đẩy cánh cửa lại. Ông già di đôi dép cao su xuống những bụi cỏ mọc nhơn nhơn, càu nhàu:

“Tụi bây sướng hí. Xanh rờn ngủi hơi người chết cũng đủ tốt tươi rồi mà”.

Tiện chân ông đi tiếp mấy bụi cỏ nữa. Người con dâu bỏ vô túp lều trước. Ông lão còn đứng ngó trời ngó đất. Ông đi tới mấy cái chậu sứ mẻ bỏ không, giơ chân đá nhẹ vào đó, rồi lại đi quanh mấy cây vú sữa, cây nhãn, lá rũ héo như sắp chết khô. Ông lại nhòm vào ngôi nhà, ông cúi gập cả người xuống. Một lúc sau, đứng lên, ông gọi:

“Nì, con, ra bộ noái cho nghe cái nì”.

Người con dâu đi ra. Chị ta đã bỏ cái xẻng ở trong lều. Chị đứng cách ông già chổng tới ba bốn thước, lắng tai vẻ chờ đợi:

“Mi có thấy cái nhà tự nhiên mỗi ngày mỗi sát xuống không? Răng nó không nhào sập xuống mà từ từ lún xuống mới tức cười hỉ. Mi thấy không?”

Người con dâu có vẻ chán nản:

“Tưởng chuyện chi”.

“Nì, lạ lắm. Mi để ý coi. Mỗi ngày nó hạ xuống chừng hai phân. Hai phân thôi nghe”.

“Bộ ba không biết mỗi lạng?”

“Mỗi chớ. Tao già rồi, ngày mô cũng vác cuốc đi hàng chục cây số. Ông trời còn thương nên tao còn gượng được. Nì, mi còn tiền mua tao đồng rượu đế”.

“Uống chi uống dữ rứa”.

“Ừ, uống rượu tốt lắm. Nướng cho bộ vài củ

hành, bọ ăn, uống rượu. Đi trên núi đầy hơi người chết, đầy ma quỷ, ăn củ hành là trừ hết. Mua cho bọ vài đồng rượu đi. Ủa, trưa ni có chi ăn cơm khôn?”

“Còn trét cá kho ngày bữa qua con nhín lại. Để con chạy qua bên vườn bà Trọ xin cô Bình, cô Trâm nhổ ít rau sam về luộc ăn”.

“Khỏi, bày ra. Ra sau vườn nhà ni chán chi”.

“Sợ lắm. Ra ngoài đó âm u như chốn ma ở. Mà vườn lâu ngày không dọn nhóp lắm”.

“Thì tính rằng thì tính”.

Người con dâu đi ra khỏi ngõ, cánh cửa khép hờ. Chị đưa tay vào túi lắc lắc mấy cái đồng bạc cắc. Ông già nhìn theo rồi chép miệng ra vẻ thương hại. Ông vác cuốc đi vào lều. Ông cởi chiếc áo dài xanh đã sờn tay, móc cần thận trên một cái đinh đóng trên cột gỗ, rồi ngồi xuống bộ ván. Ông nhìn quanh nhà, thấy bề bộn, ông lại đi thu dọn. Một lát sau người con dâu trở về với mớ rau sam, chai rượu đế nhỏ và mấy củ hành hương khô. Ông già vui vẻ:

“Được đa. Con còn tiền đó hả?”

“Còn có mấy chục”.

“Thôi, mai bọ nghỉ đi tìm xác, bọ đi phụ thợ hồ. Người ta đang gọi để đi sửa bên phố đó. Mấy cái cửa hàng mà sửa đi sửa lại hoài”.

“Rửa hỉ?”

“Ủa, mà không được rồi. Nghe tin mô dưới Phú Thứ người ta tìm xác thấy hà rầm”.

Người con dâu đang lật rau đứng phắt dậy:

“Phú Thứ lộn hớ? Xa rứa. Bọ nghe noái rứa?”

“Thì khi đi về bọ gặp thằng Thi, thằng Hê nó noái cho mà biết.

“Khi nó con mần chi mà không nghe”.

“Khi nó mi mắc đi mô đó sau độn. Tao ngồi bên đường gặp tui nó đi ngang qua nó noái. Mà nì, nghe mô là họ đã mở lập cả một đoàn thể hay một uỷ ban chi đó tìm xác, đào xác. Chuyển nì cũng có vẻ ghê lắm đây”.

“Bọ có vô Ủy ban tìm xác không?”

“Chắc không có tiền mô. Toàn tình nguyện không mà thôi mi nợ”.

“Rứa để tui tình nguyện”.

Ông già đập tay xuống phản gỗ:

“Mi điên đó hớ? Con nì bữa nì nghĩ chi chi mô không rứa”.

“Khôn phải con điên. Con chắc có xác anh con dưới nó”.

Ông già nghe ra, thở dài. Chị dâu con vội vã đứng dậy:

“Bọ lật rau, coi giùm nồi cơm, con chạy qua đây chút chạy về liền”.

“Đi mô. Nấu cơm đã nờ”.

“Con về liền”.

Ông già chưa kịp nói thêm, người con dâu đã ra khỏi cửa. Ông già gọi với theo:

“Về ăn cơm chó mi”.

Không có tiếng trả lời, ông cúi xuống lật rau. Xong ông ghế cơm và bắc nước luộc rau. Nhìn thấy chai rượu còn để trên phản gỗ, ông lượm mấy củ hành bỏ vào bếp rồi lấy đĩa sắt khều ra. Mùi hành thơm phức. Ông cầm cả củ hành còn nóng bỏng, phủi phủi rồi bỏ vào miệng nhai ngon lành. Xong ông cầm chai rượu tu một hơi. Đến lượt củ hành thứ hai thì chai rượu đã cạn hẳn. Ông để cho những giọt rượu cạn trong chai chảy ra, dốc cả chai lên miệng chờ đợi từng giọt. Rồi bực tức, ông liệng cả cái chai ra sân. Cái chai rơi vào một bụi cỏ, không nghe tiếng vỡ. Còn lại mấy củ hành, ông nướng và ăn nốt. Xong ông bỏ mặc nước, bỏ mặc rau, leo lên phản nằm gác tay trên trán và nhìn lên nóc nhà. Mắt ông mở trừng trừng, miệng ông khà ra toàn hơi rượu. Ông chưa cảm thấy say, ông lại trở dậy, bỏ rau vào soong, chờ chín bắc ra để dưới đất. Rượu thấm dần, ông đứng lên đi vòng một vòng quanh nhà. Thấy cái cuốc, ông vác lên vai và cứ thế ông đi ra vườn. Khu vườn cỏ mọc không có chỗ cho chân bước. Ông đạp bừa lên

cỏ. Ông ra tít góc sau vườn, sát với bờ thành che khuất một khu vườn kế cận. Một cây khế còn vài quả vàng ửng, queo lại, ông vừa đặt tay rung rung thân cây thì quả khế đã rơi bịch bịch. Ông nói một mình:

“Mạ cha bây. Bò chết gập nơi khế rụng”.

Nhưng ông không nhìn thấy con bò, ông cũng không nhìn thấy cả những trái khế đã khô đen còn sót lại nằm khuất trong lá cây. Những lá cây cũng vàng úa, khô queo, khó phân biệt đâu là lá, đâu là quả. Ông lại đi tới một góc vườn khác. Ở đây có những cây cà gai, những cây này mọc chen với cỏ. Những trái cà lâu ngày đã chín vàng, ông tiếc của, than thở:

“Cái con nhỏ tẻ quá chừng, cà trong vườn mà khôn biết. Làm muối ăn ngon biết mấy”.

Ông giơ cán cuốc lên, phạt hết những cây cà. Già khú đế rồi, ăn chi được nữa. Ông vừa cuốc mấy gốc cây vừa lầm bầm. Lúc này rượu đã thấm mạnh, người ông lão đảo. Ông phải dựa vào tường một lúc mới đứng vững được. Ông nhìn lên nền trời, nhìn lên những tàn cây và bỗng nhiên ông cất tiếng cười:

“Bà con ơi, ra đây mà xem”.

Ra đây mà xem. Xem cái gì? Chính ông già cũng không biết nữa. Ông nghe như có tiếng ai cười chế giễu ở đằng sau gốc cây. Phạt. Lưỡi cuốc đưa lui, người ông dội lại. Lưỡi cuốc chém một nhát nơi gốc cây thuy già. Tay ông đau buốt, ông vội thả cán cuốc

ra và ngồi phệt xuống đất. Ta già yếu quá rồi. Ông rên rỉ và đưa cánh tay mình lên nhìn. Cánh tay ông khẳng khiu như một cành khô. Ông tưởng tượng được là ông dễ say sưa đến thế. Mắt ông mờ đi và ông bỗng thấy dưới lớp lá khô có những bóng đen nổi lên. Những bóng đen lúc đầu như những bóng cây rợp, mập mờ trên đất, trên lá chết. Nhưng rồi những bóng đó quay tròn trong mắt ông, mọc tay mọc chân như những hình người. Ông dụi mắt. Bây giờ một xác người nằm ngay đấy, xuôi tay xuôi chân nổi lên trên bóng lá rơi không biến đi đâu nữa. Đã gần một tháng nay ông không tìm ra một xác nào, tiền thù lao không có. Trong cơn say nhận ra có xác chết, ông mừng quỳnh. Ông cất tiếng gọi con dâu: “Con ơi, con ơi”. Nhưng không ai trả lời ông hết. Ông hấp tấp tới chụp cán cuốc, nhưng ông vấp phải hòn đá nhọn nhô lên, nơi ngón chân cái của ông bị sút móng, máu chảy lai láng. Ông mặc kệ cơn tức giận đang tràn hông, xông bừa tới cầm cán cuốc: Đây rồi, đây rồi. Ông lại kêu lên:

“Mạ thẳng Dâu mô. Ra đây phụ với bọ một chút”.

Những nhát cuốc bổ mạnh xuống đất, những miếng đất thịt đầy xác lá, đen như mun lần lượt được hất lên. Ông không thấy gì hết, xác chết như lún dần, lún dần xuống. Ông dụi mắt vẫn không thấy gì.

“Mày đánh lừa tao mô có được”.

Ông già lại tiếp tục cuốc, những trái khế thối rơi cả lên vai, lên đầu ông.

“À mày giỏi, mày hay. Tao đào, tao đào”.

Cái hố rộng dần, và ông già say quá chừng, mệt quá chừng, ông ngã xấp cạnh miệng hố. Lưỡi cuốc sứt cán văng ra xa và chiếc cán bằng khúc tre nằm vắt qua miệng hố, bên cạnh đầu ông già.

Khu vườn cây vẫn lặng lẽ. Bóng nắng sáng rõ trên mái tóc bạc của ông già, và trái khế thối chín mủn vẫn rơi lộp độp mỗi khi có cơn gió nhẹ. Ngôi nhà sập như đang hạ thấp xuống.

Ngoài ngõ, người con dâu đã trở về. Chị đẩy cổng đi vào căn lều. Thấy nồi rau luộc đã được nhắc xuống bếp mà lửa vẫn còn đỏ, chị càu nhàu:

“Ông già thiệt ạ, cái bếp cũng không chịu tắt”.

Rồi chị nhìn quanh:

“Ủa, ông đi mô rồi hí? Đi mô mà vắng ngắt như ri”.

Người con dâu tắt bếp, dọn cơm, rồi chỗ mồm ra cửa gọi lớn:

“Bọ, bọ ơi, vô ăn cơm. Đi mô rứa không biết nữa”.

Không có tiếng trả lời, chị lại càu nhàu. Chị sợ nhớ là mấy củ hành với chai rượu bỗng biến đi đâu mất. Chị lật đật đi ra cửa. Cái chai không hồi nãy vừa đầy rượu đang nằm im lìm trên một bụi cỏ. Chị lại đi quanh sân, nhìn ra sau vườn, thập thò không dám

bước. Chị nén giận, nói một mình:

“Chắc ông đi mô chớ ra vườn mần chi”.

Rồi chị vẫn tiếp tục nói một mình như đã quen nói cho mình mình nghe từ hồi nào:

“Ừ, ông già thiệt là lạ lùng. Đạo ni cứ dở chứng hoài, e ông sắp điên tới nơi rồi. Ui, cái vườn dễ sợ bất chết, ai mà dám ra. Hay ông đi chơi loanh quanh mô đây. Tìm mãi không thấy ông già chồng đâu, chị đâm ra hốt hoảng. Nhưng ra vườn thì chị không dám ra. Dám ổng uống rượu say ra sau vườn bị rắn cắn lắm. Chị dụi mắt đi sang nhà bên cạnh. Cô Trâm và cô Bình đang gọi đầu cho nhau trước sân. Chị gọi:

“Cô ơi”.

Cả Trâm và Bình cùng ngẩng lên nhìn ra. Bình vừa xõ tóc chớ chưa gội. Trâm thấy chị đàn bà thì mừng rỡ:

“Nhà hết chanh rồi. Mấy cây ngoài vườn cũng hết. Chị em mình sang bên nó hái coi có trái mô không”.

Bình đứng dậy, vấn lại tóc, rồi lững thững theo Trâm ra ngõ:

“Chi rứa chị Dâu?”

Chị con dâu ông thợ rèn vẫn dụi mắt sụi sụi:

“Ông cha chồng tui đi mô không thấy về”.

“Đi rảnh chứ?”

“Khi tui sang báo tin cho cô đó”.

Bình dịu dàng:

“Thường ông già có hay đi rứa không?”

“Khôn mô cô ơi. Ông chỉ quanh quẩn trong nhà, ngoài sân. Từ hôm ở đậu bên nó ông không ra vườn nữa”.

“Hay ông ra ngoài vườn”.

Chị đàn bà bật khóc:

“Dám lắm cô. Vườn bỏ hoang lâu ni dám có rắn độc vô số, nó cắn thì chi còn đời nữa. Bọ ơi, bọ ơi”.

Chị đàn bà lau nước mắt đang nhỏ dòng xuống má. Trâm hỏi:

“Thì chị ra sau vườn mà coi”.

“Tui sợ lắm”.

Trâm kéo chị:

“Đi chị Bình, qua hái chanh luôn. Em nhìn qua lỗ hổng sau vườn thấy đằng sau vườn bên nó có cây chanh còn mấy quả to lắm, mấy lần định lòn qua hái mà thấy dễ sợ quá”.

Hai chị em lặng thinh đi theo chị đàn bà. Tới ngõ, vào sân, Trâm nhìn ngôi lều nhỏ dựng sơ sài rồi

nhìn mấy chậu cây bỏ không. Dạo trước vườn bên này có nhiều chậu cây quý lắm, mỗi lần đi qua Trâm đều nhìn vô để ngắm mấy chậu hoa. Nhà này còn có chó dữ nữa. Từ lúc dọn trở về nhà lại, Trâm không thấy con chó đen to lớn, mắt như sư tử của căn nhà bên cạnh nữa.

“Nhà ni hư hết rồi”.

Trâm nói cốt ý cho chị Bình nghe, nhưng chị không nghe thì phải. Người đàn bà đi trước, Bình và Trâm đi theo sau. Cỏ lung và cỏ cú mọc xanh um không thấy lối đi. Họ cứ giẫm bừa lên cỏ. Ba người tránh những đám lá dầy sợ rắn cắn. Cỏ lung và lá khô là nơi rắn thích ẩn nhất. Một lúc sau họ tới tận sát bức thành cuối vườn. Bình là người đầu tiên đứng dừng lại, bước lui một bước. Trâm nắm chặt tay chị. Người đàn bà vội vã chạy lên.

Ông già đang nằm sấp bên cạnh một cái hố vừa mới đào. Từng nhát đất văng tứ tung. Lưỡi cuốc nằm một nơi, cán cuốc nằm một chỗ.. Ông già hình như bất tỉnh hay đã chết rồi. Chị đàn bà đã ngồi xuống bên cạnh ông già và đang cố lật mặt ông già lên:

“Bọ ơi, bọ chết rồi hay răng rứa bọ. Bọ đừng chết, bỏ con bỏ cháu bọ ơi...”

Người đàn bà bắt đầu khóc. Sức chị yếu không lật được ông già lên. Bình và Trâm muốn phụ nhưng lại ngại ngùng. Hai chị em còn lúng túng thì bỗng thấy cánh tay ông già nhúc nhích, rút cánh tay của ông quặt lại phía lưng như muốn gạt một cái gì ra.

Chị con dâu vùng đứng dậy, mặt mày tái mét. Những giọt nước mắt tức thì ngừng chảy. Đồng thời ông già cũng lồm cồm bò dậy. Người con dâu hỏi lớn:

“Bọ ơi, rứa mà tui tưởng bọ chết rồi”.

“Răng mà chết? Úy trời ơi, tau ngủ một giấc lâu quá trời. Ngủ chỗ ni há?”

Ông già nhìn cái hổ, nhìn cái cuốc, rồi bật cười: “Ừa”.

Ông lại nhìn người con dâu:

“Răng bay khóc rứa?”

Chị con dâu lại ứa nước mắt, sụt sùi:

“Tui tưởng bọ chết rồi”.

“Tau chết?”

“Tui thấy bọ nằm sắp”.

“Tau nằm sắp. Lạ hỉ?”

Rồi ông nhìn lên những tàn cây, bầu trời cười lớn:

“Ha ha, ngủ một giấc khoái quá trời, rượu hết, bình tan...”

Ông nhặt lưỡi cuốc lên, tra vào cán. Ông chột nhìn thấy ngón chân còn rỉ máu, ông cúi xuống:

“Cha, còn cái ni nữa”.

Thấy dáng điệu ông già tức cười quá, nhưng Trâm không dám cười vì khuôn mặt chị Bình buồn hiu, và người con dâu mắt chưa ráo lệ. Lúc cúi xuống nhìn bàn chân, ngừng lên ông già mới thấy chị em Trâm, ông gật đầu chào rồi ông chỉ cái hố:

“Tui đào đó cô. Hồi nãy tui nhìn thấy chỗ ni có người chết, rứa là tui đào”.

Ông đi lại nhìn xuống miệng hố. Ông bỗng nhảy lùi lại kêu thất thanh:

“Chết cha, có người. Bớ người ta, bớ làng nước”.

Cả người con dâu và chị em Trâm chạy lại nhìn xuống miệng hố. Một cánh tay trong đất lòi ra, một cái đầu còn in một nhát cuốc nằm ngay trên sọ. Thân hình người chết còn mắc cứng trong đất chưa đào tới. Nhưng dưới lớp đất đen, Trâm nhìn thấy một cái mũ lát có gấn cò đỏ sao vàng đã sắp mục. Một mảnh cò lá mạ rách bun mủn dưới đất. Ông già bình tĩnh lại. Ông tới gần đứng nhìn, rồi phê bình:

“Thứ ni là Việt cộng chứ không phải dân. Nó có mũ, có cò mà”.

Chưa ai kịp nói gì thì ông già đã xô mọi người ra một bên. Ông tra lại cán cuốc, nện vào thân cây cho chắc, rồi nói:

“Thôi xê ra, để tui lấp lại cho người ta có một năm mồ”.

Người con dâu bụm mặt:

“Tui không dám ở nơi ni nữa mô. Tui sợ lắm”.

Ông già đổ quạu:

“Sợ cái mồ cha mà tổ mi. Chi mà sợ”.

Phía căn nhà sụp đổ có tiếng kêu rắc rắc. Mặt trời ngã bóng, tránh sau những vườn cây tiếp nối. Khu vườn bỗng âm u hẳn. Ông già lắng tai nghe, nhìn về phía căn nhà, rồi ông giơ cuốc lên. Những nhát đất bắt đầu lấp miệng hố trở lại. Ông cần nhả một mình:

“Sập thì sập cha nó đi cho yên chuyện, kêu rích rắc dọa hoài. Dọa chó chó dọa ai.

Người con dâu bỗng túm lấy vai áo của chị Bình, mặt chị ta tái nhợt.

o O o

Bốn người đi bộ trên con đường làng vòng ra phía bãi cát trắng chạy dài. Dẫn đầu là một ông già, tay cầm cái cuốc, rồi tới người đàn bà cầm cái xẻng. Theo sau, một thiếu phụ còn trẻ, đầu tóc bịt kín bằng một chiếc khăn đen, sau cùng là một cô gái vận bộ đồ lụa trắng. Bãi cát chạy dài và như trải mãi về phía xa. Trên bãi cát, thỉnh thoảng có những bụi cây mọc thưa thớt dính chùm vào nhau. Phía trước cũng có nhiều người đi, phía đằng sau lưng họ, cách một quãng ngắn cũng có nhiều đoàn người đi. Họ

đi lặng lẽ, không nói, hình như đằng trước mặt họ đang có một sự gì kỳ bí, lôi cuốn họ tới và họ phải nín thở.

Đi một chặng đường nữa, đoàn người trước mặt nhập vào một đám đông, đứng lố nhố, kẻ chụm lại, kẻ riêng rẽ, và hình như quay thành một vòng tròn rộng, vòng tròn gồm có dây trong dây ngoài, không thứ tự. Có cả kẻ ngồi bệt xuống đất đưa cả tay áo đào xuống cát như tìm bới một vật gì. Người con gái mặt cao dài trắng nhỏ nhất, hơi chùn chân lại:

“Chị, em sợ quá”.

Người thiếu phụ trẻ tuổi quay lại nhìn, rồi không đáp, tiếp tục đi. Cô gái vội vã đi theo. Ông già chỉ tay vào đám đông.

“Ở nơi nó”.

Chị đàn bà gật đầu, rồi quay lui đằng sau thiếu phụ ra dấu. Cô gái đi sát vào chị hơn. Nét mặt cứng lại, trên đôi mắt thoáng vẻ hoảng hốt. Hai bàn tay cô nắm chặt thành quả nắm, khi buông lỏng, khi đưa lên ngực nửa như đỡ dành trái tim, nửa như đe dọa nó: Đừng có nhảy chồm chồm lên nữa. Đám đông không hề để ý sự góp mặt của nhóm người mới đến, cũng như những nhóm đã nhập từ trước, hoặc sắp sửa. Một vài toán chụm lại, đang xem xét một cái gì. Những người đàn bà ngồi bệt xuống cát, kéo vạt áo lên phủi đầu và lau mắt. Một vài cái cuốc, cái xẻng vất bừa bãi trên cát. Một người đàn ông đứng tuổi

trông thấy ông già, liền hỏi:

“Khi trưa tới chừ đi mô?”

“Vô trong khuôn hội. Rồi đi đón mấy cô đây tới nhìn xác”.

Người đàn ông lén nhìn thiếu phụ và cô gái, rồi nhổ một bãi nước trầu đỏ thắm xuống cát:

“Từ rạng tới chừ mệt quá trời là mệt. Tui đi về. Mai xuống nữa không?”

Ông già lắc đầu:

“Mệt rồi, lượm xác còn nhiều hơn lượm sung rụng. Còn đào là còn xác, thôi, chừng đó đủ rồi”.

“Nghe nói hết hòm rồi. Ủy ban đào xác nói khỏi tìm nữa”.

“Ngày mô trên Huế cũng ùn ùn kéo về. Họ khóc lóc đòi đào tiếp, mà mần chi còn đủ hòm chôn”.

“Họ có nhiều túi ni lông lắm”.

“Ăn thua chi, vẫn hôi rình như thường”.

Chị đàn bà đã lấy cái khăn bằng vải bịt ngang mũi miệng. Thiếu phụ bắt chước và ra dấu cho cô gái làm theo. Cô gái lúng túng cột mãi không được vì tay cô run quá. Thiếu phụ phải buộc giùm. Chị đàn bà kéo tay thiếu phụ, hai người đi tới đám đông đang đứng xung quanh một miếng hố lớn, đào dọc

dài. Cô gái e dè bước thêm vài bước rồi đứng dừng lại. Một lát cô gái chạy về phía ông già cô đứng đằng sau lưng ông già lúc đó đang nói chuyện tầm phào với bạn, và ngẩn ngơ nhìn những người đàn bà khác đang vật vã la khóc bên những cái túi vải gói kín.

Chị đàn bà và thiếu phụ đã tới gần miệng hố. Dưới hố, hai ba người đàn ông đang dùng tay moi cát và lôi lên những hình người đã bầy nát, chỉ còn xương, có người còn bầy nhầy chút thịt. Thiếu phụ rùng mình, bước lui một bước, nhưng chị đàn bà thì bước tới gần hơn. Chị chen chúc với những người đang đổ xô tới nhìn và khóc oà:

“Trời ơi, ở mô cũng không có ri trời...”

Vài người mũi lòng khóc theo. Một vài người dân vệ tới kéo bớt đám đông ra, khuyên dỗ:

“Tới đằng rập mà nhìn. Người ta để quần áo, đồ đoàng cho mà nhìn, ở đây thấy chi mà cũng đứng cho rộn đám. Dính toàn cát là cát khôn à. Đi đi, tới đằng rập, người ta đông lắm”.

Thiếu phụ hỏi, giọng cố bình tĩnh:

“Có còn ai có thể kiểm tra không mấy ông?”

“Có chớ, có người cột thẻ kiểm tra trên đầu. Có người đeo đồng hồ lên cánh tay, chắc muốn dấu trong áo. Người ta tìm ra cả khăn tay, cả cà vạt, cả áo len nữa. Bữa Tết rồi lạnh bất chết mà...”

“Đằng đó còn nhiều hòm chưa ai nhìn không mấy ông?”

“Chán triệu hai. Tui nói cho cô biết chớ ở Phú Thứ ni còn đào còn nhiều nữa. Hồi đó tui ở đây tui biết. Cô biết không, buổi tối họ bắt người ra, đầu đen cả cánh đồng, cả bãi cát, rửa mà sáng ra biển mất tăm hết. Dễ sợ, dễ sợ quá trời mà...”

Có tiếng khóc la chói cả tai. Một chị đàn bà đang ngồi bệt xuống cát, bỏ nón bên cạnh, trong nón đựng chiếc khăn tang. Bà ta vừa khóc vừa đưa tay bới xuống cát. Bà ta bới hoài, trước mặt bà đã hiện ra một hố nhỏ, bà ta vật vã khóc la:

“Ôi anh ơi là anh, anh chết chi mà chết oan chết ức, chết tức chết tuổi. Người ta về báo mộng cho vợ con người ta tìm xác hết mà anh cứ bật vô âm tín, anh ơi là anh ơi. Anh đi anh mang theo mười lon gạo, nói là đi học tập, đi theo quân Giải phóng vài hôm rồi về, rửa mà anh đi luôn, anh bỏ mạ con tui một mình răng đành, anh ơi là anh ơi...”

Tiếng khóc của người đàn bà như xé ruột. Ông già đang nói chuyện về rượu với hành trù hết hơi độc, hết mùi tử khí, bỗng dừng lại, rùng mình một cái, rồi nạt:

“Thôi im đi chớ bà ngoại non ơi. Ông cố tổ cao tăng đào cả trăm cả nghìn xác đang sắp hóa ma rồi bà ngoại non...”

Người đàn bà tức thì thọc mạnh cả hai tay xuống đất, nhìn trùng trùng xuống cát bần, gào lớn hơn:

“Ôi anh ưi là anh ưi... Anh theo giải phóng học tập ba ngày đem theo mười lon gạo, rồi anh chết bỏ mả con tui bơ vơ bị người nì chửi người tê cười, anh ưi... Ừi anh ươi là anh ươi...”

Ông già nhổ toẹt một bãi nước bọt xuống cát, rồi quay lại nhìn phía người đàn bà và thiếu phụ:

“Thôi, đi tới đằng rập cho cô Bình cô nhìn thử coi con”.

“Ừa, con dâu của ông đó hớ?”

“Con dâu đó”.

Cô gái nãy giờ im lặng theo dõi hết người này tới người kia, và đang nhìn người đàn bà la hét, mặt cô ta tái ngắt, đôi môi trắng nhợt, run bần bật. Nghe ông già nói, vội vã bước lui ra trước.

Khi ra tới đường, cô gái nói với thiếu phụ:

“Em về trước đây. Sợ lắm... Nếu không, chắc xỉu mất”.

“Ừ, thì em về trước...”

Cô gái không đợi nghe nhắc tới tiếng thứ hai, lật đật bỏ đi. Cô gọi mấy người đi đằng trước mặt:

“Mấy bác ơi, mấy bác lên Huế chờ cho cháu đi với”.

Cô gái nhập bọn với mấy người đi trước. Thiếu phụ, ông già và người con dâu đi về phía có tiếng chuông, tiếng mõ và tiếng khóc đang vang rân.

Tại một khu đất rộng, một cái rạp che bằng lá có, bạt có, đang vây kín bởi một đám đông khóc không thua sút đám đông ngoài bãi cát bao nhiêu. Càng tới gần tiếng tụng kinh, tiếng chuông mõ và tiếng khóc hòa hợp lại thành một thứ âm thanh quái gở, vừa ghê rợn, vừa tang thương, như xoáy vào óc người ta, giật cho những giọt lệ trào mọng mi mắt. Người con dâu bật khóc trước tiên. Chưa bước chân vào rạp chị đã khóc oà. Nhưng cũng chả ai để ý tới chị. Người ta đang bận khóc, bận tìm dấu vết người thân trên những quần áo, đồ vật để trên nắp hòm. Những chiếc hòm nằm sắp thành từng dãy dài, có đánh số thứ tự và mỗi đầu hòm đều đặt một bát hương. Có nhiều hòm đã được người ta nhìn nhận, mùi trầm hương nồng nặc trước hòm đã đặt hoa quả, chén cơm quả trứng. Ông già hỏi người con dâu:

“Tìm giùm cho cô Bình chớ mi thì tìm chi nữa mà tìm. Mấy bữa nì đi theo tao nhìn chưa đã rằng. Không có nó ở chỗ nì mà. Tao nói nó nằm mô trên Lãng, trên núi mà mi không tin. Làm ở mô tao cũng tình nguyện đi đào, đào cả nghìn xác lặn rồi chớ chơi mô”.

Người đàn bà lặng thinh. Thiếu phụ đi tới từng chiếc hòm nằm lẻ loi một mình. Những vật dụng như quần áo, khăn quàng, giày dép được đặt lên nắp

hòm. Một người đàn bà đang ngồi nơi một cái ghế gỗ, đi lại phía thiếu phụ:

“Mợ đi nhìn hớ? Răng bữa ni mới xuống?”

“Dạ”.

“Tìm ai, cha hay anh, hay chồng?”

“Dạ chồng”.

“Có đeo đồng hồ hay nhẫn vàng chi không?”

“Có đeo nhẫn, có đồng hồ nữa”.

“Đây nì, mợ theo tui.

Thiếu phụ lại đi theo người đàn bà lạ mặt. Người con dâu ông già cũng đi theo. Người đàn bà đưa ra một cái hộp đựng đủ thứ, đồng hồ nhẫn vàng, cà rá, xâu chuỗi, hoa tai... Thiếu phụ cầm lên mấy cái đồng hồ, xem qua vài chiếc nhẫn vàng rồi bùm mặt:

“Tui không nhớ nữa. Cái mô cũng giống cái mô...”

Ở hàng góc cuối rạp, có tiếng khóc thét nổi lên. Cũng giọng đàn bà. Tiếng khóc như bị ai chọc tiết rú lên từng hồi, như sau tiếng khóc là những bùm máu đang ọc ra. Thiếu phụ thần thờ trả chiếc hộp cho người đàn bà, rồi cùng người con dâu ông già tiếp tục đi tìm. Tiếng ông già nạt ai ở hàng đám đông:

“Ê không được, không được. Cái hòm ni nạy lên nạy xuống cả chục lần, cái nắp sắp hết đóng lại

được. Người mô cũng đòi cạy nắp hòm ra mà nhìn thì ai mà mất công mà đóng lại. Không, thôi đi”.

“Thôi chi mà thôi. Người ta cạy nắp nhìn được thì tui nhìn được. Lỡ chồng tui con tui thì răng?”

Người con dâu ông già nói với thiếu phụ:

“Mấy cái hòm đó vô thừa nhận, ngày mô cũng bị cạy ra để nhìn lại, thúì ình, dễ sợ quá cô ơi”.

Người đàn bà cầm cái hộp lắc lắc:

“Trong ni thứ chi tôi cũng biên số hết rồi. Tìm ở chỗ ni ra là tới nhìn hòm, dỡ nắp hòm ra mần chi cho tội người chết không biết nữa”.

Thiếu phụ dừng lại trước một chiếc hòm được ai cạy nắp rồi bỏ lại đó. Xác chết một người đàn bà thì phải, vì trên khuôn mặt bầy nhầy thịt rữa dính cát, chỉ còn trơ xương, mái tóc dài phủ phê như một tàng cổ thụ. Một hòm khác vừa bị nạy lên, tiếng người đàn ông kêu thảng thốt:

“Bà con ơi, cha tui đây rồi. Cha tui đây, đây mới đúng là cha tui”.

Anh ta ôm lấy thân hòm, cúi mặt vào trong hòm mà kêu gào, kể lể như những người đàn bà đang kể lể khóc lóc xung quanh: “Cha ơi, rứa mà con đi nhìn xác cha chôn cha mấy lần rồi. Bây chừ mới thiệt là cha của con nì... Cái áo ni, cái khăn ni, đôi dép ni... Ối cha ơi là cha ơi...”

Thì ra anh ta đã nhiều lần đi nhìn xác, nhiều lần làm đám ma mà lần nào cũng long trọng vì tưởng là cha mình. Tiếng khóc của anh ta chỉ làm mọi người chú ý lúc đầu, rồi ai cũng bị chìm ngập trong nỗi niềm riêng của mình.

Ông già tới gần thiếu phụ:

“Thôi cô về đi. Ngày ni là ngày chót, rứa là hết rồi. Chắc mai mốt chi là người ta đi đưa đám”.

Chị con dâu cãi:

“Mời chớ khôn phải mốt”.

“Rứa thì mi đưa cô về Huế đi. Đứng ở chỗ ni thành ma như tao mới không bị ma vật”.

Ông già nói xong lại giật chai rượu trên tay một người đàn ông đi qua, tu một hơi. Giọng ông sặc sụa mùi rượu:

“Thôi về đi. Để tao ở lại, tối tao lên”.

Đi ra khỏi rạp để xác tập thể, thiếu phụ cố ngoái cổ lại nhìn, không khí, tiếng khóc, tiếng cầu kinh, âm thanh đó đã như tiếng phụ đồng làm nàng ngậy ngất và khi ra tới chỗ vắng nàng tự nhiên thấy trống rỗng buồn bã. Nàng muốn chạy lui lại, gục đầu vào bất cứ chiếc hòm này để được khóc, được kể lể như mọi người. Nhưng người con dâu ông già đã kéo tay nàng đi, và nàng ngoan ngoãn đi theo, xa dần âm thanh kỳ quái, đầy ma lực đã lôi cuốn nàng như một buổi phụ

đồng ở điện Hàng Chén, lôi cuốn hàng trăm bà, trăm cô. Chị con dâu ông già nói:

“Cô dạn hơn cô Trâm”.

Thiếu phụ không trả lời. Mặt trời bỗng chói chang trên mặt họ, và chiếc khăn đen trùm trên đầu thiếu phụ như ứa nước. Những giọt nước nhỏ trên trán, trên mặt, trên khóe mắt, trên má.

Vô nhân đạo, mặt trời vẫn cười.

o O o

Buổi tối từ Phú Thứ về lại căn nhà lụp xụp trong ngôi vườn hoang, ông già uống rượu không ngừng. Ông uống rượu và nhai hành nướng rau rầu. Người con dâu phải chạy qua Trâm xin thêm hành, hết hành ông già đòi ăn tỏi. Ông say sưa rồi nằm chèo queo trên bộ ván mà ngủ. Sáng ra mặt ông tái xám, mắt ông đỏ như, ông lại ra quán rượu uống tiếp:

“Bán chịu đi, mai mốt tui chán chi tiền. Tiền vàng tiền bạc đốt xuống cho ma là chúng nó phải chia cho tui. Tui là một kẻ cứu nhân độ thế... Nì mụ Ri ơi, tui đào, tui đào cả trăm cả nghìn xác... Mả cha nó, chết chi mà chết dữ dần rứa khôn biết. Đào hoài, đào hoài... Mình đào lên rồi nó trừng trừng nhìn mình... Cứ một ngày rồi một ngày... Không biết mấy mà kể...”

“Đêm qua, ông già có gặp họ không?”

“Túi mô họ cũng hiện về đầy vườn. Họ đứng xếp hàng cám ơn tui đã cho họ gặp vợ con. Tốt, tốt lắm”.

Ông già uống rượu và nói huyền thuyên đến nỗi chị bán quán phải đuổi mãi ông mới vào nhà. Ông mua chịu thêm được một lít rượu trắng nữa. Vào tới nhà ông lại tiếp tục uống cho tới lúc không còn gượng được nữa ông ngã lăn ra nhà, tháo mửa tùm lum.

Chị con dâu đã sửa soạn xong, cùng với Trâm và Bình đi dự đám tang tập thể. Đám tang từ Phú Thứ, đi bộ lên thầu núi, chôn trên miếng đất rộng, và sẽ đi qua phố. Ba người đàn bà đón đám tang gần nơi con đường nhà họ ở.

Bình mặc bộ quần áo đen, chị con dâu ông già mặc quần áo tang chồng, quần khăn trắng, tóc tai rũ rượi như một kẻ thủ tiết, sẽ để tang chồng trọn đời. Chị đi bắt thằng con về, mặc áo tang cho nó rồi bế nó đi theo. Dọc đường người ta ra đứng sẵn chờ đám tang đông nghẹt, hai bên đường, cách quãng lại có bày bàn thờ, hoa quả và trầm hương. Trâm hỏi:

“Ông già hôm ni không xuống dưới đi đưa đám rã?”

Chị con dâu thở dài:

“Không biết rã mà ổng say quá mọng. Đêm qua ổng nằm ổng nói chuyện mà toàn chuyện chi như dưới âm phủ không? Chắc ổng nói chuyện với ma quỷ chi đó. Tui thấy mấy hôm rồi mắt ông đỏ

sòng sọc như bị ma ám. Ban đêm ông đang ngủ vùng dậy đi ra vườn một mình, ông hò hét lung tung”.

“Tui cũng nghe tiếng ổng hét. Trâm nói.

“Mấy hôm ni ông không ăn qua một hột cơm, chỉ uống rượu rồi nôn mửa”.

“Hay ông bị bệnh. Đào xác hơi độc lắm?”

“Tui cũng đoán e rứa”.

Đám đông đang đứng dọc hai bên đường bỗng nhốn nháo rồi tràn ra đường, nhìn về phía xa. Chẳng thấy gì, chỉ toàn những đầu người lơ lửng.

Một lát sau, một chiếc xe jeep chở cảnh sát đi dẹp đường. Đoàn người đứng lùi vào hai bên đường. Nhưng mãi thật lâu, người ta mới nghe tiếng khóc, tiếng cầu kinh từ xa đưa lại. Đám táng bắt đầu từ Phú Thứ, đi bộ thành hàng dài lên tới Huế, qua các đường phố rồi lên Nam Giao. Tiếng khóc than nổi thành một hơi dài nhiều cây số đường xa, qua chỗ mấy chị em Trâm đang đứng. Đoàn người tức thì lại nổi đuôi nhau đi theo đám tang, góp thêm nhiều tiếng khóc. Trâm lạnh người khi nhìn thấy những người đàn bà đi theo sau những cỗ quan tài, đầu chít khăn, mặc áo thun vừa đi vừa vật vã khóc lóc kể lể. Chị Bình đứng im, chị nhìn từng chiếc hòm đi qua, mắt chị dán chặt vào từng chiếc, từng chiếc. Đến lúc đoàn hòm vô thừa nhận đi tới, chị kéo tay người con dâu ông già, đi theo. Trâm cũng đi theo

chị. Nhiều người đi theo những chiếc áo quan không ai nhận này. Những tiếng khóc ở đây nghẹn ngào như muốn nuốt vào bên trong cổ họng. Đoàn người còn đứng lại hai bên đường lạy theo những cỗ quan tài đi qua. Trâm nổi gai ốc đầy người. Một vài tiếng khóc dần lại không được, bật lên, nghẹn ngào nức nở. Người con dâu ông già cũng bật khóc, khóc cho những người chết có bà con mà không ai còn nhận ra, và khóc cho chính chị, không tìm ra được xác chồng để ôm lấy cỗ áo quan mà gào lớn cho tan bớt niềm đau khổ. Không biết chị Bình nghĩ như thế nào, riêng Trâm, Trâm cho rằng, trong mấy trăm chiếc áo quan đang sắp hàng, nối nhau đi tới nghĩa địa, nếu anh Bình không có xác ở đây thì linh hồn anh vẫn đi theo, vẫn quần quít bên cạnh những người cùng cảnh ngộ. Trâm nhìn khuôn mặt chị Bình, chị không khóc được. Hình như từ ngày biết tin anh Bình thực sự mất tích, chị chỉ khóc được có một lần, và từ đó tới nay, chị đành ngậm tằm. Da mặt chị tái xanh, và những giọt nước như chảy suốt từ đầu tới chân chị, mặt trời, cùng không khí ngột ngạt của tiếng cầu kinh, tiếng khóc, tiếng kêu la đã đun nóng chị và những giọt mồ hôi rịn suốt người chị.

Trâm muốn gọi chị đi về. Đưa đám một đoạn cũng đủ rồi. Nhưng Trâm chợt nhận ra là mình ích kỷ, chỉ đủ với Trâm thôi chứ làm sao đủ được với chị Bình, với bao người sống đang đau khổ đi theo đám tang tập thể.

Trâm cũng không mở miệng nói được. Không

còn ai đủ sức nói chuyện hay hỏi người khác một câu. Và Trâm đành cứ lặng lẽ đi theo chị Bình, theo đám đông mãi.

Không biết ông già bố chồng của người đàn bà đi với chị Bình đã theo tới kịp lúc nào nữa. Khi nghe tiếng gọi, Trâm quay lại thì thấy ông đã tới sau lưng người con dâu:

“Ê mả cha mi, mi bế cháu tau đi mô rứa?”

Một vài người nhận ra ông, có tiếng xì xào ông già đào xác. Đi mô cũng gặp ông nớ hết.

Giọng ông già sặc sụa mùi rượu. Trên tay ông còn cầm cái chai không. Đứa nhỏ thấy mẹ bị kéo lại khóc thét lên. Đoàn người tiếp tục đi. Trâm, chị Bình, người con dâu và ông già đều dừng lại và bị đám đông bỏ rơi ngay. Ông già quắc mắt nhìn người con dâu:

“Tao hỏi mi đi mô, không ở nhà nướng hành, mua rượu cho tao hử?”

Ông giơ chai rượu không lên:

“Tao đào xác cả năm ni, bây chừ chúng nó mồ yên mả đẹp hết rồi. Rồi tụi bây bỏ rơi tao luôn hay rằng đây.

Chị Bình và Trâm đứng yên lặng nhìn ông già. Ông đã say quá và người ông như co rút, nhỏ bé hẳn

lại. Trời nóng mà ông mặc chiếc áo bành tô đen bằng nỉ, đầu đội mũ phớt cũ. Tay chân ông run lẩy bẩy và da mặt sạm lại như da người chết. Ông giờ chai rượu lên, chỉ tới trước đám táng, cười như điên dại:

“Thôi chúc các người đi may mắn nghe. Chào mấy người...”

Lão cười sặc sụa, cười đến gập người lại, đến ngồi bệt xuống đất. Người con dâu đưa đứa nhỏ cho Trâm rồi đỡ xốc ông già dậy.

“Mày nói tao say phải không? Rượu say chút cặn cũng say, chút bột cũng say. Ê, mấy anh, mấy anh đi may mắn, đánh dây thép về, gửi thư bảo đảm về nghe”.

Ông đứng dậy, người con dâu vẫn đỡ đằng sau lưng:

“Tội, nằm hơn một năm dưới mưa nắng chảy thành nước hết rồi. Thôi đám xương cũng đã được tẩm liệm. Đừng cảm ơn, đừng khóc. Ê, mấy mụ nó khóc chi dữ rứa, để người anh em ra đi thanh thoi. Cũng xe cũng ngựa, quần áo lên đường. Ôi con ơi, bỏ đào bỏ xới, bỏ nhìn mặt đủ người mà răng chưa tìm ra con, con ơi là con ơi”.

Ông già đang cười bỗng khóc nức nở. Chị Bình nhăn mặt, nói với người con dâu:

“Chị đưa ông già về đi. Nghe dễ sợ quá”.

Nhưng người con dâu lại khóc oà đòi lôi đứa nhỏ đi theo đám tang. Ông già đang khóc, ngồi rớt dậy, ông bỗng tát đánh bốp vào mặt con dâu, mắt ông trợn trừng, đỏ như máu:

“Răng mi đi đưa đám. Răng mi khóc, mi muốn cầu cho con tao chết há? Con tao không có trong đám tang kia nghe chưa? Nó còn sống, nó còn sống, phải không con?”

Đám tang đã bỏ xa. Không ai buồn để ý tới cha con ông già. Người con dâu đưa tay xoa má, vừa khóc vừa nói:

“Bọ ơi, bọ say quá rồi. Bọ bệnh rồi. Để con đưa bọ về”.

Chị bông lấy đứa nhỏ trên tay Trâm, nắn nỉ một bác xích lô dìu ông già lên xe, đưa về nhà. Bình và Trâm cũng lững thững đi bộ trở về, đám tang đã khuất ở cuối đường, để đầy giấy vàng và tàn hương lả tả.

Buổi tối, Trâm đang ăn cơm bỗng nghe tiếng kêu cứu của chị đàn bà ở bên khu vườn hoang. Chị Bình, má Trâm và Trâm lật đật chạy qua. Vừa vào tới túp lều, Trâm đã bụm mặt, bước thối lui. Chị Bình gan dạ cũng phải kêu lên: Ui cha một tiếng, rồi lão đảo như muốn té. Má Trâm bình tĩnh hơn, bà xô chị em Trâm sang một bên, bước hẳn vô nhà. Giữa nhà, nằm trên mặt đất, ông lão đã cứng tay cứng chân, ông mửa máu đầy nhà, bên cạnh còn lẫn lóc mấy

chai rượu. Máu vãi từ trên tấm phản gỗ xuống đất, ở đâu cũng thấy máu. Ông già mắt đã lạc, hai tay cong queo đưa lên trước mặt như muốn ôm ghì một hình ảnh nào, và miệng méo xệch nửa như cười, nửa như khóc. Chị con dâu ôm chặt đứa con vào lòng, thẳng nhỏ mặt mày tái mét không dám khóc, ôm chặt lấy mẹ. Chị vừa khóc vừa kêu cứu inh ỏi. Má Trâm thở dài:

“Không kịp nữa mô. Ông chết rồi”.

Ông già đã đào bao nhiêu xác chết để góp thành một đám ma vĩ đại của một thành phố, của một lịch sử. Nhưng khi ông chết, đám ma ông hết sức lẻ loi. Người con dâu âm thầm theo sau quan tài và không còn nước mắt để khóc nữa.

Hai hôm sau, chị ta sang nhà Trâm. Đứa nhỏ chị đã gửi đi hồi nào. Lúc chị sang, Trâm đang đứng bên chiếc bể cạn đã bể, hòn non bộ của ông ngoại cũng bể theo. Trâm đang mân mê chiếc cầu gãy và ông tiên chống gậy đứt mất đầu bằng sành sơn xanh thì chị ta bước vào. Chị Bình lúc đó đang đứng ở cửa bếp nhìn ra. Chị con dâu ông già đào xác nói:

“Tui qua chào bà, chào mấy cô. Tui đi chỗ khác”.

“Ừa, không ở bên đó nữa há?”

“Tui về dưới nhà bà con”.

Chị ta vẫn vác cái xẻng ở trên vai, và bây giờ thêm cái cuốc của ông già để lại. Trâm hỏi chị đem

những thứ đó theo làm chi, thì chị cho biết chị sẽ tiếp tục tìm xác cho tới khi tìm ra xác chồng.

Tuần lễ sau, Trâm nghe một đứa bạn kể lại là hôm qua, nó đi thăm mộ thấy một chị đàn bà vác một mình hai cái, vừa cuốc vừa xẻng, đi tha thẩn lên phía sau núi. Chị hỏi có ai biết chỗ nào có ba gốc thông nằm đối mặt nhau không. Cô bạn kết luận: Chắc mộ đó điên rồi.

